BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14/2016/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2016*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bình Dương

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bình Dương.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2016.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bình Dương được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000 khu vực tỉnh Bình Dương.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bình Dương được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố, thị xã và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa;

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội;

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: "P." là chữ viết tắt của "phường"; "TT." là chữ viết tắt của "thị trấn";

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: "TP." là chữ viết tắt của "thành phố"; "H." là chữ viết tắt của "huyện"; "TX." là chữ viết tắt của "thị xã";

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh"; đối tượng địa lý thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm"; nếu đối tượng địa lý thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối";

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 chứa địa danh chuẩn hóa ở cột "Địa danh".

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH BÌNH DƯƠNG

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bình Dương gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện
1	Thành phố Thủ Dầu Một
2	Thị xã Bến Cát
3	Thị xã Dĩ An
4	Thị xã Tân Uyên
5	Thị xã Thuận An
6	Huyện Bắc Tân Uyên
7	Huyện Bàu Bàng
8	Huyện Dầu Tiếng
9	Huyện Phú Giáo

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
cầu Bà Cô	KX	P. Chánh Mỹ	TP. Thủ Dầu Một	11° 00' 15"	106° 37' 20"					C-48-22-C-c
rạch Bà Cô	TV	P. Chánh Mỹ	TP. Thủ Dầu Một			11° 00' 03"	106° 38' 08"	11° 00' 10"	106° 37' 09"	C-48-22-C-c; C-48-22-C-d; C-48-34-A-b
rạch Bà Quyến	TV	P. Chánh Mỹ	TP. Thủ Dầu Một			11° 00' 03"	106° 38' 08"	10° 58' 47"	106° 37' 42"	C-48-34-A-b; C-48-22-C-d
Đại lộ Bình Dương	KX	P. Chánh Mỹ	TP. Thủ Dầu Một			10° 52' 10"	106° 42' 49"	11° 21' 37"	106° 37' 44"	C-48-22-C-d
khu phố Chánh Lộc 1	DC	P. Chánh Mỹ	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 56"	106° 38' 41"					C-48-34-A-b
khu phố Chánh Lộc 2	DC	P. Chánh Mỹ	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 41"	106° 38' 45"					C-48-34-A-b
khu phố Chánh Lộc 3	DC	P. Chánh Mỹ	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 47"	106° 38' 37"					C-48-34-A-b
khu phố Chánh Lộc 4	DC	P. Chánh Mỹ	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 43"	106° 38' 21"					C-48-34-A-b
khu phố Chánh Lộc 5	DC	P. Chánh Mỹ	TP. Thủ Dầu Một	11° 00' 02"	106° 38' 37"					C-48-22-C-d
khu phố Chánh Lộc 6	DC	P. Chánh Mỹ	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 34"	106° 38' 20"					C-48-34-A-b
khu phố Chánh Lộc 7	DC	P. Chánh Mỹ	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 16"	106° 38' 24"					C-48-34-A-b
Suối Giữa	TV	P. Chánh Mỹ	TP. Thủ Dầu Một			11° 02' 59"	106° 40' 20"	11° 00' 03"	106° 38' 08"	C-48-22-C-d
chùa Linh Sơn	KX	P. Chánh Mỹ	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 30"	106° 38' 41"					C-48-34-A-b
giáo xứ Mỹ Hảo 1	KX	P. Chánh Mỹ	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 05"	106° 37' 24"					C-48-34-A-b
khu phố Mỹ Hảo 1	DC	P. Chánh Mỹ	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 05"	106° 37' 36"					C-48-34-A-b
khu phố Mỹ Hảo 2	DC	P. Chánh Mỹ	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 47"	106° 37' 11"					C-48-34-A-b
rạch Phó Khanh	TV	P. Chánh Mỹ	TP. Thủ Dầu Một			10° 59' 32"	106° 37' 11"	10° 59' 26"	106° 36' 55"	C-48-34-A-a
cầu Phú Cường	KX	P. Chánh Mỹ	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 55"	106° 38' 29"					C-48-34-A-b
chùa Phước Long	KX	P. Chánh Mỹ	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 24"	106° 38' 28"					C-48-34-A-b
cầu Rạch Trầu	KX	P. Chánh Mỹ	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 04"	106° 38' 23"					C-48-34-A-b
sông Sài Gòn	TV	P. Chánh Mỹ	TP. Thủ Dầu Một			11° 19' 34"	106° 20' 48"	10° 52' 00"	106° 42' 41"	C-48-34-A-a; C-48-34-A-b
Rạch Trầu	TV	P. Chánh Mỹ	TP. Thủ Dầu Một			10° 59' 38"	106° 37' 58"	10° 58' 54"	106° 38' 28"	C-48-34-A-b
Khu phố 1	DC	P. Chánh Nghĩa	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 30"	106° 39' 13"					C-48-34-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Khu phố 2	DC	P. Chánh Nghĩa	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 18"	106° 39' 24"					C-48-34-A-b
Khu phố 3	DC	P. Chánh Nghĩa	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 18"	106° 39' 39"					C-48-34-A-b
Khu phố 4	DC	P. Chánh Nghĩa	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 04"	106° 39' 29"					C-48-34-A-b
Khu phố 5	DC	P. Chánh Nghĩa	TP. Thủ Dầu Một	10° 57' 59"	106° 39' 42"					C-48-34-A-b
Khu phố 6	DC	P. Chánh Nghĩa	TP. Thủ Dầu Một	10° 57' 52"	106° 39' 18"					C-48-34-A-b
Khu phố 7	DC	P. Chánh Nghĩa	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 17"	106° 39' 11"					C-48-34-A-b
Khu phố 8	DC	P. Chánh Nghĩa	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 04"	106° 39' 03"					C-48-34-A-b
Khu phố 9	DC	P. Chánh Nghĩa	TP. Thủ Dầu Một	10° 57' 43"	106° 39' 17"					C-48-34-A-b
khu phố 10	DC	P. Chánh Nghĩa	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 32"	106° 39' 31"					C-48-34-A-b
khu phố 11	DC	P. Chánh Nghĩa	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 36"	106° 39' 54"					C-48-34-A-b
khu phố 12	DC	P. Chánh Nghĩa	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 31"	106° 40' 02"					C-48-34-A-b
Đại lộ Bình Dương	KX	P. Chánh Nghĩa	TP. Thủ Dầu Một			10° 52' 10"	106° 42' 49"	11° 21' 37"	106° 37' 44"	C-48-34-A-b
mộ Ông Võ Văn Vân	KX	P. Chánh Nghĩa	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 03"	106° 39' 56"					C-48-34-A-b
sông Sài Gòn	TV	P. Chánh Nghĩa	TP. Thủ Dầu Một			11° 19' 34"	106° 20' 48"	10° 52' 00"	106° 42' 41"	C-48-34-A-b
chùa Tây Tạng	KX	P. Chánh Nghĩa	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 43"	106° 39' 35"					C-48-34-A-b
cầu Thủ Ngữ	KX	P. Chánh Nghĩa	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 22"	106° 38' 57"					C-48-34-A-b
Trường Trung học phổ thông Võ Minh Đức	KX	P. Chánh Nghĩa	TP. Thủ Dầu Một	10° 57' 49"	106° 39' 50"					C-48-34-A-b
Khu phố 1	DC	P. Định Hòa	TP. Thủ Dầu Một	11° 00' 44"	106° 38' 59"					C-48-22-C-d
Khu phố 2	DC	P. Định Hòa	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 19"	106° 38' 57"					C-48-22-C-d
Khu phố 3	DC	P. Định Hòa	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 27"	106° 39' 17"					C-48-22-C-d
Khu phố 4	DC	P. Định Hòa	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 41"	106° 39' 04"					C-48-22-C-d
Khu phố 5	DC	P. Định Hòa	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 58"	106° 38' 48 "					C-48-22-C-d
Khu phố 6	DC	P. Định Hòa	TP. Thủ Dầu Một	11° 02' 19"	106° 38' 35"					C-48-22-C-d
Khu phố 7	DC	P. Định Hòa	TP. Thủ Dầu Một	11° 02' 43"	106° 38' 58"					C-48-22-C-d
Khu phố 8	DC	P. Định Hòa	TP. Thủ Dầu Một	11° 03' 22"	106° 39' 16"					C-48-22-C-d
Đại lộ Bình Dương	KX	P. Định Hòa	TP. Thủ Dầu Một			10° 52' 10"	106° 42' 49"	11° 21' 37"	106° 37' 44"	C-48-22-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Trường Trung học phổ thông Bình Phú	KX	P. Định Hòa	TP. Thủ Dầu Một	11° 03' 31"	106° 39' 18"					C-48-22-C-d
suối Bưng Cầu	TV	P. Định Hòa	TP. Thủ Dầu Một			11° 02' 00"	106° 39' 07"	11° 00' 06"	106° 38' 07"	C-48-22-C-d
Suối Giữa	TV	P. Định Hòa	TP. Thủ Dầu Một			11° 02' 59"	106° 40' 20"	11° 00' 03"	106° 38' 08"	C-48-22-C-d
đình Hòa An	KX	P. Định Hòa	TP. Thủ Dầu Một	11° 00' 39"	106° 38' 49"					C-48-22-C-d
tịnh xá Ngọc Định	KX	P. Định Hòa	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 33"	106° 38' 51"					C-48-22-C-d
Đường Nguyễn Văn Thành	KX	P. Định Hòa	TP. Thủ Dầu Một			11° 02' 06"	106° 38' 18"	11° 11' 10"	106° 43' 30"	C-48-22-C-d
Khu phố 1	DC	P. Hiệp An	TP. Thủ Dầu Một	11° 02' 37"	106° 37' 13"					C-48-22-C-c
Khu phố 2	DC	P. Hiệp An	TP. Thủ Dầu Một	11° 02' 23"	106° 38' 06"					C-48-22-C-d
Khu phố 3	DC	P. Hiệp An	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 46"	106° 37' 54"					C-48-22-C-d
Khu phố 4	DC	P. Hiệp An	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 50"	106° 38' 23"					C-48-22-C-d
Khu phố 5	DC	P. Hiệp An	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 33"	106° 38' 35"					C-48-22-C-d
Khu phố 6	DC	P. Hiệp An	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 21"	106° 37' 54"					C-48-22-C-d
Khu phố 7	DC	P. Hiệp An	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 16"	106° 38' 21"					C-48-22-C-d
Khu phố 8	DC	P. Hiệp An	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 01"	106° 38' 18"					C-48-22-C-d
Khu phố 9	DC	P. Hiệp An	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 05"	106° 38' 41"					C-48-22-C-d
Đại lộ Bình Dương	KX	P. Hiệp An	TP. Thủ Dầu Một			10° 52' 10"	106° 42' 49"	11° 21' 37"	106° 37' 44"	C-48-22-C-d
suối Bưng Cầu	TV	P. Hiệp An	TP. Thủ Dầu Một			11° 02' 00"	106° 39' 07"	11° 00' 06"	106° 38' 07"	C-48-22-C-d
khu du lịch Đại Nam	KX	P. Hiệp An	TP. Thủ Dầu Một	11° 02' 20"	106° 37' 46"					C-48-22-C-c
Đường Nguyễn Chí Thanh	KX	P. Hiệp An	TP. Thủ Dầu Một			11° 00' 30"	106° 38' 36"	11° 02' 58"	106° 36' 34"	C-48-22-C-c; C-48-22-C-d
cầu Ông Cộ	KX	P. Hiệp An	TP. Thủ Dầu Một	11° 02' 59"	106° 36' 33"					C-48-22-C-c
sông Thị Tính	TV	P. Hiệp An	TP. Thủ Dầu Một			11° 18' 17"	106° 28' 08"	11° 02' 27"	106° 36' 06"	C-48-22-C-d
Khu phố 1	DC	P. Hiệp Thành	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 10"	106° 39' 40"					C-48-34-A-b
Khu phố 2	DC	P. Hiệp Thành	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 08"	106° 39' 15"					C-48-34-A-b
Khu phố 3	DC	P. Hiệp Thành	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 27"	106° 39' 12"					C-48-34-A-b
Khu phố 4	DC	P. Hiệp Thành	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 40"	106° 39' 02"					C-48-34-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Khu phố 5	DC	P. Hiệp Thành	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 46"	106° 39' 30"					C-48-34-A-b
Khu phố 6	DC	P. Hiệp Thành	TP. Thủ Dầu Một	11° 00' 12"	106° 39' 00"					C-48-22-C-d
Khu phố 7	DC	P. Hiệp Thành	TP. Thủ Dầu Một	11° 00' 08"	106° 39' 46"					C-48-22-C-d
Khu phố 8	DC	P. Hiệp Thành	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 40"	106° 40' 00"					C-48-34-A-d
Miếu Bà	KX	P. Hiệp Thành	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 04"	106° 39' 12"					C-48-34-A-b
Trường Đại học Bình Dương	KX	P. Hiệp Thành	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 26"	106° 39' 44"					C-48-34-A-b
Đại lộ Bình Dương	KX	P. Hiệp Thành	TP. Thủ Dầu Một			10° 52' 10"	106° 42' 49"	11° 21' 37"	106° 37' 44"	C-48-22-C-d; C-48-34-A-b
Suối Giữa	TV	P. Hiệp Thành	TP. Thủ Dầu Một			11° 02' 59"	106° 40' 20"	11° 00' 03"	106° 38' 08"	C-48-22-C-d
Công ty Hoàng Gia	KX	P. Hiệp Thành	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 11"	106° 39' 35"					C-48-34-A-b
Trường Trung học phổ thông Chuyên Hùng Vương	KX	P. Hiệp Thành	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 32"	106° 39' 08"					C-48-34-A-b
Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật	KX	P. Hiệp Thành	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 29"	106° 39' 43"					C-48-34-A-b
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu	KX	P. Hiệp Thành	TP. Thủ Dầu Một	11° 00' 03"	106° 38' 44"					C-48-22-C-d
Công viên văn hóa Thanh Lễ	KX	P. Hiệp Thành	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 31"	106° 39' 30"					C-48-34-A-b
Khu phố 1	DC	P. Hòa Phú	TP. Thủ Dầu Một	11° 04' 41"	106° 40' 45"					C-48-22-C-d
Khu phố 2	DC	P. Hòa Phú	TP. Thủ Dầu Một	11° 03' 55"	106° 41' 05"					C-48-22-C-d
Khu phố 3	DC	P. Hòa Phú	TP. Thủ Dầu Một	11° 03' 28"	106° 40' 06"					C-48-22-C-d
Khu phố 4	DC	P. Hòa Phú	TP. Thủ Dầu Một	11° 05' 38"	106° 40' 28"					C-48-22-C-d
Khu phố 5	DC	P. Hòa Phú	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 53"	106° 39' 41"					C-48-22-C-d
Trung tâm Hành chính tỉnh Bình Dương	KX	P. Hòa Phú	TP. Thủ Dầu Một	11° 04' 07"	106° 40' 24"					C-48-22-C-d
Suối Cái	TV	P. Hòa Phú	TP. Thủ Dầu Một			11° 09' 02"	106° 40' 54"	10° 59' 22"	106° 45' 44"	C-48-22-C-b; C-48-22-C-d
Suối Giữa	TV	P. Hòa Phú	TP. Thủ Dầu Một			11° 02' 59"	106° 40' 20"	11° 00' 03"	106° 38' 08"	C-48-22-C-d
Đường Huỳnh Văn Lũy	KX	P. Hòa Phú	TP. Thủ Dầu Một			10° 59' 14"	106° 39' 49"	11° 02' 42"	106° 41' 00"	C-48-22-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
nghĩa trang Truông Bòng Bông	KX	P. Hòa Phú	TP. Thủ Dầu Một	11° 02' 50"	106° 40' 01"					C-48-22-C-d
Khu phố 1	DC	P. Phú Cường	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 57"	106° 39' 48"					C-48-34-A-b
Khu phố 2	DC	P. Phú Cường	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 48"	106° 39' 30"					C-48-34-A-b
Khu phố 3	DC	P. Phú Cường	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 40"	106° 39' 25"					C-48-34-A-b
Khu phố 4	DC	P. Phú Cường	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 36"	106° 39' 17"					C-48-34-A-b
Khu phố 5	DC	P. Phú Cường	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 48"	106° 39' 20"					C-48-34-A-b
Khu phố 6	DC	P. Phú Cường	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 59"	106° 39' 00"					C-48-34-A-b
Khu phố 7	DC	P. Phú Cường	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 47"	106° 38' 59"					C-48-34-A-b
Khu phố 8	DC	P. Phú Cường	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 42"	106° 39' 05"					C-48-34-A-b
Khu phố 9	DC	P. Phú Cường	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 42"	106° 39' 10"					C-48-34-A-b
Khu phố 10	DC	P. Phú Cường	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 33"	106° 39' 01"					C-48-34-A-b
khu phố 11	DC	P. Phú Cường	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 15"	106° 38' 43"					C-48-34-A-b
khu phố 12	DC	P. Phú Cường	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 12"	106° 38' 51"					C-48-34-A-b
khu phố 13	DC	P. Phú Cường	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 06"	106° 38' 58"					C-48-34-A-b
khu phố 14	DC	P. Phú Cường	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 03"	106° 38' 46"					C-48-34-A-b
Đại lộ Bình Dương	KX	P. Phú Cường	TP. Thủ Dầu Một			10° 52' 10"	106° 42' 49"	11° 21' 37"	106° 37' 44"	C-48-34-A-b
chùa Hội Khánh	KX	P. Phú Cường	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 57"	106° 39' 26"					C-48-34-A-b
Trường Trung cấp Mỹ thuật - Văn hóa Bình Dương	KX	P. Phú Cường	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 57"	106° 38' 51"					C-48-34-A-b
Trường Đại học Ngô Quyền	KX	P. Phú Cường	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 13"	106° 38' 35"					C-48-34-A-b
di tích Nhà ông Trần Công Vàng	KX	P. Phú Cường	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 47"	106° 39' 00"					C-48-34-A-b
di tích Nhà ông Trần Văn Hổ	KX	P. Phú Cường	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 44"	106° 38' 56"					C-48-34-A-b
cầu Phú Cường	KX	P. Phú Cường	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 55"	106° 38' 29"					C-48-34-A-b
nhà thờ Chánh tòa Phú	KX	P. Phú Cường	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 58"	106° 39' 07"					C-48-34-A-b
sông Sài Gòn	TV	P. Phú Cường	TP. Thủ Dầu Một			11° 19' 34"	106° 20' 48"	10° 52' 00"	106° 42' 41"	C-48-34-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
cầu Thầy Năng	KX	P. Phú Cường	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 37"	106° 38' 57"					C-48-34-A-b
Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một	KX	P. Phú Cường	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 54"	106° 38' 59"					C-48-34-A-b
Khu phố 1	DC	P. Phú Hòa	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 56"	106° 40' 01"					C-48-34-A-b
Khu phố 2	DC	P. Phú Hòa	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 44"	106° 40' 09"					C-48-34-A-b
Khu phố 3	DC	P. Phú Hòa	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 15"	106° 41' 18"					C-48-34-A-b
Khu phố 4	DC	P. Phú Hòa	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 41"	106° 40' 35"					C-48-34-A-b
Khu phố 5	DC	P. Phú Hòa	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 56"	106° 40' 35"					C-48-34-A-b
Khu phố 6	DC	P. Phú Hòa	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 40"	106° 40' 20"					C-48-34-A-b
Khu phố 7	DC	P. Phú Hòa	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 22"	106° 40' 43"					C-48-34-A-b
Khu phố 8	DC	P. Phú Hòa	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 01"	106° 41' 00"					C-48-34-A-b
Khu phố 9	DC	P. Phú Hòa	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 29"	106° 41' 27"					C-48-34-A-b
Đại lộ Bình Dương	KX	P. Phú Hòa	TP. Thủ Dầu Một			10° 52' 10"	106° 42' 49"	11° 21' 37"	106° 37' 44"	C-48-34-A-b
Đài phát thanh truyền hình Bình Dương	KX	P. Phú Hòa	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 26"	106° 40' 17"					C-48-34-A-b
Suối Cát	TV	P. Phú Hòa	TP. Thủ Dầu Một			10° 59' 18"	106° 41' 32"	10° 57' 01"	106° 40' 22"	C-48-34-A-b
Đường Phú Lợi	KX	P. Phú Hòa	TP. Thủ Dầu Một			10° 59' 06"	106° 39' 52"	10° 59' 25"	106° 41' 42"	C-48-34-A-b
Khu phố 1	DC	P. Phú Lợi	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 13"	106° 39' 54"					C-48-34-A-b
Khu phố 2	DC	P. Phú Lợi	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 06"	106° 40' 10"					C-48-34-A-b
Khu phố 3	DC	P. Phú Lợi	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 24"	106° 39' 59"					C-48-34-A-b
Khu phố 4	DC	P. Phú Lợi	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 13"	106° 40' 24"					C-48-34-A-b
Khu phố 5	DC	P. Phú Lợi	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 24"	106° 40' 29"					C-48-34-A-b
Khu phố 6	DC	P. Phú Lợi	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 48"	106° 40' 11"					C-48-34-A-b
Khu phố 7	DC	P. Phú Lợi	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 53"	106° 40' 31"					C-48-34-A-b
Khu phố 8	DC	P. Phú Lợi	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 21"	106° 41' 00"					C-48-34-A-b
Khu phố 9	DC	P. Phú Lợi	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 46"	106° 41' 27"					C-48-34-A-b
Đại lộ Bình Dương	KX	P. Phú Lợi	TP. Thủ Dầu Một			10° 52' 10"	106° 42' 49"	11° 21' 37"	106° 37' 44"	C-48-34-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Đường Huỳnh Văn Lũy	KX	P. Phú Lợi	TP. Thủ Dầu Một			10° 59' 14"	106° 39' 49"	11° 02' 42"	106° 41' 00"	C-48-22-C-d; C-48-34-A-b
di tích Nhà tù Phú Lợi	KX	P. Phú Lợi	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 33"	106° 40' 50"					C-48-34-A-b
Đường Phú Lợi	KX	P. Phú Lợi	TP. Thủ Dầu Một			10° 59' 06"	106° 39' 52"	10° 59' 25"	106° 41' 42"	C-48-34-A-b
đình Phú Thuận	KX	P. Phú Lợi	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 52"	106° 40' 05"					C-48-34-A-b
chùa Phước An	KX	P. Phú Lợi	TP. Thủ Dầu Một	10° 59' 22"	106° 39' 53"					C-48-34-A-b
Khu phố 1	DC	P. Phú Mỹ	TP. Thủ Dầu Một	11° 00' 25"	106° 40' 45"					C-48-22-C-d
Khu phố 2	DC	P. Phú Mỹ	TP. Thủ Dầu Một	11° 00' 41"	106° 40' 41"					C-48-22-C-d
Khu phố 3	DC	P. Phú Mỹ	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 00"	106° 40' 45"					C-48-22-C-d
Khu phố 4	DC	P. Phú Mỹ	TP. Thủ Dầu Một	11° 00' 33"	106° 40' 16"					C-48-22-C-d
Khu phố 5	DC	P. Phú Mỹ	TP. Thủ Dầu Một	11° 00' 47"	106° 40' 02"					C-48-22-C-d
Khu phố 6	DC	P. Phú Mỹ	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 13"	106° 40' 46"					C-48-22-C-d
Khu phố 7	DC	P. Phú Mỹ	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 31"	106° 40' 40"					C-48-22-C-d
Khu phố 8	DC	P. Phú Mỹ	TP. Thủ Dầu Một	11° 02' 05"	106° 40' 50"					C-48-22-C-d
Trường Trung học phổ thông An Mỹ	KX	P. Phú Mỹ	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 01"	106° 40' 50"					C-48-22-C-d
Suối Giữa	TV	P. Phú Mỹ	TP. Thủ Dầu Một			11° 02' 59"	106° 40' 20"	11° 00' 03"	106° 38' 08"	C-48-22-C-d
Đường Huỳnh Văn Lũy	KX	P. Phú Mỹ	TP. Thủ Dầu Một			10° 59' 14"	106° 39' 49"	11° 02' 42"	106° 41' 00"	C-48-22-C-d
Trường Trung cấp Nghề Việt Hàn	KX	P. Phú Mỹ	TP. Thủ Dầu Một	11° 00' 23"	106° 40' 32"					C-48-22-C-d
Khu phố 1	DC	P. Phú Tân	TP. Thủ Dầu Một	11° 02' 02"	106° 41' 23"					C-48-22-C-d
Khu phố 2	DC	P. Phú Tân	TP. Thủ Dầu Một	11° 03' 19"	106° 41' 45"					C-48-22-C-d
Khu phố 3	DC	P. Phú Tân	TP. Thủ Dầu Một	11° 00' 48"	106° 41' 43"					C-48-22-C-d
Suối Chợ	TV	P. Phú Tân	TP. Thủ Dầu Một			11° 00' 16"	106° 42' 08"	11° 01' 12"	106° 44' 23"	C-48-22-C-d
Đường Huỳnh Văn Lũy	KX	P. Phú Tân	TP. Thủ Dầu Một			10° 59' 14"	106° 39' 49"	11° 02' 42"	106° 41' 00"	C-48-22-C-d
Khu phố 2	DC	P. Phú Thọ	TP. Thủ Dầu Một	10° 58' 06"	106° 40' 19"					C-48-34-A-b
Khu phố 3	DC	P. Phú Thọ	TP. Thủ Dầu Một	10° 57' 59"	106° 40' 36"					C-48-34-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Khu phố 4	DC	P. Phú Thọ	TP. Thủ Dầu Một	10° 57' 51"	106° 40' 07"					C-48-34-A-b
Khu phố 5	DC	P. Phú Thọ	TP. Thủ Dầu Một	10° 57' 03"	106° 39' 44"					C-48-34-A-b
Khu phố 6	DC	P. Phú Thọ	TP. Thủ Dầu Một	10° 56' 55"	106° 39' 15"					C-48-34-A-b
Khu phố 7	DC	P. Phú Thọ	TP. Thủ Dầu Một	10° 57' 48"	106° 40' 52"					C-48-34-A-b
Khu phố 8	DC	P. Phú Thọ	TP. Thủ Dầu Một	10° 57' 24"	106° 39' 50"					C-48-34-A-b
cảng Bà Lụa	KX	P. Phú Thọ	TP. Thủ Dầu Một	10° 56' 54"	106° 39' 05"					C-48-34-A-b
rạch Bà Lụa	TV	P. Phú Thọ	TP. Thủ Dầu Một			10° 57' 01"	106° 40' 22"	10° 56' 36"	106° 38' 58"	C-48-34-A-b
Đại lộ Bình Dương	KX	P. Phú Thọ	TP. Thủ Dầu Một			10° 52' 10"	106° 42' 49"	11° 21' 37"	106° 37' 44"	C-48-34-A-b
Suối Cát	TV	P. Phú Thọ	TP. Thủ Dầu Một			10° 59' 18"	106° 41' 32"	10° 57' 01"	106° 40' 22"	C-48-34-A-b
Công ty Lotte	KX	P. Phú Thọ	TP. Thủ Dầu Một	10° 57' 02"	106° 39' 37"					C-48-34-A-b
đình Phú Cường	KX	P. Phú Thọ	TP. Thủ Dầu Một	10° 56' 54"	106° 39' 35"					C-48-34-A-b
sông Sài Gòn	TV	P. Phú Thọ	TP. Thủ Dầu Một			11° 19' 34"	106° 20' 48"	10° 52' 00"	106° 42' 41"	C-48-34-A-b
Đoàn Tài nguyên Nước Sông Vàm Cỏ	KX	P. Phú Thọ	TP. Thủ Dầu Một	10° 57' 52"	106° 40' 45"					C-48-34-A-b
Khu phố 1	DC	P. Tân An	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 12"	106° 36' 54"					C-48-22-C-c
Khu phố 2	DC	P. Tân An	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 05"	106° 37' 08"					C-48-22-C-c
Khu phố 3	DC	P. Tân An	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 30"	106° 37' 07"					C-48-22-C-c
Khu phố 4	DC	P. Tân An	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 32"	106° 36' 54"					C-48-22-C-c
Khu phố 5	DC	P. Tân An	TP. Thủ Dầu Một	11° 02' 00"	106° 36' 43"					C-48-22-C-c
Khu phố 6	DC	P. Tân An	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 44"	106° 37' 06"					C-48-22-C-c
Khu phố 7	DC	P. Tân An	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 38"	106° 37' 30"					C-48-22-C-d
Khu phố 8	DC	P. Tân An	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 55"	106° 37' 00"					C-48-22-C-c
Khu phố 9	DC	P. Tân An	TP. Thủ Dầu Một	11° 02' 39"	106° 36' 52"					C-48-22-C-c
rạch Bình Điền	TV	P. Tân An	TP. Thủ Dầu Một			11° 02' 09"	106° 35' 56"	11° 01' 34"	106° 36' 32"	C-48-22-C-c
chùa Cao Đài	KX	P. Tân An	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 27"	106° 37' 11"					C-48-22-C-c
rạch Cầu Tre	TV	P. Tân An	TP. Thủ Dầu Một			11° 01' 34"	106° 36' 32"	11° 01' 09"	106° 36' 43"	C-48-22-C-c
Rạch Miễu	TV	P. Tân An	TP. Thủ Dầu Một			11° 01' 23"	106° 36' 43"	11° 00' 50"	106° 36' 12"	C-48-22-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Đường Nguyễn Chí Thanh	KX	P. Tân An	TP. Thủ Dầu Một			11° 00' 30"	106° 38' 36"	11° 02' 58"	106° 36' 34"	C-48-22-C-c; C-48-22-C-d
di tích Nhà ông Nguyễn Tri Quan	KX	P. Tân An	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 12"	106° 37' 04"					C-48-22-C-c
cầu Ông Cộ	KX	P. Tân An	TP. Thủ Dầu Một	11° 02' 59"	106° 36' 33"					C-48-22-C-c
rạch Ông Màng	TV	P. Tân An	TP. Thủ Dầu Một			11° 01' 09"	106° 36' 43"	11° 00' 45"	106° 36' 52"	C-48-22-C-c
chùa Phước Hưng	KX	P. Tân An	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 37"	106° 37' 17"					C-48-22-C-c
sông Sài Gòn	TV	P. Tân An	TP. Thủ Dầu Một			11° 19' 34"	106° 20' 48"	10° 52' 00"	106° 42' 41"	C-48-22-C-c
đình Tân An	KX	P. Tân An	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 15"	106° 37' 00"					C-48-22-C-c
sông Thị Tính	TV	P. Tân An	TP. Thủ Dầu Một			11° 18' 17"	106° 28' 08"	11° 02' 27"	106° 36' 06"	C-48-22-C-c
Khu phố 1	DC	P. Tương Bình Hiệp	TP. Thủ Dầu Một	11° 00' 45"	106° 37' 27"					C-48-22-C-c
Khu phố 2	DC	P. Tương Bình Hiệp	TP. Thủ Dầu Một	11° 00' 29"	106° 37' 16"					C-48-22-C-c
Khu phố 3	DC	P. Tương Bình Hiệp	TP. Thủ Dầu Một	11° 00' 18"	106° 37' 38"					C-48-22-C-d
Khu phố 4	DC	P. Tương Bình Hiệp	TP. Thủ Dầu Một	11° 00' 24"	106° 37' 57"					C-48-22-C-d
Khu phố 5	DC	P. Tương Bình Hiệp	TP. Thủ Dầu Một	11° 00' 35"	106° 38' 05"					C-48-22-C-d
Khu phố 6	DC	P. Tương Bình Hiệp	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 13"	106° 37' 54"					C-48-22-C-d
Khu phố 7	DC	P. Tương Bình Hiệp	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 13"	106° 37' 41"					C-48-22-C-d
Khu phố 8	DC	P. Tương Bình Hiệp	TP. Thủ Dầu Một	11° 01' 03"	106° 37' 33"					C-48-22-C-c
rạch Bà Cô	TV	P. Tương Bình Hiệp	TP. Thủ Dầu Một			11° 00' 03"	106° 38' 08"	11° 00' 10"	106° 37' 09"	C-48-22-C-c; C-48-22-C-d; C-48-34-A-b
Đại lộ Bình Dương	KX	P. Tương Bình Hiệp	TP. Thủ Dầu Một			10° 52' 10"	106° 42' 49"	11° 21' 37"	106° 37' 44"	C-48-22-C-d
suối Bưng Cầu	TV	P. Tương Bình Hiệp	TP. Thủ Dầu Một			11° 02' 00"	106° 39' 07"	11° 00' 06"	106° 38' 07"	C-48-22-C-d
Suối Giữa	TV	P. Tương Bình Hiệp	TP. Thủ Dầu Một			11° 02' 59"	106° 40' 20"	11° 00' 03"	106° 38' 08"	C-48-22-C-d; C-48-34-A-b
di tích Lò lu Đại Hưng - Tương Bình Hiệp	KX	P. Tương Bình Hiệp	TP. Thủ Dầu Một	11° 00' 57"	106° 37' 14"					C-48-22-C-c
Đường Nguyễn Chí Thanh	KX	P. Tương Bình Hiệp	TP. Thủ Dầu Một			11° 00' 30"	106° 38' 36"	11° 02' 58"	106° 36' 34"	C-48-22-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
rạch Ông Màng	TV	P. Tương Bình Hiệp	TP. Thủ Dầu Một			11° 01' 09"	106° 36' 43"	11° 00' 45"	106° 36' 52"	C-48-22-C-c
sông Sài Gòn	TV	P. Tương Bình Hiệp	TP. Thủ Dầu Một			11° 19' 34"	106° 20' 48"	10° 52' 00"	106° 42' 41"	C-48-22-C-c
đình Tương Bình Hiệp	KX	P. Tương Bình Hiệp	TP. Thủ Dầu Một	11° 00' 22"	106° 37' 19"					C-48-22-C-c
khu phố 1A	DC	P. Chánh Phú Hòa	TX. Bến Cát	11° 09' 59"	106° 39' 48"					C-48-22-C-b
khu phố 1B	DC	P. Chánh Phú Hòa	TX. Bến Cát	11° 10' 50"	106° 39' 51"					C-48-22-C-b
Khu phố 2	DC	P. Chánh Phú Hòa	TX. Bến Cát	11° 08' 30"	106° 39' 27"					C-48-22-C-b
Khu phố 3	DC	P. Chánh Phú Hòa	TX. Bến Cát	11° 09' 03"	106° 40' 11"					C-48-22-C-b
Khu phố 4	DC	P. Chánh Phú Hòa	TX. Bến Cát	11° 09' 27"	106° 38' 36"					C-48-22-C-b
Khu phố 5	DC	P. Chánh Phú Hòa	TX. Bến Cát	11° 08' 53"	106° 38' 16"					C-48-22-C-b
Khu phố 7	DC	P. Chánh Phú Hòa	TX. Bến Cát	11° 07' 28"	106° 37' 56"					C-48-22-C-b
Khu phố 8	DC	P. Chánh Phú Hòa	TX. Bến Cát	11° 08' 32"	106° 38' 49"					C-48-22-C-b
Khu phố 9	DC	P. Chánh Phú Hòa	TX. Bến Cát	11° 08' 37"	106° 40' 11"					C-48-22-C-b
Đường ĐH.604	KX	P. Chánh Phú Hòa	TX. Bến Cát			11° 09' 08"	106° 35' 48"	11° 08' 47"	106° 40' 05"	C-48-22-C-b
Đường ĐH.605	KX	P. Chánh Phú Hòa	TX. Bến Cát			11° 08' 52"	106° 37' 50"	11° 09' 43"	106° 40' 15"	C-48-22-C-b
Đường ĐT.741	KX	P. Chánh Phú Hòa	TX. Bến Cát			11° 02' 06"	106° 38' 18"	11° 23' 06"	106° 49' 23"	C-48-22-C-b
suối Bà Cốm	TV	P. Chánh Phú Hòa	TX. Bến Cát			11° 07' 42"	106° 39' 29"	11° 08' 10"	106° 38' 40"	C-48-22-C-b
suối Bông Trang	TV	P. Chánh Phú Hòa	TX. Bến Cát			11° 12' 12"	106° 42' 24"	11° 11' 27"	106° 39' 03"	C-48-22-C-b
Suối Cái 1	TV	P. Chánh Phú Hòa	TX. Bến Cát			11° 09' 02"	106° 40' 54"	11° 59' 22"	106° 45' 44"	C-48-22-C-c; C-48-22-C-d
Suối Cái 2	TV	P. Chánh Phú Hòa	TX. Bến Cát			11° 08' 10"	106° 38' 40"	11° 07' 05"	106° 37' 35"	C-48-22-C-b; C-48-22-C-d
suối Cầu Độn	TV	P. Chánh Phú Hòa	TX. Bến Cát			11° 09' 30"	106° 39' 36"	11° 08' 10"	106° 38' 40"	C-48-22-C-b
nghĩa trang công viên Chánh Phú Hòa	KX	P. Chánh Phú Hòa	TX. Bến Cát	11° 10' 33"	106° 39' 01"					C-48-22-C-b
khu công nghiệp Mỹ Phước 3	KX	P. Chánh Phú Hòa	TX. Bến Cát	11° 06' 53"	106° 37' 37"					C-48-22-C-b
cầu Ông Độn	KX	P. Chánh Phú Hòa	TX. Bến Cát	11° 08' 50"	106° 39' 13"					C-48-22-C-c
suối Ông Tề	TV	P. Chánh Phú Hòa	TX. Bến Cát			11° 14' 34"	106° 40' 42"	11° 09' 20"	106° 35' 09"	C-48-22-C-a; C-48-22-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
hồ Pa Ri	TV	P. Chánh Phú Hòa	TX. Bến Cát	11° 11' 02"	106° 40' 57"					C-48-22-C-b
nhà máy Chế biến cao su Phước Hòa	KX	P. Chánh Phú Hòa	TX. Bến Cát	11° 10' 43"	106° 40' 42"					C-48-22-C-b
chùa Sùng Hưng	KX	P. Chánh Phú Hòa	TX. Bến Cát	11° 08' 15"	106° 39' 55"					C-48-22-C-b
Suối Tre	TV	P. Chánh Phú Hòa	TX. Bến Cát			11° 10' 45"	106° 42' 31"	11° 09' 02"	106° 40' 54"	C-48-22-C-b
Đường ĐH.602	KX	P. Hòa Lợi	TX. Bến Cát			11° 04' 38"	106° 37' 34"	11° 05' 20"	106° 39' 52"	C-48-22-C-d
Đường ĐT.741	KX	P. Hòa Lợi	TX. Bến Cát			11° 02' 06"	106° 38' 18"	11° 23' 06"	106° 49' 23"	C-48-22-C-b; C-48-22-C-d
khu phố An Hòa	DC	P. Hòa Lợi	TX. Bến Cát	11° 05' 54"	106° 39' 42"					C-48-22-C-d
khu phố An Lợi	DC	P. Hòa Lợi	TX. Bến Cát	11° 07' 25"	106° 39' 48"					C-48-22-C-b; C-48-22-C-d
suối Bà Cốm	TV	P. Hòa Lợi	TX. Bến Cát			11° 07' 42"	106° 39' 29"	11° 08' 10"	106° 38' 40"	C-48-22-C-b
khu phố Bến Đồn	DC	P. Hòa Lợi	TX. Bến Cát	11° 07' 12"	106° 41' 18"					C-48-22-C-d
Suối Cái	TV	P. Hòa Lợi	TX. Bến Cát			11° 09' 02"	106° 40' 54"	10° 59' 22"	106° 45' 44"	C-48-22-C-c; C-48-22-C-d
suối Cầu Định	TV	P. Hòa Lợi	TX. Bến Cát			11° 05' 06"	106° 39' 49"	11° 03' 56"	106° 36' 36"	C-48-22-C-d
Trường Trung cấp Mỹ thuật - Văn hóa Bình Dương cơ sở 2	KX	P. Hòa Lợi	TX. Bến Cát	11° 03' 35"	106° 39' 08"					C-48-22-C-d
khu phố Phú Hòa	DC	P. Hòa Lợi	TX. Bến Cát	11° 04' 04"	106° 39' 20"					C-48-22-C-d
khu phố Phú Nghị	DC	P. Hòa Lợi	TX. Bến Cát	11° 04' 42"	106° 39' 36"					C-48-22-C-d
Khu phố 1	DC	P. Mỹ Phước	TX. Bến Cát	11° 09' 18"	106° 35' 13"					C-48-22-C-a
Khu phố 2	DC	P. Mỹ Phước	TX. Bến Cát	11° 09' 03"	106° 35' 33"					C-48-22-C-a
Khu phố 3	DC	P. Mỹ Phước	TX. Bến Cát	11° 08' 51"	106° 36' 21"					C-48-22-C-a
Khu phố 4	DC	P. Mỹ Phước	TX. Bến Cát	11° 08' 12"	106° 36' 14"					C-48-22-C-a
Khu phố 5	DC	P. Mỹ Phước	TX. Bến Cát	11° 09' 51"	106° 35' 40"					C-48-22-C-a
đập 26-3	KX	P. Mỹ Phước	TX. Bến Cát	11° 09' 23"	106° 37' 21"					C-48-22-C-a
đồi 29	SV	P. Mỹ Phước	TX. Bến Cát	11° 09' 15"	106° 35' 57"					C-48-22-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Đường 30-4	KX	P. Mỹ Phước	TX. Bến Cát			11° 09' 02"	106° 35' 43"	11° 09' 38"	106° 34' 47"	C-48-22-C-a
Đường ĐH.604	KX	P. Mỹ Phước	TX. Bến Cát			11° 09' 08"	106° 35' 48"	11° 08' 47"	106° 40' 05"	C-48-22-C-a
Đường ĐT.749A	KX	P. Mỹ Phước	TX. Bến Cát			11° 25' 42"	106° 30' 20"	11° 23' 22"	106° 32' 15"	C-48-22-C-a
Trường Trung học phổ thông Bến Cát	KX	P. Mỹ Phước	TX. Bến Cát	11° 09' 14"	106° 36' 27"					C-48-22-C-a
cầu Bến Củi	KX	P. Mỹ Phước	TX. Bến Cát	11° 09' 33"	106° 35' 31"					C-48-22-C-a
Đại lộ Bình Dương	KX	P. Mỹ Phước	TX. Bến Cát			10° 52' 10"	106° 42' 49"	11° 21' 37"	106° 37' 44"	C-48-22-C-a; C-48-22-C-c
Cầu Đò	KX	P. Mỹ Phước	TX. Bến Cát	11° 09' 08"	106° 35' 10"					C-48-22-C-a
khu công nghiệp Mỹ Phước 1	KX	P. Mỹ Phước	TX. Bến Cát	11° 07' 58"	106° 36' 11"					C-48-22-C-a
khu công nghiệp Mỹ Phước 2	KX	P. Mỹ Phước	TX. Bến Cát	11° 08' 08"	106° 36' 30"					C-48-22-C-a
suối Ông Tề	TV	P. Mỹ Phước	TX. Bến Cát			11° 14' 34"	106° 40' 42"	11° 09' 20"	106° 35' 09"	C-48-22-C-a; C-48-22-C-b
Cầu Quan	KX	P. Mỹ Phước	TX. Bến Cát	11° 09' 18"	106° 35' 03"					C-48-22-C-a
cầu Suối Tre	KX	P. Mỹ Phước	TX. Bến Cát	11° 08' 31"	106° 36' 07"					C-48-22-C-a
sông Thị Tính	TV	P. Mỹ Phước	TX. Bến Cát			11° 18' 17"	106° 28' 08"	11° 02' 27"	106° 36' 06"	C-48-22-C-a
Khu phố 1	DC	P. Tân Định	TX. Bến Cát	11° 02' 43"	106° 38' 32"					C-48-22-C-d
Khu phố 2	DC	P. Tân Định	TX. Bến Cát	11° 03' 15"	106° 38' 03"					C-48-22-C-d
Khu phố 3	DC	P. Tân Định	TX. Bến Cát	11° 03' 51"	106° 37' 35"					C-48-22-C-d
Khu phố 4	DC	P. Tân Định	TX. Bến Cát	11° 04' 30"	106° 37' 33"					C-48-22-C-d
Đường ĐH.601	KX	P. Tân Định	TX. Bến Cát			11° 03' 12"	106° 37' 42"	11° 04' 02"	106° 39' 18"	C-48-22-C-d
Đường ĐH.602	KX	P. Tân Định	TX. Bến Cát			11° 04' 38"	106° 37' 34"	11° 05' 20"	106° 39' 52"	C-48-22-C-d
Đường ĐH.616	KX	P. Tân Định	TX. Bến Cát			11° 04' 48"	106° 37' 29"	11° 05' 03"	106° 36' 48"	C-48-22-C-c
Đường ĐT.741	KX	P. Tân Định	TX. Bến Cát			11° 02' 06"	106° 38' 18"	11° 23' 06"	106° 49' 23"	C-48-22-C-d
Đại lộ Bình Dương	KX	P. Tân Định	TX. Bến Cát			10° 52' 10"	106° 42' 49"	11° 21' 37"	106° 37' 44"	C-48-22-C-c; C-48-22-C-d
bót Cầu Định	KX	P. Tân Định	TX. Bến Cát	11° 03' 59"	106° 37' 33"					C-48-22-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
suối Cầu Định	TV	P. Tân Định	TX. Bến Cát			11° 05' 06"	106° 39' 49"	11° 03' 56"	106° 36' 36"	C-48-22-C-d
rạch Cây Bần	TV	P. Tân Định	TX. Bến Cát			11° 05' 14'	106° 38' 29'	11° 04' 24"	106° 36' 09"	C-48-22-C-d
khu du lịch Đại Nam	KX	P. Tân Định	TX. Bến Cát	11° 02' 20"	106° 37' 46"					C-48-22-C-d
chùa Long Hưng	KX	P. Tân Định	TX. Bến Cát	11° 04' 28"	106° 37' 41"					C-48-22-C-d
cụm công nghiệp Tân Định	KX	P. Tân Định	TX. Bến Cát	11° 02' 53"	106° 37' 44"					C-48-22-C-d
sông Thị Tính	TV	P. Tân Định	TX. Bến Cát			11° 18' 17"	106° 28' 08"	11° 02' 27"	106° 36' 06"	C-48-22-C-d
Khu phố 1	DC	P. Thới Hòa	TX. Bến Cát	11° 07' 04"	106° 39' 08"					C-48-22-C-d
Khu phố 2	DC	P. Thới Hòa	TX. Bến Cát	11° 04' 50"	106° 37' 41"					C-48-22-C-d
khu phố 3A	DC	P. Thới Hòa	TX. Bến Cát	11° 05' 39"	106° 37' 31"					C-48-22-C-d
khu phố 3B	DC	P. Thới Hòa	TX. Bến Cát	11° 06' 05"	106° 36' 46"					C-48-22-C-c
Khu phố 4	DC	P. Thới Hòa	TX. Bến Cát	11° 06' 18"	106° 37' 07"					C-48-22-C-c
Khu phố 5	DC	P. Thới Hòa	TX. Bến Cát	11° 06' 57"	106° 36' 52"					C-48-22-C-c
Khu phố 6	DC	P. Thới Hòa	TX. Bến Cát	11° 07' 26"	106° 36' 16"					C-48-22-C-c
Đường ĐH.602	KX	P. Thới Hòa	TX. Bến Cát			11° 04' 38"	106° 37' 34"	11° 05' 20"	106° 39' 52"	C-48-22-C-d
Rạch Bến	TV	P. Thới Hòa	TX. Bến Cát			11° 07' 07"	106° 35' 10"	11° 06' 42"	106° 35' 16"	C-48-22-C-c
Đại lộ Bình Dương	KX	P. Thới Hòa	TX. Bến Cát			10° 52' 10"	106° 42' 49"	11° 21' 37"	106° 37' 44"	C-48-22-C-c; C-48-22-C-d
rạch Cây Bần	TV	P. Thới Hòa	TX. Bến Cát			11° 05' 14"	106° 38' 29"	11° 04' 24"	106° 36' 09"	C-48-22-C-d; C-48-22-C-c
Rạch Cục	TV	P. Thới Hòa	TX. Bến Cát			11° 06' 54"	106° 35' 34"	11° 06' 37"	106° 35' 25"	C-48-22-C-c
Rạch Kè	TV	P. Thới Hòa	TX. Bến Cát			11° 05' 02"	106° 35' 56"	11° 05' 12"	106° 35' 32"	C-48-22-C-c
rạch Mương Chuối	TV	P. Thới Hòa	TX. Bến Cát			11° 07' 21"	106° 35' 10"	11° 07' 14"	106° 34' 50"	C-48-22-C-c
khu công nghiệp Mỹ Phước 1	KX	P. Thới Hòa	TX. Bến Cát	11° 07' 58"	106° 36' 11"					C-48-22-C-a
khu công nghiệp Mỹ Phước 3	KX	P. Thới Hòa	TX. Bến Cát	11° 06' 53"	106° 37' 37"					C-48-22-C-d
sông Thị Tính	TV	P. Thới Hòa	TX. Bến Cát			11° 18' 17"	106° 28' 08"	11° 02' 27"	106° 36' 06"	C-48-22-C-a; C-48-22-C-c
Đường ĐH.606	KX	xã An Điền	TX. Bến Cát			11° 09' 24"	106° 35' 25"	11° 07' 47"	106° 31' 19"	C-48-22-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Đường ĐH.608	KX	xã An Điền	TX. Bến Cát			11° 04' 32"	106° 33' 45"	11° 05' 11"	106° 35' 00"	C-48-22-C-c
Đường ĐT.748	KX	xã An Điền	TX. Bến Cát			11° 03' 35"	106° 35' 35"	11° 18' 28"	106° 27' 10"	C-48-22-C-a; C-48-22-C-c
ấp An Mỹ	DC	xã An Điền	TX. Bến Cát	11° 06' 14"	106° 34' 56"					C-48-22-C-c
Công ty May An Phú	KX	xã An Điền	TX. Bến Cát	11° 08' 38"	106° 34' 25"					C-48-22-C-a
ấp An Sơn	DC	xã An Điền	TX. Bến Cát	11° 05' 16"	106° 35' 05"					C-48-22-C-c
rạch Bà Phó	TV	xã An Điền	TX. Bến Cát			11° 05' 53"	106° 35' 11"	11° 06' 16"	106° 35' 36"	C-48-22-C-c
Rạch Củi	TV	xã An Điền	TX. Bến Cát			11° 05' 10"	106° 35' 12"	11° 05' 05"	106° 35' 22"	C-48-22-C-c
Cầu Đò	KX	xã An Điền	TX. Bến Cát	11° 09' 08"	106° 35' 10"					C-48-22-C-a
ấp Kiến An	DC	xã An Điền	TX. Bến Cát	11° 09' 16"	106° 33' 27"					C-48-22-C-a
ấp Kiến Điền	DC	xã An Điền	TX. Bến Cát	11° 08' 14"	106° 34' 41"					C-48-22-C-c
Rạch Lá	TV	xã An Điền	TX. Bến Cát			11° 05' 33"	106° 35' 07"	11° 05' 32"	106° 35' 36"	C-48-22-C-c
Rạch Lò	TV	xã An Điền	TX. Bến Cát			11° 05' 24"	106° 35' 11"	11° 05' 21"	106° 35' 34"	C-48-22-C-c
Rạch Mây	TV	xã An Điền	TX. Bến Cát			11° 05' 16"	106° 35' 09"	11° 05' 10"	106° 35' 30"	C-48-22-C-c
rạch Mù U	TV	xã An Điền	TX. Bến Cát			11° 05' 19"	106° 35' 18"	11° 05' 15"	106° 35' 31"	C-48-22-C-c
rạch Mương Kênh	TV	xã An Điền	TX. Bến Cát			11° 06' 32"	106° 35' 02"	11° 06' 40"	106° 35' 18"	C-48-22-C-c
Rạch Ngay 1	TV	xã An Điền	TX. Bến Cát			11° 05' 38"	106° 35' 10"	11° 05' 35"	106° 35' 36"	C-48-22-C-c
Rạch Ngay 2	TV	xã An Điền	TX. Bến Cát			11° 06' 24"	106° 35' 06"	11° 06' 34"	106° 35' 24"	C-48-22-C-c
rạch Ông Miên	TV	xã An Điền	TX. Bến Cát			11° 05' 49"	106° 35' 15"	11° 05' 42"	106° 35' 36"	C-48-22-C-c
ấp Tân Lập	DC	xã An Điền	TX. Bến Cát	11° 08' 28"	106° 33' 29"					C-48-22-C-c
sông Thị Tính	TV	xã An Điền	TX. Bến Cát			11° 18' 17"	106° 28' 08"	11° 02' 27"	106° 36' 06"	C-48-22-C-a; C-48-22-C-c
Đường ĐH.606	KX	xã An Tây	TX. Bến Cát			11° 09' 24"	106° 35' 25"	11° 07' 47"	106° 31' 19"	C-48-22-C-a
Đường ĐH.608	KX	xã An Tây	TX. Bến Cát			11° 04' 32"	106° 33' 45"	11° 05' 11"	106° 35' 00"	C-48-22-C-c
Đường ĐH.609	KX	xã An Tây	TX. Bến Cát			11° 03' 35"	106° 35' 35"	11° 06' 40"	106° 31' 33"	C-48-22-C-c
Đường ĐT.744	KX	xã An Tây	TX. Bến Cát			11° 02' 58"	106° 36' 34"	11° 26' 22"	106° 24' 50"	C-48-22-C-a; C-48-22-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
khu công nghiệp An Tây	KX	xã An Tây	TX. Bến Cát	11° 06' 45"	106° 32' 28"					C-48-22-C-c
ấp An Thành	DC	xã An Tây	TX. Bến Cát	11° 04' 21"	106° 32' 56"					C-48-22-C-c
Công ty Cao su Bến Cát	KX	xã An Tây	TX. Bến Cát	11° 08' 08"	106° 32' 33"					C-48-22-C-a
rạch Cua Đinh	TV	xã An Tây	TX. Bến Cát			11° 06' 25"	106° 31' 29"	11° 05' 35"	106° 31' 50"	C-48-22-C-c
Khu di tích lịch sử Địa đạo Tây Nam Bến Cát	KX	xã An Tây	TX. Bến Cát	11° 05' 34"	106° 32' 19"					C-48-22-C-c
ấp Dòng Sỏi	DC	xã An Tây	TX. Bến Cát	11° 06' 14"	106° 32' 04"					C-48-22-C-c
rạch Gò Cát	TV	xã An Tây	TX. Bến Cát			11° 04' 20"	106° 32' 28"	11° 04' 00"	106° 31' 43"	C-48-22-C-c
ấp Lồ Ồ	DC	xã An Tây	TX. Bến Cát	11° 05' 06"	106° 32' 19"					C-48-22-C-c
khu công nghiệp Mai Trung	KX	xã An Tây	TX. Bến Cát	11° 05' 55"	106° 32' 31"					C-48-22-C-c
rạch Mương Dâu Lớn	TV	xã An Tây	TX. Bến Cát			11° 04' 08"	106° 33' 20"	11° 02' 50"	106° 33' 23"	C-48-22-C-c
rạch Mương Dâu Nhỏ	TV	xã An Tây	TX. Bến Cát			11° 04' 15"	106° 32' 50"	11° 03' 25"	106° 32' 13"	C-48-22-C-c
rạch Ông An	TV	xã An Tây	TX. Bến Cát			11° 04' 30"	106° 31' 46"	11° 04' 21"	106° 31' 23"	C-48-22-C-c
nông trường Cao su Phan Văn Tiến	KX	xã An Tây	TX. Bến Cát	11° 08' 41"	106° 31' 52"					C-48-22-C-a
ấp Rạch Bắp	DC	xã An Tây	TX. Bến Cát	11° 07' 48"	106° 31' 23"					C-48-22-C-a
khu công nghiệp Rạch Bắp	KX	xã An Tây	TX. Bến Cát	11° 08' 24"	106° 32' 02"					C-48-22-C-a
sông Sài Gòn	TV	xã An Tây	TX. Bến Cát			11° 19' 34"	106° 20' 48"	10° 52' 00"	106° 42' 41"	C-48-22-C-a; C-48-22-C-c
Rạch Sâu	TV	xã An Tây	TX. Bến Cát			11° 04' 15"	106° 32' 30"	11° 03' 30"	106° 32' 04"	C-48-22-C-c
Rạch Sơn	TV	xã An Tây	TX. Bến Cát			11° 04' 27"	106° 32' 26"	11° 04' 08"	106° 31' 36"	C-48-22-C-c
khu công nghiệp Việt Hương 2	KX	xã An Tây	TX. Bến Cát	11° 05' 45"	106° 33' 10"					C-48-22-C-c
Đường ĐH.608	KX	xã Phú An	TX. Bến Cát			11° 04' 32"	106° 33' 45"	11° 05' 11"	106° 35' 00"	C-48-22-C-c
Đường ĐH.609	KX	xã Phú An	TX. Bến Cát			11° 03' 35"	106° 35' 35"	11° 06' 40"	106° 31' 33"	C-48-22-C-c
Đường ĐT.744	KX	xã Phú An	TX. Bến Cát			11° 02' 58"	106° 36' 34"	11° 26' 22"	106° 24' 50"	C-48-22-C-c
Đường ĐT.748	KX	xã Phú An	TX. Bến Cát			11° 03' 35"	106° 35' 35"	11° 18' 28"	106° 27' 10"	C-48-22-C-c
ấp An Thuận	DC	xã Phú An	TX. Bến Cát	11° 04' 16"	106° 34' 21"					C-48-22-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
rạch Bà Giêng	TV	xã Phú An	TX. Bến Cát			11° 04' 05"	106° 33' 55"	11° 03' 23"	106° 34' 12"	C-48-22-C-c
rạch Bà Liệu	TV	xã Phú An	TX. Bến Cát			11° 02' 57"	106° 35' 04"	11° 02' 48"	106° 34' 45"	C-48-22-C-c
ấp Bến Giãng	DC	xã Phú An	TX. Bến Cát	11° 03' 46"	106° 34' 19"					C-48-22-C-c
ấp Bến Liễu	DC	xã Phú An	TX. Bến Cát	11° 04' 15"	106° 35' 29"					C-48-22-C-c
Rạch Chay	TV	xã Phú An	TX. Bến Cát			11° 03' 51"	106° 35' 51"	11° 04' 08"	106° 36' 12"	C-48-22-C-c
Rạch Gia	TV	xã Phú An	TX. Bến Cát			11° 04' 03"	106° 33' 58"	11° 03' 20"	106° 34' 06"	C-48-22-C-c
rạch Mương Dâu Lớn	TV	xã Phú An	TX. Bến Cát			11° 04' 08"	106° 33' 20"	11° 02' 50"	106° 33' 23"	C-48-22-C-c
cầu Ông Cộ	KX	xã Phú An	TX. Bến Cát	11° 02' 59"	106° 36' 33"					C-48-22-C-c
rạch Ông Hiếu	TV	xã Phú An	TX. Bến Cát			11° 04' 12"	106° 35' 48"	11° 04' 23"	106° 36' 05"	C-48-22-C-c
rạch Ông Nhan	TV	xã Phú An	TX. Bến Cát			11° 02' 49"	106° 35' 06"	11° 02' 42"	106° 34' 46"	C-48-22-C-c
ấp Phú Thuận	DC	xã Phú An	TX. Bến Cát	11° 03' 05"	106° 35' 22"					C-48-22-C-c
ấp Phú Thứ	DC	xã Phú An	TX. Bến Cát	11° 03' 45"	106° 35' 24"					C-48-22-C-c
sông Sài Gòn	TV	xã Phú An	TX. Bến Cát			11° 19' 34"	106° 20' 48"	10° 52' 00"	106° 42' 41"	C-48-22-C-c
Trường Trung học phổ thông Tây Nam	KX	xã Phú An	TX. Bến Cát	11° 04' 37"	106° 34' 00"					C-48-22-C-c
sông Thị Tính	TV	xã Phú An	TX. Bến Cát			11° 18' 17"	106° 28' 08"	11° 02' 27"	106° 36' 06"	C-48-22-C-c
Đường QL.1	KX	P. An Bình	TX. Dĩ An			10° 54' 09"	106° 50' 15"	10° 52' 29"	106° 44' 41"	C-48-34-A-b;d; C-48-34-B-a
khu công nghiệp Bình Đường	KX	P. An Bình	TX. Dĩ An	10° 52' 18"	106° 45' 13"					C-48-34-B-c
khu phố Bình Đường 1	DC	P. An Bình	TX. Dĩ An	10° 52' 50"	106° 45' 27"					C-48-34-B-a
khu phố Bình Đường 2	DC	P. An Bình	TX. Dĩ An	10° 52' 28"	106° 45' 31"					C-48-34-B-a
khu phố Bình Đường 3	DC	P. An Bình	TX. Dĩ An	10° 52' 17"	106° 44' 56"					C-48-34-B-a
khu phố Bình Đường 4	DC	P. An Bình	TX. Dĩ An	10° 53' 10"	106° 45' 25"					C-48-34-B-a
ga Sóng Thần	KX	P. An Bình	TX. Dĩ An	10° 52' 44"	106° 44' 59"					C-48-34-B-a
Đường QL.1K	KX	P. Bình An	TX. Dĩ An			10° 55' 15"	106° 48' 00"	10° 53' 18"	106° 46' 24"	C-48-34-B-a
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Vật liệu giao thông 7	KX	P. Bình An	TX. Dĩ An	10° 54' 16"	106° 47' 42"					C-48-34-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Đường ĐT.743A	KX	P. Bình An	TX. Dĩ An			10° 53' 07"	106° 44' 05"	10° 54' 00"	106° 49' 44"	C-48-34-B-a
Công ty Bê tông 6	KX	P. Bình An	TX. Dĩ An	10° 55' 07"	106° 48' 15"					C-48-34-B-a
Trường Trung học phổ thông Bình An	KX	P. Bình An	TX. Dĩ An	10° 54' 09"	106° 48' 17"					C-48-34-B-a
khu phố Bình Thung 1	DC	P. Bình An	TX. Dĩ An	10° 54' 15"	106° 48' 09"					C-48-34-B-a
khu phố Bình Thung 2	DC	P. Bình An	TX. Dĩ An	10° 54' 05"	106° 48' 25"					C-48-34-B-a
chùa Châu Thới	KX	P. Bình An	TX. Dĩ An	10° 54' 57"	106° 48' 12"					C-48-34-B-a
khu phố Châu Thới	DC	P. Bình An	TX. Dĩ An	10° 54' 40"	106° 47' 45"					C-48-34-B-a
núi Châu Thới	SV	P. Bình An	TX. Dĩ An	10° 54' 57"	106° 48' 10"					C-48-34-B-a
chùa Đức Hòa	KX	P. Bình An	TX. Dĩ An	10° 54' 05"	106° 47' 20"					C-48-34-B-a
suối Lồ Ồ	TV	P. Bình An	TX. Dĩ An			10° 54' 00"	106° 47' 30"	10° 54' 15"	106° 48' 52"	C-48-34-B-a
khu phố Nội Hóa 1	DC	P. Bình An	TX. Dĩ An	10° 53' 43"	106° 47' 40"					C-48-34-B-a
khu phố Nội Hóa 2	DC	P. Bình An	TX. Dĩ An	10° 54' 09"	106° 47' 24"					C-48-34-B-a
khu du lịch Suối Lồ Ồ	KX	P. Bình An	TX. Dĩ An	10° 53' 57"	106° 47' 32"					C-48-34-B-a
chùa Tam Bảo	KX	P. Bình An	TX. Dĩ An	10° 54' 03"	106° 47' 49"					C-48-34-B-a
Cầu Xiệp	KX	P. Bình An	TX. Dĩ An	10° 55' 16"	106° 48' 01"					C-48-34-B-a
Suối Xiệp	TV	P. Bình An	TX. Dĩ An			10° 55' 13"	106° 46' 49"	10° 54' 15"	106° 48' 52"	C-48-34-B-a
Đường QL.1	KX	P. Bình Thắng	TX. Dĩ An			10° 54' 09"	106° 50' 15"	10° 52' 29"	106° 44' 41"	C-48-34-B-a
Đường ĐT.743A	KX	P. Bình Thắng	TX. Dĩ An			10° 53' 07"	106° 44' 05"	10° 54' 00"	106° 49' 44"	C-48-34-B-a
cầu Bà Hiệp	KX	P. Bình Thắng	TX. Dĩ An	10° 53' 58"	106° 48' 52"					C-48-34-B-a
rạch Bà Lồ	TV	P. Bình Thắng	TX. Dĩ An			10° 54' 15"	106° 48' 52"	10° 54' 15"	106° 50' 13"	C-48-34-B-a
đình Bình An	KX	P. Bình Thắng	TX. Dĩ An	10° 54' 01"	106° 48' 32"					C-48-34-B-a
đình Bình Thắng	KX	P. Bình Thắng	TX. Dĩ An	10° 53' 21"	106° 48' 43"					C-48-34-B-a
cầu Đồng Nai	KX	P. Bình Thắng	TX. Dĩ An	10° 54' 09"	106° 50' 15"					C-48-34-B-a
sông Đồng Nai	TV	P. Bình Thắng	TX. Dĩ An			11° 06' 34"	106° 57' 49"	10° 54' 00"	106° 50' 18"	C-48-34-B-a
khu phố Hiệp Thắng	DC	P. Bình Thắng	TX. Dĩ An	10° 53' 16"	106° 48' 45"					C-48-34-B-a
đình thần Ngãi Thắng	KX	P. Bình Thắng	TX. Dĩ An	10° 54' 08"	106° 49' 32"					C-48-34-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
khu phố Ngãi Thắng	DC	P. Bình Thắng	TX. Dĩ An	10° 54' 02"	106° 49' 31"					C-48-34-B-a
đồi Ông Viễn	SV	P. Bình Thắng	TX. Dĩ An	10° 53' 19"	106° 49' 21"					C-48-34-B-a
khu phố Quyết Thắng	DC	P. Bình Thắng	TX. Dĩ An	10° 53' 58"	106° 49' 53"					C-48-34-B-a
cầu Tân Vạn	KX	P. Bình Thắng	TX. Dĩ An	10° 54' 25"	106° 49' 44"					C-48-34-B-a
khu phố Trung Thắng	DC	P. Bình Thắng	TX. Dĩ An	10° 53' 50"	106° 48' 38"					C-48-34-B-a
Đường ĐT.743A	KX	P. Dĩ An	TX. Dĩ An			10° 53' 07"	106° 44' 05"	10° 54' 00"	106° 49' 44"	C-48-34-A-b; C-48-34-B-a
Đường ĐT.743B	KX	P. Dĩ An	TX. Dĩ An			10° 54' 27"	106° 47' 33"	10° 55' 55"	106° 44' 24"	C-48-34-B-a
Đường ĐT.743C	KX	P. Dĩ An	TX. Dĩ An			10° 54' 45"	106° 44' 59"	10° 54' 08"	106° 42' 35"	C-48-34-A-b; C-48-34-B-a
chùa An Linh	KX	P. Dĩ An	TX. Dĩ An	10° 53' 55"	106° 45' 54"					C-48-34-B-a
chùa An Ninh	KX	P. Dĩ An	TX. Dĩ An	10° 54' 53"	106° 45' 47"					C-48-34-B-a
khu phố Bình Minh 1	DC	P. Dĩ An	TX. Dĩ An	10° 54' 30"	106° 46' 10"					C-48-34-B-a
khu phố Bình Minh 2	DC	P. Dĩ An	TX. Dĩ An	10° 54' 16"	106° 46' 02"					C-48-34-B-a
Trường Cao đẳng nghề Đường sắt phân hiệu phía Nam	KX	P. Dĩ An	TX. Dĩ An	10° 54' 26"	106° 44' 56"					C-48-34-A-b
đình thần Dĩ An	KX	P. Dĩ An	TX. Dĩ An	10° 54' 09"	106° 45' 25"					C-48-34-B-a
ga Dĩ An	KX	P. Dĩ An	TX. Dĩ An	10° 54' 32"	106° 46' 05"					C-48-34-B-a
nhà máy Xe lửa Dĩ An	KX	P. Dĩ An	TX. Dĩ An	10° 54' 21"	106° 44' 42"					C-48-34-A-b
trạm Vật tư đường sắt Dĩ An	KX	P. Dĩ An	TX. Dĩ An	10° 54' 37"	106° 45' 08"					C-48-34-B-a
Trường Trung học phổ thông Dĩ An	KX	P. Dĩ An	TX. Dĩ An	10° 54' 44"	106° 46' 00"					C-48-34-B-a
khu phố Đông Tân	DC	P. Dĩ An	TX. Dĩ An	10° 54' 51"	106° 45' 59"					C-48-34-B-a
tịnh xá Ngọc Bình	KX	P. Dĩ An	TX. Dĩ An	10° 54' 13"	106° 45' 46"					C-48-34-B-a
khu phố Nhị Đồng 1	DC	P. Dĩ An	TX. Dĩ An	10° 54' 17"	106° 45' 25"					C-48-34-B-a
khu phố Nhị Đồng 2	DC	P. Dĩ An	TX. Dĩ An	10° 53' 45"	106° 45' 43"					C-48-34-B-a
chùa Pháp An	KX	P. Dĩ An	TX. Dĩ An	10° 54' 12"	106° 46' 00"					C-48-34-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
khu công nghiệp Sóng Thần 1	KX	P. Dĩ An	TX. Dĩ An	10° 53' 14"	106° 44' 56"					C-48-34-B-a
khu công nghiệp Sóng Thần 2	KX	P. Dĩ An	TX. Dĩ An	10° 54' 50"	106° 44' 30"					C-48-34-A-b
khu phố Thắng Lợi 1	DC	P. Dĩ An	TX. Dĩ An	10° 54' 37"	106° 45' 46"					C-48-34-B-a
khu phố Thắng Lợi 2	DC	P. Dĩ An	TX. Dĩ An	10° 54' 23"	106° 45' 38"					C-48-34-B-a
khu phố Thống Nhất 1	DC	P. Dĩ An	TX. Dĩ An	10° 54' 26"	106° 45' 01"					C-48-34-A-b
khu phố Thống Nhất 2	DC	P. Dĩ An	TX. Dĩ An	10° 54' 59"	106° 44' 42"					C-48-34-A-b
Đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Dĩ An	TX. Dĩ An			10° 53' 31"	106° 46' 58"	10° 54' 27"	106° 46' 02"	C-48-34-B-a
Đường QL.1	KX	P. Đông Hòa	TX. Dĩ An			10° 54' 09"	106° 50' 15"	10° 52' 29"	106° 44' 41"	C-48-34-B-a; C-48-34-B-c
Đường QL.1K	KX	P. Đông Hòa	TX. Dĩ An			10° 55' 15"	106° 48' 00"	10° 53' 18"	106° 46' 24"	C-48-34-B-a
khu phố Đông A	DC	P. Đông Hòa	TX. Dĩ An	10° 54' 08"	106° 46' 49"					C-48-34-B-a
khu phố Đông B	DC	P. Đông Hòa	TX. Dĩ An	10° 54' 13"	106° 46' 36"					C-48-34-B-a
Trường Đại học Khoa học Tự nhiên cơ sở 2	KX	P. Đông Hòa	TX. Dĩ An	10° 52' 33"	106° 47' 48"					C-48-34-B-a
Suối Nhum	TV	P. Đông Hòa	TX. Dĩ An			10° 53' 39"	106° 46' 03"	10° 52' 10"	106° 46' 43"	C-48-34-B-a; C-48-34-B-c
Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh	KX	P. Đông Hòa	TX. Dĩ An	10° 52' 17"	106° 47' 01"					C-48-34-B-c
Trường Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh	KX	P. Đông Hòa	TX. Dĩ An	10° 52' 42"	106° 48' 15"					C-48-34-B-a
khu phố Tân Hòa	DC	P. Đông Hòa	TX. Dĩ An	10° 53' 24"	106° 47' 03"					C-48-34-B-a
khu phố Tân Lập	DC	P. Đông Hòa	TX. Dĩ An	10° 52' 34"	106° 48' 27"					C-48-34-B-a
khu phố Tân Quý	DC	P. Đông Hòa	TX. Dĩ An	10° 53' 17"	106° 46' 35"					C-48-34-B-a
khu phố Tây A	DC	P. Đông Hòa	TX. Dĩ An	10° 54' 02"	106° 46' 33"					C-48-34-B-a
khu phố Tây B	DC	P. Đông Hòa	TX. Dĩ An	10° 53' 38"	106° 46' 37"					C-48-34-B-a
Đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Đông Hòa	TX. Dĩ An			10° 53' 31"	106° 46' 58"	10° 54' 27"	106° 46' 02"	C-48-34-B-a
đình thần An Nhơn	KX	P. Tân Bình	TX. Dĩ An	10° 56' 12"	106° 45' 24"					C-48-34-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
di tích Căn cứ cách mạng Hố Lang	KX	P. Tân Bình	TX. Dĩ An	10° 57' 23"	106° 44' 44"					C-48-34-B-a
rạch Cầu Sỏi	TV	P. Tân Bình	TX. Dĩ An			10° 55' 50"	106° 47' 04"	10° 56' 16"	106° 46' 51"	C-48-34-B-a
rạch Ông Tiếp	TV	P. Tân Bình	TX. Dĩ An			10° 56' 28"	106° 45' 51"	10° 57' 55"	106° 46' 52"	C-48-34-B-a
di tích Suối Mạch Máng	KX	P. Tân Bình	TX. Dĩ An	10° 56' 52"	106° 45' 15"					C-48-34-B-a
khu phố Tân Hiệp	DC	P. Tân Bình	TX. Dĩ An	10° 57' 44"	106° 45' 10"					C-48-34-B-a
khu phố Tân Phú 1	DC	P. Tân Bình	TX. Dĩ An	10° 55' 53"	106° 45' 31"					C-48-34-B-a
khu phố Tân Phú 2	DC	P. Tân Bình	TX. Dĩ An	10° 56' 27"	106° 45' 49"					C-48-34-B-a
khu phố Tân Phước	DC	P. Tân Bình	TX. Dĩ An	10° 57' 01"	106° 45' 03"					C-48-34-B-a
khu phố Tân Thắng	DC	P. Tân Bình	TX. Dĩ An	10° 56' 26"	106° 46' 01"					C-48-34-B-a
chùa Thiên Bình	KX	P. Tân Bình	TX. Dĩ An	10° 56' 24"	106° 45' 52"					C-48-34-B-a
Đường QL.1K	KX	P. Tân Đông Hiệp	TX. Dĩ An			10° 55' 15"	106° 48' 00"	10° 53' 18"	106° 46' 24"	C-48-34-B-a
Đường ĐT.743A	KX	P. Tân Đông Hiệp	TX. Dĩ An			10° 53' 07"	106° 44' 05"	10° 54' 00"	106° 49' 44"	C-48-34-A-b; C-48-34-B-a
khu phố Chiêu Liêu	DC	P. Tân Đông Hiệp	TX. Dĩ An	10° 55' 41"	106° 44' 53"					C-48-34-B-a
khu phố Đông An	DC	P. Tân Đông Hiệp	TX. Dĩ An	10° 54' 58"	106° 46' 48"					C-48-34-B-a
khu phố Đông Chiêu	DC	P. Tân Đông Hiệp	TX. Dĩ An	10° 55' 14"	106° 45' 38"					C-48-34-B-a
đình thần Đông Tác	KX	P. Tân Đông Hiệp	TX. Dĩ An	10° 54' 33"	106° 46' 36"					C-48-34-B-a
khu phố Đông Tác	DC	P. Tân Đông Hiệp	TX. Dĩ An	10° 54' 33"	106° 46' 33"					C-48-34-B-a
khu phố Đông Thành	DC	P. Tân Đông Hiệp	TX. Dĩ An	10° 55' 42"	106° 45' 55"					C-48-34-B-a
chùa Nam Bình	KX	P. Tân Đông Hiệp	TX. Dĩ An	10° 55' 27"	106° 46' 08"					C-48-34-B-a
Trường Trung học phổ thông Nguyễn An Ninh	KX	P. Tân Đông Hiệp	TX. Dĩ An	10° 54' 44"	106° 46' 06"					C-48-34-B-a
khu công nghiệp Sóng Thần 2	KX	P. Tân Đông Hiệp	TX. Dĩ An	10° 54' 50"	106° 44' 30"					C-48-34-A-b
đình thần Tân An	KX	P. Tân Đông Hiệp	TX. Dĩ An	10° 54' 55"	106° 47' 22"					C-48-34-B-a
khu phố Tân An	DC	P. Tân Đông Hiệp	TX. Dĩ An	10° 54' 38"	106° 47' 28"					C-48-34-B-a
chùa Tân Hòa	KX	P. Tân Đông Hiệp	TX. Dĩ An	10° 54' 49"	106° 45' 27"					C-48-34-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
khu phố Tân Long	DC	P. Tân Đông Hiệp	TX. Dĩ An	10° 55' 00"	106° 45' 02"					C-48-34-B-a
đình thần Tân Ninh	KX	P. Tân Đông Hiệp	TX. Dĩ An	10° 55' 38"	106° 45' 51"					C-48-34-B-a
cụm công nghiệp Vũng Thiện	KX	P. Tân Đông Hiệp	TX. Dĩ An	10° 57' 00"	106° 44' 52"					C-48-34-A-b
Cầu Xiệp	KX	P. Tân Đông Hiệp	TX. Dĩ An	10° 55' 16"	106° 48' 01"					C-48-34-B-a
Suối Xiệp	TV	P. Tân Đông Hiệp	TX. Dĩ An			10° 55' 13"	106° 46' 49"	10° 54' 15"	106° 48' 52"	C-48-34-B-a
Đường ĐH.406	KX	P. Khánh Bình	TX. Tân Uyên			11° 03' 16"	106° 45' 59"	11° 00' 58"	106° 44' 52"	C-48-22-D-c
Đường ĐH.409	KX	P. Khánh Bình	TX. Tân Uyên			11° 04' 08"	106° 45' 32"	11° 07' 43"	106° 43' 19"	C-48-22-D-c; C-48-22-C-d
Đường ĐH.418	KX	P. Khánh Bình	TX. Tân Uyên			11° 01' 48"	106° 46' 23"	11° 02' 46"	106° 43' 53"	C-48-22-D-c
Đường ĐT.746	KX	P. Khánh Bình	TX. Tân Uyên			10° 59' 17"	106° 42' 23"	11° 06' 55"	106° 45' 05"	C-48-22-C-d; C-48-22-D-c
Đường ĐT.747A	KX	P. Khánh Bình	TX. Tân Uyên			10° 57' 49"	106° 46' 41"	11° 11' 00"	106° 43' 30"	C-48-22-D-c
Đường ĐT.747B	KX	P. Khánh Bình	TX. Tân Uyên			10° 58' 44"	106° 44' 21"	11° 05' 47"	106° 46' 21"	C-48-22-D-c
miếu Ba Hai	KX	P. Khánh Bình	TX. Tân Uyên	11° 01' 39"	106° 45' 52"					C-48-22-D-c
Miếu Bà	KX	P. Khánh Bình	TX. Tân Uyên	11° 02' 58"	106° 45' 51"					C-48-22-D-c
mương Bà Tô	TV	P. Khánh Bình	TX. Tân Uyên			11° 03' 16"	106° 46' 05"	11° 00' 50"	106° 45' 05"	C-48-22-D-c
Khu điều trị phong Bến Sắn	KX	P. Khánh Bình	TX. Tân Uyên	11° 02' 49"	106° 44' 27"					C-48-22-C-d
đình Bình Chánh	KX	P. Khánh Bình	TX. Tân Uyên	11° 02' 49"	106° 46' 39"					C-48-22-D-c
khu phố Bình Chánh	DC	P. Khánh Bình	TX. Tân Uyên	11° 02' 15"	106° 46' 31"					C-48-22-D-c
khu phố Bình Chánh Đông	DC	P. Khánh Bình	TX. Tân Uyên	11° 01' 46"	106° 46' 21"					C-48-22-D-c
khu phố Bình Khánh	DC	P. Khánh Bình	TX. Tân Uyên	11° 02' 45"	106° 45' 51"					C-48-22-D-c
Suối Cái	TV	P. Khánh Bình	TX. Tân Uyên			11° 09' 02"	106° 40' 54"	10° 59' 22"	106° 45' 44"	C-48-22-C-d; C-48-22-D-c
sông Đồng Nai	TV	P. Khánh Bình	TX. Tân Uyên			11° 06' 34"	106° 57' 49"	10° 54' 00"	106° 50' 18"	C-48-22-D-c
khu phố Khánh Lộc	DC	P. Khánh Bình	TX. Tân Uyên	11° 02' 02"	106° 45' 37"					C-48-22-D-c
khu phố Khánh Tân	DC	P. Khánh Bình	TX. Tân Uyên	11° 01' 45"	106° 45' 11"					C-48-22-D-c
đình Khánh Vân	KX	P. Khánh Bình	TX. Tân Uyên	11° 01' 05"	106° 45' 07"					C-48-22-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
khu phố Khánh Vân	DC	P. Khánh Bình	TX. Tân Uyên	11° 01' 32"	106° 44' 54"					C-48-22-C-d
khu phố Long Bình	DC	P. Khánh Bình	TX. Tân Uyên	11° 02' 30"	106° 43' 57"					C-48-22-C-d
khu công nghiệp Nam Tân Uyên	KX	P. Khánh Bình	TX. Tân Uyên	11° 06' 17"	106° 47' 06"					C-48-22-D-c
nghĩa trang liệt sĩ Thị xã Tân Uyên	KX	P. Khánh Bình	TX. Tân Uyên	11° 02' 21"	106° 46' 20"					C-48-22-D-c
Đường ĐH.407	KX	P. Tân Hiệp	TX. Tân Uyên			11° 02' 33"	106° 43' 21"	11° 03' 48"	106° 41' 46"	C-48-22-C-d
Đường ĐH.409	KX	P. Tân Hiệp	TX. Tân Uyên			11° 04' 08"	106° 45' 32"	11° 07' 43"	106° 43' 19"	C-48-22-C-d
Đường ĐH.418	KX	P. Tân Hiệp	TX. Tân Uyên			11° 01' 48"	106° 46' 23"	11° 02' 46"	106° 43' 53"	C-48-22-C-d
Đường ĐH.423	KX	P. Tân Hiệp	TX. Tân Uyên			11° 02' 46"	106° 43' 53"	11° 04' 54"	106° 44' 18"	C-48-22-C-d
Đường ĐT.746	KX	P. Tân Hiệp	TX. Tân Uyên			10° 59' 17"	106° 42' 23"	11° 06' 55"	106° 45' 05"	C-48-22-C-d
Đường ĐT.747B	KX	P. Tân Hiệp	TX. Tân Uyên			10° 58' 44"	106° 44' 21"	11° 05' 47"	106° 46' 21"	C-48-22-D-c
suối Bà Phó	TV	P. Tân Hiệp	TX. Tân Uyên			11° 07' 04"	106° 44' 41"	11° 06' 18"	106° 43' 51"	C-48-22-C-d
khu phố Bà Tri	DC	P. Tân Hiệp	TX. Tân Uyên	11° 05' 19"	106° 43' 47"					C-48-22-C-d
Suối Cái	TV	P. Tân Hiệp	TX. Tân Uyên			11° 09' 02"	106° 40' 54"	10° 59' 22"	106° 45' 44"	C-48-22-C-d
suối Hố Voi	TV	P. Tân Hiệp	TX. Tân Uyên			11° 03' 39"	106° 42' 35"	11° 03' 49"	106° 43' 15"	C-48-22-C-d
suối Long Đá	TV	P. Tân Hiệp	TX. Tân Uyên			11° 01' 57"	106° 42' 26"	11° 01' 56"	106° 44' 06"	C-48-22-C-d
khu phố Ông Đông	DC	P. Tân Hiệp	TX. Tân Uyên	11° 04' 32"	106° 45' 06"					C-48-22-D-c
miếu Bà Ông Đông	KX	P. Tân Hiệp	TX. Tân Uyên	11° 04' 35"	106° 44' 42"					C-48-22-D-c
suối Ông Đông	TV	P. Tân Hiệp	TX. Tân Uyên			11° 05' 34"	106° 45' 39"	11° 03' 25"	106° 43' 37"	C-48-22-C-d; C-48-22-D-c
khu phố Tân Bình	DC	P. Tân Hiệp	TX. Tân Uyên	11° 02' 50"	106° 43' 52"					C-48-22-C-d
khu phố Tân Hội	DC	P. Tân Hiệp	TX. Tân Uyên	11° 02' 12"	106° 43' 08"					C-48-22-C-d
khu phố Tân Long	DC	P. Tân Hiệp	TX. Tân Uyên	11° 02' 50"	106° 43' 19"					C-48-22-C-d
khu phố Tân Phú	DC	P. Tân Hiệp	TX. Tân Uyên	11° 03' 25"	106° 43' 09"					C-48-22-C-d
suối Vĩnh Lợi	TV	P. Tân Hiệp	TX. Tân Uyên			11° 06' 18"	106° 43' 51"	11° 03' 58"	106° 43' 11"	C-48-22-C-d
Đường ĐH.402	KX	P. Tân Phước Khánh	TX. Tân Uyên			11° 00' 22"	106° 43' 04"	10° 58' 42"	106° 44' 51"	C-48-22-C-d; C-48-34-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Đường ĐH.403	KX	P. Tân Phước Khánh	TX. Tân Uyên			11° 00' 24"	106° 43' 08"	10° 59' 06"	106° 43' 13"	C-48-22-C-d; C-48-34-A-b
Đường ĐT.746	KX	P. Tân Phước Khánh	TX. Tân Uyên			10° 59' 17"	106° 42' 23"	11° 06' 55"	106° 45' 05"	C-48-22-C-d; C-48-34-A-b
Đường ĐT.747B	KX	P. Tân Phước Khánh	TX. Tân Uyên			10° 58' 44"	106° 44' 21"	11° 05' 47"	106° 46' 21"	C-48-22-C-d; C-48-34-A-b
cụm công nghiệp Bảy mẫu Tân Phước Khánh	KX	P. Tân Phước Khánh	TX. Tân Uyên	10° 59' 01"	106° 44' 53"					C-48-34-A-b
khu phố Bình Hòa 1	DC	P. Tân Phước Khánh	TX. Tân Uyên	10° 59' 52"	106° 42' 37"					C-48-34-A-b
khu phố Bình Hòa 2	DC	P. Tân Phước Khánh	TX. Tân Uyên	11° 00' 14"	106° 42' 36"					C-48-22-C-d
đình Thần bưng Cù Tân Phước Khánh	KX	P. Tân Phước Khánh	TX. Tân Uyên	10° 58' 52"	106° 44' 53"					C-48-34-A-b
Suối Cái	TV	P. Tân Phước Khánh	TX. Tân Uyên			11° 09' 02"	106° 40' 54"	10° 59' 22"	106° 45' 44"	C-48-22-C-d
Suối Chợ	TV	P. Tân Phước Khánh	TX. Tân Uyên			11° 00' 16"	106° 42' 08"	11° 01' 12"	106° 44' 23"	C-48-22-C-d
rạch Hố Đá	TV	P. Tân Phước Khánh	TX. Tân Uyên			11° 00' 02"	106° 44' 12"	11° 00' 07"	106° 45' 13"	C-48-22-C-d; C-48-34-A-b
khu phố Khánh Hòa	DC	P. Tân Phước Khánh	TX. Tân Uyên	11° 00' 02"	106° 43' 14"					C-48-22-C-d
khu phố Khánh Hội	DC	P. Tân Phước Khánh	TX. Tân Uyên	10° 59' 53"	106° 43' 50"					C-48-34-A-b
khu phố Khánh Lộc	DC	P. Tân Phước Khánh	TX. Tân Uyên	11° 00' 47"	106° 44' 16"					C-48-22-C-d
khu phố Khánh Lợi	DC	P. Tân Phước Khánh	TX. Tân Uyên	11° 00' 32"	106° 43' 26"					C-48-22-C-d
khu phố Khánh Long	DC	P. Tân Phước Khánh	TX. Tân Uyên	10° 58' 58"	106° 44' 26"					C-48-34-A-b
khu phố Khánh Thạnh	DC	P. Tân Phước Khánh	TX. Tân Uyên	11° 00' 23"	106° 42' 57"					C-48-34-A-b
đình thần Lợi lộc Tân Phước Khánh	KX	P. Tân Phước Khánh	TX. Tân Uyên	11° 00' 42"	106° 44' 19"					C-48-22-C-d
Đường ĐH.401	KX	P. Thái Hòa	TX. Tân Uyên			10° 57' 55"	106° 45' 04"	10° 58' 38"	106° 45' 23"	C-48-34-B-a
Đường ĐH.402	KX	P. Thái Hòa	TX. Tân Uyên			11° 00' 22"	106° 43' 04"	10° 58' 42"	106° 44' 51"	C-48-34-A-b
Đường ĐH.426	KX	P. Thái Hòa	TX. Tân Uyên			10° 58' 36"	106° 45' 40"	10° 58' 44"	106° 45' 48"	C-48-34-B-a
Đường ĐT.747A	KX	P. Thái Hòa	TX. Tân Uyên			10° 57' 49"	106° 46' 41"	11° 11' 00"	106° 43' 30"	C-48-34-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Đường ĐT.747B	KX	P. Thái Hòa	TX. Tân Uyên			10° 58' 44"	106° 44' 21"	11° 05' 47"	106° 46' 21"	C-48-22-C-d; C-48-34-A-b
khu phố An Thành	DC	P. Thái Hòa	TX. Tân Uyên	10° 58' 47"	106° 45' 24"					C-48-34-B-a
khu phố Ba Đình	DC	P. Thái Hòa	TX. Tân Uyên	10° 58' 38"	106° 45' 58"					C-48-34-B-a
Miếu Bà	KX	P. Thái Hòa	TX. Tân Uyên	10° 57' 39"	106° 46' 26"					C-48-34-B-a
rạch Bá Kiên	TV	P. Thái Hòa	TX. Tân Uyên			10° 59' 22"	106° 45' 44"	10° 58' 53"	106° 46' 02"	C-48-34-B-a
Suối Cái	TV	P. Thái Hòa	TX. Tân Uyên			11° 09' 02"	106° 40' 54"	10° 59' 22"	106° 45' 44"	C-48-22-D-c
cụm công nghiệp Chí Hùng	KX	P. Thái Hòa	TX. Tân Uyên	10° 58' 32"	106° 45' 02"					C-48-34-B-a
sông Đồng Nai	TV	P. Thái Hòa	TX. Tân Uyên			11° 06' 34"	106° 57' 49"	10° 54' 00"	106° 50' 18"	C-48-34-B-a
rạch Hố Đá	TV	P. Thái Hòa	TX. Tân Uyên			11° 00' 02"	106° 44' 12"	11° 00' 07"	106° 45' 13"	C-48-22-C-d; C-48-34-A-b; C-48-22-D-c
khu phố Mỹ Hiệp	DC	P. Thái Hòa	TX. Tân Uyên	10° 58' 36"	106° 45' 19"					C-48-34-B-a
cầu Ông Tiếp	KX	P. Thái Hòa	TX. Tân Uyên	10° 57' 52"	106° 46' 42"					C-48-34-B-a
rạch Ông Tiếp	TV	P. Thái Hòa	TX. Tân Uyên			10° 56' 28"	106° 45' 51"	10° 57' 55"	106° 46' 52"	C-48-34-B-a
khu phố Phước Hải	DC	P. Thái Hòa	TX. Tân Uyên	10° 59' 34"	106° 44' 41"					C-48-34-A-b
khu phố Phước Thái	DC	P. Thái Hòa	TX. Tân Uyên	11° 00' 12"	106° 44' 35"					C-48-34-B-a
chợ Tân Ba	KX	P. Thái Hòa	TX. Tân Uyên	10° 58' 36"	106° 45' 47"					C-48-34-B-a
khu phố Tân Ba	DC	P. Thái Hòa	TX. Tân Uyên	10° 58' 28"	106° 46' 25"					C-48-34-B-a
khu phố Tân Mỹ	DC	P. Thái Hòa	TX. Tân Uyên	10° 58' 35"	106° 45' 33"					C-48-34-B-a
Phòng khám Đa khoa Khu vực Thái Hòa	KX	P. Thái Hòa	TX. Tân Uyên	10° 58' 40"	106° 45' 25"					C-48-34-B-a
Trường Trung học phổ thông Thái Hòa	KX	P. Thái Hòa	TX. Tân Uyên	10° 58' 39"	106° 45' 23"					C-48-34-B-a
đình Vĩnh Phước	KX	P. Thái Hòa	TX. Tân Uyên	10° 58' 55"	106° 45' 32"					C-48-34-B-a
khu phố Vĩnh Phước	DC	P. Thái Hòa	TX. Tân Uyên	10° 58' 44"	106° 45' 06"					C-48-34-B-a
Bia tưởng niệm 19-3	KX	P. Thạnh Phước	TX. Tân Uyên	10° 59' 03"	106° 45' 57"					C-48-34-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Đường ĐT.747A	KX	P. Thạnh Phước	TX. Tân Uyên			10° 57' 49"	106° 46' 41"	11° 11' 00"	106° 43' 30"	C-48-22-D-c; C-48-34-B-a
rạch Bá Kiên	TV	P. Thạnh Phước	TX. Tân Uyên			10° 59' 22"	106° 45' 44"	10° 58' 53"	106° 46' 02"	C-48-34-B-a
mương Bà Tô	TV	P. Thạnh Phước	TX. Tân Uyên			11° 03' 16"	106° 46' 05"	11° 00' 50"	106° 45' 05"	C-48-22-D-c
rạch Cá Trèn	TV	P. Thạnh Phước	TX. Tân Uyên			11° 00' 15"	106° 45' 14"	10° 59' 22"	106° 45' 44"	C-48-22-D-c; C-48-34-B-a
Suối Cái	TV	P. Thạnh Phước	TX. Tân Uyên			11° 09' 02"	106° 40' 54"	10° 59' 22"	106° 45' 44"	C-48-22-D-c
Công ty Cảng Thạnh	KX	P. Thạnh Phước	TX. Tân Uyên	11° 00' 30"	106° 46' 11"					C-48-22-D-c
khu phố Cây Chàm	DC	P. Thạnh Phước	TX. Tân Uyên	11° 00' 39"	106° 45' 38"					C-48-22-D-c
khu phố Cây Da	DC	P. Thạnh Phước	TX. Tân Uyên	10° 59' 52"	106° 45' 58"					C-48-34-B-a
đình Dư Khánh	KX	P. Thạnh Phước	TX. Tân Uyên	10° 59' 02"	106° 46' 06"					C-48-34-B-a
khu phố Dư Khánh	DC	P. Thạnh Phước	TX. Tân Uyên	10° 59' 11"	106° 46' 30"					C-48-34-B-a
sông Đồng Nai	TV	P. Thạnh Phước	TX. Tân Uyên			11° 06' 34"	106° 57' 49"	10° 54' 00"	106° 50' 18"	C-48-22-D-c; C-48-34-B-a
chùa Hưng Long	KX	P. Thạnh Phước	TX. Tân Uyên	10° 59' 22"	106° 46' 14"					C-48-34-B-a
Công ty M & C	KX	P. Thạnh Phước	TX. Tân Uyên	11° 01' 04"	106° 46' 06"					C-48-22-D-c
đình Tân Lương	KX	P. Thạnh Phước	TX. Tân Uyên	11° 00' 29"	106° 45' 51"					C-48-22-D-c
khu phố Tân Lương	DC	P. Thạnh Phước	TX. Tân Uyên	11° 00' 50"	106° 46' 19"					C-48-22-D-c
chùa Thanh Sơn	KX	P. Thạnh Phước	TX. Tân Uyên	11° 00' 21"	106° 45' 50"					C-48-22-D-c
rạch Tổng Bảng	TV	P. Thạnh Phước	TX. Tân Uyên			11° 00' 47"	106° 45' 07"	10° 59' 40"	106° 46' 06"	C-48-22-D-c; C-48-34-B-a
Khu phố 1	DC	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên	11° 03' 28"	106° 47' 28"					C-48-22-D-c
Khu phố 2	DC	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên	11° 03' 33"	106° 47' 42"					C-48-22-D-c
Khu phố 3	DC	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên	11° 03' 34"	106° 47' 27"					C-48-22-D-c
Khu phố 4	DC	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên	11° 03' 55"	106° 47' 37"					C-48-22-D-c
Khu phố 5	DC	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên	11° 03' 49"	106° 48' 09"					C-48-22-D-c
Khu phố 6	DC	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên	11° 04' 57"	106° 48' 11"					C-48-22-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Khu phố 7	DC	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên	11° 04' 43"	106° 47' 21"					C-48-22-D-c
Khu phố 8	DC	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên	11° 03' 30"	106° 46' 46"					C-48-22-D-c
Đường ĐH.411	KX	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên			11° 04' 40"	106° 48' 13"	11° 09' 04"	106° 50' 32"	C-48-22-D-c
Đường ĐH.412	KX	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên			11° 04' 40"	106° 48' 13"	11° 04' 40"	106° 47' 12"	C-48-22-D-c
Đường ĐH.420	KX	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên			11° 03' 35"	106° 46' 30"	11° 04' 32"	106° 47' 13"	C-48-22-D-c
Đường ĐH.422	KX	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên			11° 03' 52"	106° 48' 11"	11° 04' 40"	106° 48' 13"	C-48-22-D-c
Đường ĐT.746	KX	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên			10° 59' 17"	106° 42' 23"	11° 06' 55"	106° 45' 05"	C-48-22-D-c
Đường ĐT.747A	KX	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên			10° 57' 49"	106° 46' 41"	11° 11' 00"	106° 43' 30"	C-48-22-D-c
Đường ĐT.747B	KX	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên			10° 58' 44"	106° 44' 21"	11° 05' 47"	106° 46' 21"	C-48-22-D-c
Miếu Bà 1	KX	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên	11° 04' 28"	106° 47' 21"					C-48-22-D-c
Miếu Bà 2	KX	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên	11° 04' 11"	106° 47' 47"					C-48-22-D-c
miếu Bình Hóa	KX	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên	11° 04' 19"	106° 46' 40"					C-48-22-D-c
suối Cầu Gõ	TV	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên			11° 05' 03"	106° 48' 21"	11° 03' 54"	106° 48' 40"	C-48-22-D-c
suối Cầu Ông Hựu 1	TV	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên			11° 05' 13"	106° 47' 51"	11° 03' 55"	106° 47' 53"	C-48-22-D-c
suối Cầu Ông Hựu 2	TV	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên			11° 05' 08"	106° 46' 08"	11° 03' 45"	106° 48' 04"	C-48-22-D-c
suối Cầu Rạch Tre	TV	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên			11° 04' 33"	106° 46' 35"	11° 03' 22"	106° 47' 10"	C-48-22-D-c
lâm trường Chiến Khu Đ	KX	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên	11° 04' 57"	106° 50' 16"					C-48-22-D-c
sông Đồng Nai	TV	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên			11° 06' 34"	106° 57' 49"	10° 54' 00"	106° 50' 18"	C-48-22-D-c
đình Hiệp Hưng	KX	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên	11° 03' 57"	106° 48' 18"					C-48-22-D-c
chùa Hiệp Thiên Cung	KX	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên	11° 03' 26"	106° 47' 24"					C-48-22-D-c
nông trường Hội Nghĩa	KX	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên	11° 06' 49"	106° 46' 57"					C-48-22-D-c
khu công nghiệp Nam Tân Uyên	KX	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên	11° 06' 17"	106° 47' 06"					C-48-22-D-c
Miếu Ông	KX	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên	11° 04' 04"	106° 46' 28"					C-48-22-D-c
chùa Phước Lâm	KX	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên	11° 03' 37"	106° 47' 39"					C-48-22-D-c
suối Tân Lợi	TV	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên			11° 08' 17"	106° 49' 03"	11° 05' 41"	106° 51' 18"	C-48-22-D-c
cụm công nghiệp Uyên Hưng	KX	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên	11° 04' 54"	106° 46' 17"					C-48-22-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
đình thần Uyên Hưng	KX	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên	11° 03' 59"	106° 47' 38"					C-48-22-D-c
khu dân cư Thương mại dịch vụ Uyên Hưng	KX	P. Uyên Hưng	TX. Tân Uyên	11° 03' 45"	106° 47' 36"					C-48-22-D-c
Đường ĐH.428	KX	xã Bạch Đằng	TX. Tân Uyên			11° 03' 11"	106° 47' 24"	11° 03' 11"	106° 47' 24"	C-48-22-D-c
ấp An Chữ	DC	xã Bạch Đằng	TX. Tân Uyên	11° 01' 43"	106° 47' 52"					C-48-22-D-c
đình An Chữ	KX	xã Bạch Đằng	TX. Tân Uyên	11° 01' 15"	106° 47' 09"					C-48-22-D-c
Chi hội Tin lành Bạch Đằng	KX	xã Bạch Đằng	TX. Tân Uyên	11° 02' 52"	106° 48' 08"					C-48-22-D-c
ấp Bình Chữ	DC	xã Bạch Đằng	TX. Tân Uyên	11° 01' 15"	106° 46' 55"					C-48-22-D-c
đình Bình Chữ	KX	xã Bạch Đằng	TX. Tân Uyên	11° 01' 35"	106° 46' 50"					C-48-22-D-c
ấp Bình Hưng	DC	xã Bạch Đằng	TX. Tân Uyên	11° 03' 04"	106° 47' 22"					C-48-22-D-c
đình Bình Hưng	KX	xã Bạch Đằng	TX. Tân Uyên	11° 03' 21"	106° 47' 38"					C-48-22-D-c
chùa Di Đà	KX	xã Bạch Đằng	TX. Tân Uyên	11° 03' 07"	106° 47' 59"					C-48-22-D-c
ấp Điều Hòa	DC	xã Bạch Đằng	TX. Tân Uyên	11° 02' 50"	106° 48' 08"					C-48-22-D-c
đình Điều Hòa	KX	xã Bạch Đằng	TX. Tân Uyên	11° 02' 42"	106° 48' 01"					C-48-22-D-c
sông Đồng Nai	TV	xã Bạch Đằng	TX. Tân Uyên			11° 06' 34"	106° 57' 49"	10° 54' 00"	106° 50' 18"	C-48-22-D-c
tịnh xá Liên Hoa	KX	xã Bạch Đằng	TX. Tân Uyên	11° 03' 24"	106° 47' 40"					C-48-22-D-c
di tích Nhà ông Đỗ Cao	KX	xã Bạch Đằng	TX. Tân Uyên	11° 03' 07"	106° 47' 35"					C-48-22-D-c
chùa Phước Điền	KX	xã Bạch Đằng	TX. Tân Uyên	11° 02' 48"	106° 47' 16"					C-48-22-D-c
chùa Phước Hưng	KX	xã Bạch Đằng	TX. Tân Uyên	11° 02' 35"	106° 46' 56"					C-48-22-D-c
chùa Phước Linh	KX	xã Bạch Đằng	TX. Tân Uyên	11° 01' 30"	106° 46' 50"					C-48-22-D-c
ấp Tân Long	DC	xã Bạch Đằng	TX. Tân Uyên	11° 02' 07"	106° 46' 49"					C-48-22-D-c
đình Tân Long	KX	xã Bạch Đằng	TX. Tân Uyên	11° 02' 05"	106° 46' 54"					C-48-22-D-c
ấp Tân Trạch	DC	xã Bạch Đằng	TX. Tân Uyên	11° 01' 58"	106° 48' 23"					C-48-22-D-c
đình Tân Trạch	KX	xã Bạch Đằng	TX. Tân Uyên	11° 01' 50"	106° 47' 59"					C-48-22-D-c
Ấp 1	DC	xã Hội Nghĩa	TX. Tân Uyên	11° 06' 02"	106° 45' 55"					C-48-22-D-c
Ấp 2	DC	xã Hội Nghĩa	TX. Tân Uyên	11° 06' 35"	106° 45' 23"					C-48-22-D-c
Ấp 3	DC	xã Hội Nghĩa	TX. Tân Uyên	11° 07' 01"	106° 45' 09"					C-48-22-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Ấp 4	DC	xã Hội Nghĩa	TX. Tân Uyên	11° 07' 24"	106° 45' 41"					C-48-22-D-c
Ấp 5	DC	xã Hội Nghĩa	TX. Tân Uyên	11° 07' 41"	106° 46' 03"					C-48-22-D-a
Đường ĐT.746	KX	xã Hội Nghĩa	TX. Tân Uyên			10° 59' 17"	106° 42' 23"	11° 06' 55"	106° 45' 05"	C-48-22-D-a; C-48-22-D-c
Đường ĐT.747A	KX	xã Hội Nghĩa	TX. Tân Uyên			10° 57' 49"	106° 46' 41"	11° 11' 00"	106° 43' 30"	C-48-22-D-c
Đường ĐT.747B	KX	xã Hội Nghĩa	TX. Tân Uyên			10° 58' 44"	106° 44' 21"	11° 05' 47"	106° 46' 21"	C-48-22-D-c
suối Bà Phó	TV	xã Hội Nghĩa	TX. Tân Uyên			11° 07' 04"	106° 44' 41"	11° 06' 18"	106° 43' 51"	C-48-22-C-d
cầu Bình Cơ	KX	xã Hội Nghĩa	TX. Tân Uyên	11° 07' 16"	106° 44' 46"					C-48-22-C-d
suối Bình Cơ	TV	xã Hội Nghĩa	TX. Tân Uyên			11° 07' 23"	106° 44' 47"	11° 07' 04"	106° 44' 41"	C-48-22-C-d
chùa Bửu Liên	KX	xã Hội Nghĩa	TX. Tân Uyên	11° 07' 09"	106° 45' 24"					C-48-22-D-c
giáo xứ Hội Nghĩa	KX	xã Hội Nghĩa	TX. Tân Uyên	11° 07' 04"	106° 45' 10"					C-48-22-D-c
nông trường Hội Nghĩa	KX	xã Hội Nghĩa	TX. Tân Uyên	11° 06' 49"	106° 46' 57"					C-48-22-D-a; C-48-22-D-c
suối Lồ Ô	TV	xã Hội Nghĩa	TX. Tân Uyên			11° 06' 05"	106° 45' 45"	11° 05' 34"	106° 45' 39"	C-48-22-D-c
Suối Xếp	TV	xã Hội Nghĩa	TX. Tân Uyên			11° 08' 06"	106° 45' 48"	11° 07' 23"	106° 44' 47"	C-48-22-D-c
Đường ĐH.407	KX	xã Phú Chánh	TX. Tân Uyên			11° 02' 33"	106° 43' 21"	11° 03' 48"	106° 41' 46"	C-48-22-C-d
Đường ĐH.408	KX	xã Phú Chánh	TX. Tân Uyên			11° 04' 13"	106° 41' 45"	11° 04' 43"	106° 41' 27"	C-48-22-C-d
Đường ĐT.742	KX	xã Phú Chánh	TX. Tân Uyên			11° 03' 39"	106° 41' 41"	11° 11' 10"	106° 43' 30"	C-48-22-C-d
di tích Bưng Sình	KX	xã Phú Chánh	TX. Tân Uyên	11° 04' 49"	106° 42' 28"					C-48-22-C-d
Suối Cái	TV	xã Phú Chánh	TX. Tân Uyên			11° 09' 02"	106° 40' 54"	10° 59' 22"	106° 45' 44"	C-48-22-C-d
ấp Chánh Long	DC	xã Phú Chánh	TX. Tân Uyên	11° 04' 00"	106° 41' 43"					C-48-22-C-d
suối Hố Voi	TV	xã Phú Chánh	TX. Tân Uyên			11° 03' 39"	106° 42' 35"	11° 03' 49"	106° 43' 15"	C-48-22-C-d
ấp Phú Bưng	DC	xã Phú Chánh	TX. Tân Uyên	11° 04' 48"	106° 42' 06"					C-48-22-C-d
cụm công nghiệp Phú Chánh 1	KX	xã Phú Chánh	TX. Tân Uyên	11° 04' 24"	106° 42' 12"					C-48-22-C-d
ấp Phú Thọ	DC	xã Phú Chánh	TX. Tân Uyên	11° 03' 47"	106° 42' 07"					C-48-22-C-d
ấp Phú Trung	DC	xã Phú Chánh	TX. Tân Uyên	11° 04' 54"	106° 41' 38"					C-48-22-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
cầu Thợ Ụt	KX	xã Phú Chánh	TX. Tân Uyên	11° 05' 33"	106° 41' 58"					C-48-22-C-d
Đường ĐH.404	KX	xã Tân Vĩnh Hiệp	TX. Tân Uyên			11° 00' 38"	106° 43' 02"	11° 00' 32"	106° 42' 13"	C-48-22-C-d
Đường ĐH.405	KX	xã Tân Vĩnh Hiệp	TX. Tân Uyên			11° 00' 05"	106° 42' 39"	11° 00' 33"	106° 42' 17"	C-48-22-C-d
Đường ĐT.746	KX	xã Tân Vĩnh Hiệp	TX. Tân Uyên			10° 59' 17"	106° 42' 23"	11° 06' 55"	106° 45' 05"	C-48-22-C-d
Suối Cái	TV	xã Tân Vĩnh Hiệp	TX. Tân Uyên			11° 09' 02"	106° 40' 54"	10° 59' 22"	106° 45' 44"	C-48-22-C-d; C-48-22-D-c
Suối Chợ	TV	xã Tân Vĩnh Hiệp	TX. Tân Uyên			11° 00' 16"	106° 42' 08"	11° 01' 12"	106° 44' 23"	C-48-22-C-d
ấp Hóa Nhựt	DC	xã Tân Vĩnh Hiệp	TX. Tân Uyên	11° 01' 00"	106° 43' 11"					C-48-22-C-d
suối Long Đá	TV	xã Tân Vĩnh Hiệp	TX. Tân Uyên			11° 01' 57"	106° 42' 26"	11° 01' 56"	106° 44' 06"	C-48-22-C-d
ấp Tân An	DC	xã Tân Vĩnh Hiệp	TX. Tân Uyên	11° 01' 40"	106° 42' 25"					C-48-22-C-d
ấp Tân Hóa	DC	xã Tân Vĩnh Hiệp	TX. Tân Uyên	11° 01' 24"	106° 43' 08"					C-48-22-C-d
ấp Vĩnh An	DC	xã Tân Vĩnh Hiệp	TX. Tân Uyên	11° 00' 38"	106° 42' 39"					C-48-22-C-d
ấp Vĩnh Trường	DC	xã Tân Vĩnh Hiệp	TX. Tân Uyên	11° 00' 36"	106° 42' 28"					C-48-22-C-d
Đường ĐH.427	KX	xã Thạnh Hội	TX. Tân Uyên			10° 58' 49"	106° 46' 06"	10° 58' 22"	106° 47' 33"	C-48-34-B-a
di tích Cù Lao Rùa	KX	xã Thạnh Hội	TX. Tân Uyên	10° 58' 58"	106° 46' 55"					C-48-34-B-a
sông Đồng Nai	TV	xã Thạnh Hội	TX. Tân Uyên			11° 06' 34"	106° 57' 49"	10° 54' 00"	106° 50' 18"	C-48-34-B-a
chùa Long Thắng	KX	xã Thạnh Hội	TX. Tân Uyên	10° 59' 35"	106° 46' 31"					C-48-34-B-a
ấp Nhựt Thạnh	DC	xã Thạnh Hội	TX. Tân Uyên	10° 59' 07"	106° 46' 46"					C-48-34-B-a
đình Nhựt Thạnh	KX	xã Thạnh Hội	TX. Tân Uyên	10° 59' 02"	106° 46' 50"					C-48-34-B-a
rạch Ông Gương	TV	xã Thạnh Hội	TX. Tân Uyên			10° 58' 35"	106° 46' 40"	10° 58' 42"	106° 46' 56"	C-48-34-B-a
ấp Tân Hội	DC	xã Thạnh Hội	TX. Tân Uyên	10° 59' 25"	106° 46' 34"					C-48-34-B-a
ấp Thạnh Hiệp	DC	xã Thạnh Hội	TX. Tân Uyên	10° 58' 18"	106° 47' 12"					C-48-34-B-a
ấp Thạnh Hòa	DC	xã Thạnh Hội	TX. Tân Uyên	10° 58' 45"	106° 46' 16"					C-48-34-B-a
Ấp 1	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Tân Uyên	11° 08' 36"	106° 42' 34"					C-48-22-C-b
Ấp 2	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Tân Uyên	11° 07' 54"	106° 43' 47"					C-48-22-C-b
Ấp 3	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Tân Uyên	11° 06' 02"	106° 43' 16"					C-48-22-C-d
Ấp 4	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Tân Uyên	11° 07' 16"	106° 42' 24"					C-48-22-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Ấp 5	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Tân Uyên	11° 05' 59"	106° 42' 11"					C-48-22-C-d
Ấp 6	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Tân Uyên	11° 07' 44"	106° 43' 08"					C-48-22-C-b
Đường ĐH.409	KX	xã Vĩnh Tân	TX. Tân Uyên			11° 04' 08"	106° 45' 32"	11° 07' 43"	106° 43' 19"	C-48-22-C-b; C-48-22-C-d
Đường ĐH.410	KX	xã Vĩnh Tân	TX. Tân Uyên			11° 07' 53"	106° 44' 30"	11° 07' 38"	106° 42' 31"	C-48-22-C-b
Đường ĐT.742	KX	xã Vĩnh Tân	TX. Tân Uyên			11° 03' 39"	106° 41' 41"	11° 11' 10"	106° 43' 30"	C-48-22-C-b; C-48-22-C-d
đình Bà Chũ	KX	xã Vĩnh Tân	TX. Tân Uyên	11° 07' 53"	106° 43' 57"					C-48-22-C-b
suối Bà Phó	TV	xã Vĩnh Tân	TX. Tân Uyên			11° 07' 04"	106° 44' 41"	11° 06' 18"	106° 43' 51"	C-48-22-C-d
Suối Cái	TV	xã Vĩnh Tân	TX. Tân Uyên			11° 09' 02"	106° 40' 54"	10° 59' 22"	106° 45' 44"	C-48-22-C-b
di tích Chiến khu Vĩnh Lợi	KX	xã Vĩnh Tân	TX. Tân Uyên	11° 05' 53"	106° 43' 16"					C-48-22-C-d
Suối Con	TV	xã Vĩnh Tân	TX. Tân Uyên			11° 07' 46"	106° 43' 37"	11° 06' 18"	106° 43' 51"	C-48-22-C-b; C-48-22-C-d
chùa Pháp Âm	KX	xã Vĩnh Tân	TX. Tân Uyên	11° 08' 30"	106° 42' 36"					C-48-22-C-b
Khu công nghiệp và Đô thị Tân Uyên	KX	xã Vĩnh Tân	TX. Tân Uyên	11° 07' 47"	106° 41' 50"					C-48-22-C-b
cầu Thợ Ụt	KX	xã Vĩnh Tân	TX. Tân Uyên	11° 05' 33"	106° 41' 58"					C-48-22-C-d
cầu Trại Cưa	KX	xã Vĩnh Tân	TX. Tân Uyên	11° 08' 16"	106° 42' 41"					C-48-22-C-b
suối Trại Cưa	TV	xã Vĩnh Tân	TX. Tân Uyên			11° 09' 09"	106° 43' 59"	11° 07' 10"	106° 41' 30"	C-48-22-C-b
suối Vĩnh Lợi	TV	xã Vĩnh Tân	TX. Tân Uyên			11° 06' 18"	106° 43' 51"	11° 03' 58"	106° 43' 11"	C-48-22-C-d
khu phố 1A	DC	P. An Phú	TX. Thuận An	10° 57' 07"	106° 44' 20"					C-48-34-A-b
khu phố 1B	DC	P. An Phú	TX. Thuận An	10° 57' 51"	106° 44' 25"					C-48-34-A-b
Khu phố 2	DC	P. An Phú	TX. Thuận An	10° 56' 12"	106° 44' 27"					C-48-34-A-b
Khu phố 3	DC	P. An Phú	TX. Thuận An	10° 56' 16"	106° 44' 40"					C-48-34-A-b
Khu phố 4	DC	P. An Phú	TX. Thuận An	10° 56' 52"	106° 43' 41"					C-48-34-A-b
Đường ĐT.743A	KX	P. An Phú	TX. Thuận An			10° 53' 07"	106° 44' 05"	10° 54' 00"	106° 49' 44"	C-48-34-A-b
chùa Long Bửu	KX	P. An Phú	TX. Thuận An	10° 57' 15"	106° 44' 28"					C-48-34-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
rạch Bà Lụa	TV	P. An Thạnh	TX. Thuận An			10° 57' 01"	106° 40' 22"	10° 56' 36"	106° 38' 58"	C-48-34-A-b
Đại lộ Bình Dương	KX	P. An Thạnh	TX. Thuận An			10° 52' 10"	106° 42' 49"	11° 21' 37"	106° 37' 44"	C-48-34-A-b
Rạch Búng	TV	P. An Thạnh	TX. Thuận An			10° 56' 15"	106° 41' 06"	10° 57' 00"	106° 40' 23"	C-48-34-A-b
Suối Cát	TV	P. An Thạnh	TX. Thuận An			10° 59' 18"	106° 41' 32"	10° 57' 01"	106° 40' 22"	C-48-34-A-b
Cầu Móng	KX	P. An Thạnh	TX. Thuận An	10° 56' 52"	106° 40' 29"					C-48-34-A-b
khu phố Thạnh Bình	DC	P. An Thạnh	TX. Thuận An	10° 57' 13"	106° 41' 08"					C-48-34-A-b
khu phố Thạnh Hòa A	DC	P. An Thạnh	TX. Thuận An	10° 56' 44"	106° 41' 23"					C-48-34-A-b
khu phố Thạnh Hòa B	DC	P. An Thạnh	TX. Thuận An	10° 57' 05"	106° 41' 41"					C-48-34-A-b
khu phố Thạnh Lộc	DC	P. An Thạnh	TX. Thuận An	10° 57' 10"	106° 40' 30"					C-48-34-A-b
khu phố Thạnh Lợi	DC	P. An Thạnh	TX. Thuận An	10° 56' 52"	106° 40' 55"					C-48-34-A-b
khu phố Thạnh Phú	DC	P. An Thạnh	TX. Thuận An	10° 56' 41"	106° 40' 12"					C-48-34-A-b
khu phố Thạnh Quý	DC	P. An Thạnh	TX. Thuận An	10° 56' 25"	106° 40' 33"					C-48-34-A-b
Cầu Trắng	KX	P. An Thạnh	TX. Thuận An	10° 57' 15"	106° 40' 32"					C-48-34-A-b
Đường ĐT.743A	KX	P. Bình Chuẩn	TX. Thuận An			10° 53' 07"	106° 44' 05"	10° 54' 00"	106° 49' 44"	C-48-34-A-b
Đường ĐT.746	KX	P. Bình Chuẩn	TX. Thuận An			10° 59' 17"	106° 42' 23"	11° 06' 55"	106° 45' 05"	C-48-34-A-b
khu công nghiệp Bình Chuẩn	KX	P. Bình Chuẩn	TX. Thuận An	10° 58' 51"	106° 42' 40"					C-48-34-A-b
khu phố Bình Phú	DC	P. Bình Chuẩn	TX. Thuận An	10° 59' 08"	106° 42' 54"					C-48-34-A-b
khu phố Bình Phước A	DC	P. Bình Chuẩn	TX. Thuận An	10° 59' 00"	106° 43' 26"					C-48-34-A-b
khu phố Bình Phước B	DC	P. Bình Chuẩn	TX. Thuận An	10° 58' 42"	106° 43' 59"					C-48-34-A-b
khu phố Bình Quới A	DC	P. Bình Chuẩn	TX. Thuận An	10° 59' 23"	106° 42' 03"					C-48-34-A-b
khu phố Bình Quới B	DC	P. Bình Chuẩn	TX. Thuận An	10° 59' 11"	106° 42' 41"					C-48-34-A-b
suối Bưng Biệp	TV	P. Bình Chuẩn	TX. Thuận An			10° 58' 23"	106° 42' 21"	10° 57' 01"	106° 40' 22"	C-48-34-A-b
Đường ĐT.743A	KX	P. Bình Hòa	TX. Thuận An			10° 53' 07"	106° 44' 05"	10° 54' 00"	106° 49' 44"	C-48-34-A-b
Đại lộ Bình Dương	KX	P. Bình Hòa	TX. Thuận An			10° 52' 10"	106° 42' 49"	11° 21' 37"	106° 37' 44"	C-48-34-A-b
khu phố Bình Đáng	DC	P. Bình Hòa	TX. Thuận An	10° 55' 14"	106° 43' 50"					C-48-34-A-b
khu phố Bình Đức 1	DC	P. Bình Hòa	TX. Thuận An	10° 54' 32"	106° 43' 15"					C-48-34-A-b
khu phố Bình Đức 2	DC	P. Bình Hòa	TX. Thuận An	10° 55' 00"	106° 43' 04"					C-48-34-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
khu phố Bình Đức 3	DC	P. Bình Hòa	TX. Thuận An	10° 54' 42"	106° 43' 32"					C-48-34-A-b
Rạch Cùng	TV	P. Bình Hòa	TX. Thuận An			10° 55' 56"	106° 43' 13"	10° 52' 55"	106° 42' 58"	C-48-34-A-b
khu phố Đông Ba	DC	P. Bình Hòa	TX. Thuận An	10° 53' 42"	106° 42' 39"					C-48-34-A-b
khu công nghiệp Đồng An	KX	P. Bình Hòa	TX. Thuận An	10° 54' 11"	106° 43' 24"					C-48-34-A-b
khu phố Đồng An 1	DC	P. Bình Hòa	TX. Thuận An	10° 54' 02"	106° 43' 15"					C-48-34-A-b
khu phố Đồng An 2	DC	P. Bình Hòa	TX. Thuận An	10° 53' 41"	106° 43' 58"					C-48-34-A-b
khu phố Đồng An 3	DC	P. Bình Hòa	TX. Thuận An	10° 54' 12"	106° 44' 08"					C-48-34-A-b
khu công nghiệp Việt Nam - Singapore	KX	P. Bình Hòa	TX. Thuận An	10° 55' 51"	106° 43' 15"					C-48-34-A-b
Miếu Bà	KX	P. Bình Nhâm	TX. Thuận An	10° 55' 26"	106° 41' 36"					C-48-34-A-b
khu phố Bình Đức	DC	P. Bình Nhâm	TX. Thuận An	10° 55' 12"	106° 41' 21"					C-48-34-A-b
khu phố Bình Hòa	DC	P. Bình Nhâm	TX. Thuận An	10° 55' 58"	106° 41' 44"					C-48-34-A-b
cầu Bình Nhâm	KX	P. Bình Nhâm	TX. Thuận An	10° 55' 21"	106° 41' 30"					C-48-34-A-b
đền Bình Nhâm	KX	P. Bình Nhâm	TX. Thuận An	10° 55' 14"	106° 41' 34"					C-48-34-A-b
rạch Bình Nhâm	TV	P. Bình Nhâm	TX. Thuận An			10° 55' 28"	106° 41' 59"	10° 55' 11"	106° 41' 03"	C-48-34-A-b
khu phố Bình Phước	DC	P. Bình Nhâm	TX. Thuận An	10° 55' 11"	106° 41' 57"					C-48-34-A-b
khu phố Bình Thuận	DC	P. Bình Nhâm	TX. Thuận An	10° 55' 34"	106° 41' 09"					C-48-34-A-b
Cầu Đò	KX	P. Bình Nhâm	TX. Thuận An	10° 55' 32"	106° 41' 36"					C-48-34-A-b
xí nghiệp Thạch cao Minh Phát	KX	P. Bình Nhâm	TX. Thuận An	10° 55' 04"	106° 41' 27"					C-48-34-A-b
sông Sài Gòn	TV	P. Bình Nhâm	TX. Thuận An			11° 19' 34"	106° 20' 48"	10° 52' 00"	106° 42' 41"	C-48-34-A-b
rạch Vàm Búng	TV	P. Bình Nhâm	TX. Thuận An			10° 56' 15"	106° 41' 06"	10° 55' 27"	106° 40' 44"	C-48-34-A-b
cầu Xe Lửa	KX	P. Bình Nhâm	TX. Thuận An	10° 55' 29"	106° 41' 49"					C-48-34-A-b
Đại lộ Bình Dương	KX	P. Hưng Định	TX. Thuận An			10° 52' 10"	106° 42' 49"	11° 21' 37"	106° 37' 44"	C-48-34-A-b
nhà thờ Búng	KX	P. Hưng Định	TX. Thuận An	10° 56' 50"	106° 41' 36"					C-48-34-A-b
Rạch Búng	TV	P. Hưng Định	TX. Thuận An			10° 56' 15"	106° 41' 06"	10° 57' 00"	106° 40' 23"	C-48-34-A-b
cầu Cây Trâm	KX	P. Hưng Định	TX. Thuận An	10° 56' 31"	106° 41' 14"					C-48-34-A-b
khu phố Hưng Lộc	DC	P. Hưng Định	TX. Thuận An	10° 56' 55"	106° 41' 57"					C-48-34-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
khu phố Hưng Phước	DC	P. Hưng Định	TX. Thuận An	10° 56' 35"	106° 41' 38"					C-48-34-A-b
khu phố Hưng Thọ	DC	P. Hưng Định	TX. Thuận An	10° 56' 20"	106° 41' 06"					C-48-34-A-b
Cầu Ngang	KX	P. Hưng Định	TX. Thuận An	10° 56' 12"	106° 41' 04"					C-48-34-A-b
rạch Vàm Búng	TV	P. Hưng Định	TX. Thuận An			10° 56 ' 15"	106° 41' 06"	10° 55' 27"	106° 40' 44"	C-48-34-A-b
khu phố Bình Đức 1	DC	P. Lái Thiêu	TX. Thuận An	10° 54' 28"	106° 41' 49"					C-48-34-A-b
khu phố Bình Đức 2	DC	P. Lái Thiêu	TX. Thuận An	10° 54' 44"	106° 41' 41"					C-48-34-A-b
Đại lộ Bình Dương	KX	P. Lái Thiêu	TX. Thuận An			10° 52' 10"	106° 42' 49"	11° 21' 37"	106° 37' 44"	C-48-34-A-b
khu phố Bình Hòa	DC	P. Lái Thiêu	TX. Thuận An	10° 55' 14"	106° 42' 26"					C-48-34-A-b
Khu phố Chợ	DC	P. Lái Thiêu	TX. Thuận An	10° 54' 22"	106° 41' 59"					C-48-34-A-b
khu phố Đông Nhì	DC	P. Lái Thiêu	TX. Thuận An	10° 54' 29"	106° 42' 24"					C-48-34-A-b
khu phố Đông Tư	DC	P. Lái Thiêu	TX. Thuận An	10° 54' 59"	106° 42' 04"					C-48-34-A-b
khu phố Hòa Long	DC	P. Lái Thiêu	TX. Thuận An	10° 53' 15"	106° 41 '55"					C-48-34-A-b
khu phố Long Thới	DC	P. Lái Thiêu	TX. Thuận An	10° 53' 44"	106° 42' 00"					C-48-34-A-b
miếu Mộc Tổ	KX	P. Lái Thiêu	TX. Thuận An	10° 54' 08"	106° 41' 48"					C-48-34-A-b
khu phố Nguyễn Trãi	DC	P. Lái Thiêu	TX. Thuận An	10° 54' 10"	106° 42' 06"					C-48-34-A-b
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi	KX	P. Lái Thiêu	TX. Thuận An	10° 55' 06"	106° 42' 32"					C-48-34-A-b
đình Phú Long	KX	P. Lái Thiêu	TX. Thuận An	10° 53' 48"	106° 41' 38"					C-48-34-A-b
sông Sài Gòn	TV	P. Lái Thiêu	TX. Thuận An			11° 19' 34"	106° 20' 48"	10° 52' 00"	106° 42' 41"	C-48-34-A-b
chùa Thiên Bửu	KX	P. Lái Thiêu	TX. Thuận An	10° 54' 57"	106° 41' 52"					C-48-34-A-b
Đại lộ Bình Dương	KX	P. Thuận Giao	TX. Thuận An			10° 52' 10"	106° 42' 49"	11° 21' 37"	106° 37' 44"	C-48-34-A-b
khu phố Bình Giao	DC	P. Thuận Giao	TX. Thuận An	10° 56' 39"	106° 42' 24"					C-48-34-A-b
khu phố Bình Thuận 1	DC	P. Thuận Giao	TX. Thuận An	10° 58' 02"	106° 42' 22"					C-48-34-A-b
khu phố Bình Thuận 2	DC	P. Thuận Giao	TX. Thuận An	10° 57' 51"	106° 42' 46"					C-48-34-A-b
Suối Cát	TV	P. Thuận Giao	TX. Thuận An			10° 59' 18"	106° 41' 32"	10° 57' 01"	106° 40' 22"	C-48-34-A-b
di tích Chiến khu Thuận An Hòa	KX	P. Thuận Giao	TX. Thuận An	10° 57' 15"	106° 43' 24"					C-48-34-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
khu phố Hòa Lân 1	DC	P. Thuận Giao	TX. Thuận An	10° 57' 45"	106° 42' 14"					C-48-34-A-b
khu phố Hòa Lân 2	DC	P. Thuận Giao	TX. Thuận An	10° 57' 15"	106° 42' 48"					C-48-34-A-b
tịnh xá Ngọc Thuận	KX	P. Thuận Giao	TX. Thuận An	10° 57' 17"	106° 42' 17"					C-48-34-A-b
Trường Trung học phổ thông Trần Văn Ơn	KX	P. Thuận Giao	TX. Thuận An	10° 57' 01"	106° 42' 49"					C-48-34-A-b
Đại lộ Bình Dương	KX	P. Vĩnh Phú	TX. Thuận An			10° 52' 10"	106° 42' 49"	11° 21' 37"	106° 37' 44"	C-48-34-A-b
rạch Cầu Đất	TV	P. Vĩnh Phú	TX. Thuận An			10° 52' 38"	106° 43' 09"	10° 52' 24"	106° 42' 47"	C-48-34-A-d; C-48-34-A-b
Rạch Cùng	TV	P. Vĩnh Phú	TX. Thuận An			10° 55' 56"	106° 43' 13"	10° 52' 55"	106° 42' 58"	C-48-34-A-b
Khu phố Đông	DC	P. Vĩnh Phú	TX. Thuận An	10° 52' 27"	106° 42' 38"					C-48-34-A-d
bệnh viện Hạnh Phúc	KX	P. Vĩnh Phú	TX. Thuận An	10° 52' 09"	106° 42' 38"					C-48-34-A-d
khu phố Hòa Long	DC	P. Vĩnh Phú	TX. Thuận An	10° 53' 08"	106° 41' 54"					C-48-34-A-b
khu phố Phú Hội	DC	P. Vĩnh Phú	TX. Thuận An	10° 52' 47"	106° 42' 20"					C-48-34-A-d
sông Sài Gòn	TV	P. Vĩnh Phú	TX. Thuận An			11° 19' 34"	106° 20' 48"	10° 52' 00"	106° 42' 41"	C-48-34-A-d; C-48-34-A-b
Khu phố Tây	DC	P. Vĩnh Phú	TX. Thuận An	10° 52' 54"	106° 41' 33"					C-48-34-A-b
rạch Thầy Năm	TV	P. Vĩnh Phú	TX. Thuận An			10° 52' 59"	106° 42' 54"	10° 52' 28"	106° 42' 33"	C-48-34-A-d; C-48-34-A-b
Khu phố Trung	DC	P. Vĩnh Phú	TX. Thuận An	10° 52' 15"	106° 42' 01"					C-48-34-A-d
cầu Vĩnh Bình	KX	P. Vĩnh Phú	TX. Thuận An	10° 52' 10"	106° 42' 49"					C-48-34-A-d
rạch Vĩnh Bình	TV	P. Vĩnh Phú	TX. Thuận An			10° 52' 24"	106° 42' 47"	10° 52' 00"	106° 42' 41"	C-48-34-A-d
ấp An Hòa	DC	xã An Sơn	TX. Thuận An	10° 56' 19"	106° 40' 00"					C-48-34-A-b
ấp An Mỹ	DC	xã An Sơn	TX. Thuận An	10° 55' 45"	106° 40' 30"					C-48-34-A-b
ấp An Phú	DC	xã An Sơn	TX. Thuận An	10° 55' 49"	106° 40' 04"					C-48-34-A-b
ấp An Quới	DC	xã An Sơn	TX. Thuận An	10° 55' 59"	106° 39' 28"					C-48-34-A-b
đình An Sơn	KX	xã An Sơn	TX. Thuận An	10° 55' 42"	106° 39' 20"					C-48-34-A-b
rạch Bà Lụa	TV	xã An Sơn	TX. Thuận An			10° 57' 01"	106° 40' 22"	10° 56' 36"	106° 38' 58"	C-48-34-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
rạch Hai Diêu - Mương Đào	TV	xã An Sơn	TX. Thuận An			10° 55' 57"	106° 39' 53"	10° 55' 28"	106° 39' 32"	C-48-34-A-b
ấp Phú Hưng	DC	xã An Sơn	TX. Thuận An	10° 56' 27"	106° 39' 35"					C-48-34-A-b
sông Sài Gòn	TV	xã An Sơn	TX. Thuận An			11° 19' 34"	106° 20' 48"	10° 52' 00"	106° 42' 41"	C-48-34-A-b
Rạch Sơn	TV	xã An Sơn	TX. Thuận An			10° 55' 50"	106° 40' 19"	10° 55' 20"	106° 40' 11"	C-48-34-A-b
rạch Vàm Búng	TV	xã An Sơn	TX. Thuận An			10° 56' 15"	106° 41' 06"	10° 55' 27"	106° 40' 44"	C-48-34-A-b
Đường ĐH.410	KX	xã Bình Mỹ	H. Bắc Tân Uyên			11° 07' 53"	106° 44' 30"	11° 07' 38"	106° 42' 31"	C-48-22-C-b; C-48-22-D-c
Đường ĐT.742	KX	xã Bình Mỹ	H. Bắc Tân Uyên			11° 03' 39"	106° 41' 41"	11° 11' 10"	106° 43' 30"	C-48-22-C-b
Đường ĐT.747A	KX	xã Bình Mỹ	H. Bắc Tân Uyên			10° 57' 49"	106° 46' 41"	11° 11' 00"	106° 43' 30"	C-48-22-C-b; C-48-22-D-c
đập Bà Ba	KX	xã Bình Mỹ	H. Bắc Tân Uyên	11° 09' 09"	106° 43' 59"					C-48-22-C-b
suối Bà Phó	TV	xã Bình Mỹ	H. Bắc Tân Uyên			11° 07' 04"	106° 44' 41"	11° 06' 18"	106° 43' 51"	C-48-22-C-d
ấp Bàu Gốc	DC	xã Bình Mỹ	H. Bắc Tân Uyên	11° 10' 30"	106° 44' 07"					C-48-22-C-b
suối Bàu Gốc	TV	xã Bình Mỹ	H. Bắc Tân Uyên			11° 11' 17"	106° 45' 32"	11° 12' 46"	106° 45' 59"	C-48-22-D-a
Sông Bé	TV	xã Bình Mỹ	H. Bắc Tân Uyên			11° 28' 55"	106° 45' 57"	11° 06' 34"	106° 57' 49"	C-48-22-D-a
ấp Bình Cơ	DC	xã Bình Mỹ	H. Bắc Tân Uyên	11° 07' 34"	106° 44' 35"					C-48-22-C-b
cầu Bình Cơ	KX	xã Bình Mỹ	H. Bắc Tân Uyên	11° 07' 16"	106° 44' 46"					C-48-22-C-d
suối Bình Cơ	TV	xã Bình Mỹ	H. Bắc Tân Uyên			11° 07' 23"	106° 44' 47"	11° 07' 04"	106° 44' 41"	C-48-22-C-d
ấp Chòi Dúng	DC	xã Bình Mỹ	H. Bắc Tân Uyên	11° 09' 32"	106° 44' 47"					C-48-22-C-b
suối Chòi Dúng	TV	xã Bình Mỹ	H. Bắc Tân Uyên			11° 09' 16"	106° 45' 08"	11° 07' 23"	106° 44' 47"	C-48-22-D-a; C-48-22-C-b; C-48-22-C-d
ấp Đồng Sặc	DC	xã Bình Mỹ	H. Bắc Tân Uyên	11° 09' 45"	106° 44' 25"					C-48-22-C-b
bàu Đồng Tràm	TV	xã Bình Mỹ	H. Bắc Tân Uyên	11° 09' 52"	106° 45' 54"					C-48-22-D-a
ấp Mỹ Đức	DC	xã Bình Mỹ	H. Bắc Tân Uyên	11° 09' 06"	106° 44' 30"					C-48-22-C-b
Suối Ngan	TV	xã Bình Mỹ	H. Bắc Tân Uyên			11° 09' 42"	106° 46' 50"	11° 10' 29"	106° 48' 28"	C-48-22-D-a
Suối Ổi	TV	xã Bình Mỹ	H. Bắc Tân Uyên			11° 11' 35"	106° 47' 43"	11° 10' 54"	106° 48' 35"	C-48-22-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
suối Ông Thủ	TV	xã Bình Mỹ	H. Bắc Tân Uyên			11° 10' 29"	106° 48' 28"	11° 11' 32"	106° 48' 58"	C-48-22-D-a
bàu Tiền Tà	TV	xã Bình Mỹ	H. Bắc Tân Uyên	11° 10' 51"	106° 47' 19"					C-48-22-D-a
cầu Trại Cưa	KX	xã Bình Mỹ	H. Bắc Tân Uyên	11° 08' 16"	106° 42' 41"					C-48-22-C-b
suối Trại Cưa	TV	xã Bình Mỹ	H. Bắc Tân Uyên			11° 09' 09"	106° 43' 59"	11° 07' 10"	106° 41' 30"	C-48-22-C-b
suối Vàm Tư	TV	xã Bình Mỹ	H. Bắc Tân Uyên			11° 11' 32"	106° 48' 58"	11° 12' 46"	106° 50' 03"	C-48-22-D-a
nông trường Visorutex	KX	xã Bình Mỹ	H. Bắc Tân Uyên	11° 10' 18"	106° 45' 39"					C-48-22-D-a
Suối Xếp	TV	xã Bình Mỹ	H. Bắc Tân Uyên			11° 08' 06"	106° 45' 48"	11° 07' 23"	106° 44' 47"	C-48-22-D-a; C-48-22-D-c; C-48-22-C-d
Đường ĐH.411	KX	xã Đất Cuốc	H. Bắc Tân Uyên			11° 04' 40"	106° 48' 13"	11° 09' 04"	106° 50' 32"	C-48-22-D-a; C-48-22-D-c
Đường ĐH.415	KX	xã Đất Cuốc	H. Bắc Tân Uyên			11° 07' 26"	106° 52' 17"	11° 10' 01"	106° 54' 48"	C-48-22-D-a; C-48-22-D-b; C-48-22-D-c
Suối Cầu	TV	xã Đất Cuốc	H. Bắc Tân Uyên			11° 10' 23"	106° 52' 08"	11° 06' 35"	106° 55' 22"	C-48-22-D-b
di tích Chiến khu Đ	KX	xã Đất Cuốc	H. Bắc Tân Uyên	11° 07' 38"	106° 51' 45"					C-48-22-D-a
ấp Đá Bàn	DC	xã Đất Cuốc	H. Bắc Tân Uyên	11° 07' 19"	106° 51' 57"					C-48-22-D-c
hồ Đá Bàn	TV	xã Đất Cuốc	H. Bắc Tân Uyên	11° 07' 18"	106° 51' 21"					C-48-22-D-c
suối Đá Bàn	TV	xã Đất Cuốc	H. Bắc Tân Uyên			11° 06' 52"	106° 51' 18"	11° 05' 40"	106° 52' 16"	C-48-22-D-c
khu công nghiệp Đất Cuốc	KX	xã Đất Cuốc	H. Bắc Tân Uyên	11° 06' 08"	106° 50' 05"					C-48-22-D-c
miếu Bà Đất Cuốc	KX	xã Đất Cuốc	H. Bắc Tân Uyên	11° 05' 58"	106° 50' 46"					C-48-22-D-c
Suối Sâu	TV	xã Đất Cuốc	H. Bắc Tân Uyên			11° 05' 41"	106° 51' 18"	11° 05' 40"	106° 52' 28"	C-48-22-D-c; C-48-22-D-d
ấp Suối Sâu	DC	xã Đất Cuốc	H. Bắc Tân Uyên	11° 05' 52"	106° 50' 54"					C-48-22-D-c
ấp Suối Voi	DC	xã Đất Cuốc	H. Bắc Tân Uyên	11° 08' 17"	106° 53' 15"					C-48-22-D-b
ấp Tân Lợi	DC	xã Đất Cuốc	H. Bắc Tân Uyên	11° 05' 37"	106° 49' 35"					C-48-22-D-c
suối Tân Lợi	TV	xã Đất Cuốc	H. Bắc Tân Uyên			11° 08' 17"	106° 49' 03"	11° 05' 41"	106° 51' 18"	C-48-22-D-a; C-48-22-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Suối Voi	TV	xã Đất Cuốc	H. Bắc Tân Uyên			11° 08' 51"	106° 51' 45"	11° 08' 47"	106° 53' 39"	C-48-22-D-a; C-48-22-D-b
suối Vũng Gấm	TV	xã Đất Cuốc	H. Bắc Tân Uyên			11° 05' 40"	106° 52' 28"	11° 02' 39"	106° 54' 47"	C-48-22-D-c
Đường ĐH.415	KX	xã Hiếu Liêm	H. Bắc Tân Uyên			11° 07' 26"	106° 52' 17"	11° 10' 01"	106° 54' 48"	C-48-22-D-b
Đường ĐT.746	KX	xã Hiếu Liêm	H. Bắc Tân Uyên			10° 59' 17"	106° 42' 23"	11° 06' 55"	106° 45' 05"	C-48-22-D-b; C-48-22-D-d
Sông Bé	TV	xã Hiếu Liêm	H. Bắc Tân Uyên			11° 28' 55"	106° 45' 57"	11° 06' 34"	106° 57' 49"	C-48-22-D-b; C-48-22-D-d
Suối Búng	TV	xã Hiếu Liêm	H. Bắc Tân Uyên			11° 10' 38"	106° 55' 03"	11° 10' 54"	106° 56' 10"	C-48-22-D-b
Suối Cái	TV	xã Hiếu Liêm	H. Bắc Tân Uyên			11° 06' 35"	106° 55' 22"	11° 05' 40"	106° 56' 51"	C-48-22-D-d
Suối Cầu	TV	xã Hiếu Liêm	H. Bắc Tân Uyên			11° 10' 23"	106° 52' 08"	11° 06' 35"	106° 55' 22"	C-48-22-D-b; C-48-22-D-d
ấp Cây Dâu	DC	xã Hiếu Liêm	H. Bắc Tân Uyên	11° 06' 21"	106° 57' 12"					C-48-22-D-d
ấp Cây Dừng	DC	xã Hiếu Liêm	H. Bắc Tân Uyên	11° 09' 45"	106° 54' 58"					C-48-22-D-b
ấp Chánh Hưng	DC	xã Hiếu Liêm	H. Bắc Tân Uyên	11° 06' 42"	106° 57' 32"					C-48-22-D-d
suối Đá Bia	TV	xã Hiếu Liêm	H. Bắc Tân Uyên			11° 08' 57"	106° 55' 32"	11° 06' 42"	106° 56' 24"	C-48-22-D-b; C-48-22-D-d
sông Đồng Nai	TV	xã Hiếu Liêm	H. Bắc Tân Uyên			11° 06' 34"	106° 57' 49"	10° 54' 00"	106° 50' 18"	C-48-22-D-d
suối Rạch Lãm	TV	xã Hiếu Liêm	H. Bắc Tân Uyên			11° 09' 07"	106° 56' 38"	11° 08' 50"	106° 57' 51"	C-48-22-D-d
Khu sản xuất nông nghiệp Ứng dụng công nghệ cao Tiến Hùng	KX	xã Hiếu Liêm	H. Bắc Tân Uyên	11° 09' 56"	106° 54' 48"					C-48-22-D-b
Ấp 1	DC	xã Lạc An	H. Bắc Tân Uyên	11° 03' 05"	106° 55' 08"					C-48-22-D-d
Ấp 2	DC	xã Lạc An	H. Bắc Tân Uyên	11° 03' 18"	106° 55' 03"					C-48-22-D-d
Ấp 3	DC	xã Lạc An	H. Bắc Tân Uyên	11° 03' 42"	106° 55' 32"					C-48-22-D-d
Ấp 4	DC	xã Lạc An	H. Bắc Tân Uyên	11° 04' 03"	106° 55' 53"					C-48-22-D-d
Đường ĐH.414	KX	xã Lạc An	H. Bắc Tân Uyên			11° 05' 29"	106° 49' 15"	11° 03' 49"	106° 55' 36"	C-48-22-D-d
Đường ĐT.746	KX	xã Lạc An	H. Bắc Tân Uyên			10° 59' 17"	106° 42' 23"	11° 06' 55"	106° 45' 05"	C-48-22-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
đồi Bà Cẩm	SV	xã Lạc An	H. Bắc Tân Uyên	11° 03' 59"	106° 55' 22"					C-48-22-D-d
Suối Cái	TV	xã Lạc An	H. Bắc Tân Uyên			11° 06' 35"	106° 55' 22"	11° 05' 40"	106° 56' 51"	C-48-22-D-d
sông Đồng Nai	TV	xã Lạc An	H. Bắc Tân Uyên			11° 06' 34"	106° 57' 49"	10° 54' 00"	106° 50' 18"	C-48-22-D-d
ấp Giáp Lạc	DC	xã Lạc An	H. Bắc Tân Uyên	11° 05' 24"	106° 54' 17"					C-48-22-D-d
Suối Sâu	TV	xã Lạc An	H. Bắc Tân Uyên			11° 05' 41"	106° 51' 18"	11° 05' 40"	106° 52' 28"	C-48-22-D-c
suối Vũng Gấm	TV	xã Lạc An	H. Bắc Tân Uyên			11° 05' 40"	106° 52' 28"	11° 02' 39"	106° 54' 47"	C-48-22-D-c; C-48-22-D-d
Ấp 1	DC	xã Tân Bình	H. Bắc Tân Uyên	11° 10' 48"	106° 41' 22"					C-48-22-C-b
Ấp 2	DC	xã Tân Bình	H. Bắc Tân Uyên	11° 11' 04"	106° 42' 12"					C-48-22-C-b
Ấp 3	DC	xã Tân Bình	H. Bắc Tân Uyên	11° 11' 10"	106° 42' 57"					C-48-22-C-b
Đường ĐH.424	KX	xã Tân Bình	H. Bắc Tân Uyên			11° 09' 57"	106° 40' 16"	11° 07' 14"	106° 42' 24"	C-48-22-C-b
Đường ĐT.741	KX	xã Tân Bình	H. Bắc Tân Uyên			11° 02' 06"	106° 38' 18"	11° 23' 06"	106° 49' 23"	C-48-22-C-b
Đường ĐT.742	KX	xã Tân Bình	H. Bắc Tân Uyên			11° 03' 39"	106° 41' 41"	11° 11' 10"	106° 43' 30"	C-48-22-C-b
Đường ĐT.747A	KX	xã Tân Bình	H. Bắc Tân Uyên			10° 57' 49"	106° 46' 41"	11° 11' 00"	106° 43' 30"	C-48-22-C-b
suối Bàu Gốc	TV	xã Tân Bình	H. Bắc Tân Uyên			11° 11' 17"	106° 45' 32"	11° 12' 46"	106° 45' 59"	C-48-22-C-b; C-48-22-D-a
đập Bến Xe	KX	xã Tân Bình	H. Bắc Tân Uyên	11° 10' 43"	106° 42' 01"					C-48-22-C-b
ấp Cổng Xanh	DC	xã Tân Bình	H. Bắc Tân Uyên	11° 11' 15"	106° 43' 17"					C-48-22-C-b
đập Cua Đinh	KX	xã Tân Bình	H. Bắc Tân Uyên	11° 10' 03"	106° 41' 20"					C-48-22-C-b
suối Đồng Chinh	TV	xã Tân Bình	H. Bắc Tân Uyên			11° 12' 19"	106° 43' 11"	11° 12' 34"	106° 45' 02"	C-48-22-C-b; C-48-22-D-a
Đường Nguyễn Văn Thành	KX	xã Tân Bình	H. Bắc Tân Uyên			11° 02' 06"	106° 38' 18"	11° 11' 10"	106° 43' 30"	C-48-22-C-b
hồ Pa Ri	TV	xã Tân Bình	H. Bắc Tân Uyên	11° 11' 02"	106° 40' 57"					C-48-22-C-b
ấp Suối Tre	DC	xã Tân Bình	H. Bắc Tân Uyên	11° 09' 36"	106° 40' 43"					C-48-22-C-b
Trường Trung học phổ thông Tân Bình	KX	xã Tân Bình	H. Bắc Tân Uyên	11° 11' 03"	106° 43' 34"					C-48-22-C-b
Suối Tre 1	TV	xã Tân Bình	H. Bắc Tân Uyên			11° 10' 45"	106° 42' 31"	11° 09' 02"	106° 40' 54"	C-48-22-C-b; C-48-22-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Suối Tre 2	TV	xã Tân Bình	H. Bắc Tân Uyên			11° 09' 09"	106° 41' 20"	11° 09' 02"	106° 40' 54"	C-48-22-C-b
Ấp 1	DC	xã Tân Định	H. Bắc Tân Uyên	11° 10' 06"	106° 50' 49"					C-48-22-D-a
Ấp 2	DC	xã Tân Định	H. Bắc Tân Uyên	11° 10' 48"	106° 49' 01"					C-48-22-D-a
Ấp 3	DC	xã Tân Định	H. Bắc Tân Uyên	11° 10' 27"	106° 52' 15"					C-48-22-D-b
Đường ĐH.415	KX	xã Tân Định	H. Bắc Tân Uyên			11° 07' 26"	106° 52' 17"	11° 10' 01"	106° 54' 48"	C-48-22-D-a; C-48-22-D-b; C-48-22-D-c
Đường ĐH.416	KX	xã Tân Định	H. Bắc Tân Uyên			11° 10' 36"	106° 51' 56"	11° 14' 25"	106° 54' 09"	C-48-22-D-a; C-48-22-D-b
Đường ĐT.746	KX	xã Tân Định	H. Bắc Tân Uyên			10° 59' 17"	106° 42' 23"	11° 06' 55"	106° 45' 05"	C-48-22-D-a; C-48-22-D-b
ấp Bà Đã	DC	xã Tân Định	H. Bắc Tân Uyên	11° 10' 31"	106° 51' 51"					C-48-22-D-a
xóm Bàu Cá	DC	xã Tân Định	H. Bắc Tân Uyên	11° 11' 06"	106° 49' 35"					C-48-22-D-a
xóm Bàu Minh	DC	xã Tân Định	H. Bắc Tân Uyên	11° 11' 05"	106° 50' 01"					C-48-22-D-a
xóm Bàu Phản Lực	DC	xã Tân Định	H. Bắc Tân Uyên	11° 10' 21"	106° 48' 58"					C-48-22-D-a
ấp Bằng Lăng	DC	xã Tân Định	H. Bắc Tân Uyên	11° 11' 04"	106° 51' 56"					C-48-22-D-a
Sông Bé	TV	xã Tân Định	H. Bắc Tân Uyên			11° 28' 55"	106° 45' 57"	11° 06' 34"	106° 57' 49"	C-48-22-B-c, d; 22-D-a, b
Suối Cầu	TV	xã Tân Định	H. Bắc Tân Uyên			11° 10' 23"	106° 52' 08"	11° 06' 35"	106° 55' 22"	C-48-22-D-a; C-48-22-D-b
ấp Cây Chanh	DC	xã Tân Định	H. Bắc Tân Uyên	11° 10' 30"	106° 52' 52"					C-48-22-D-b
Trung tâm Huấn luyện nghiệp vụ Công an tỉnh Bình Dương	KX	xã Tân Định	H. Bắc Tân Uyên	11° 11' 43"	106° 53' 17"					C-48-22-D-b
suối Đá Bàn	TV	xã Tân Định	H. Bắc Tân Uyên			11° 12' 18"	106° 51' 24"	11° 12' 29"	106° 54' 00"	C-48-22-D-a; C-48-22-D-b
Suối Đỉa 1	TV	xã Tân Định	H. Bắc Tân Uyên			11° 08' 57"	106° 49' 12"	11° 10' 29"	106° 48' 28"	C-48-22-D-a
Suối Đỉa	TV	xã Tân Định	H. Bắc Tân Uyên			11° 12' 09"	106° 50' 55"	11° 13' 53"	106° 50' 31"	C-48-22-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
nông trường Nhà Nai	KX	xã Tân Định	H. Bắc Tân Uyên	11° 09' 26"	106° 51' 16"					C-48-22-D-a
suối Ông Thủ	TV	xã Tân Định	H. Bắc Tân Uyên			11° 10' 29"	106° 48' 28"	11° 11' 32"	106° 48' 58"	C-48-22-D-a
xóm Ông Thủ	DC	xã Tân Định	H. Bắc Tân Uyên	11° 11' 35"	106° 49' 42"					C-48-22-D-a
Trường Giáo dục và Giải quyết việc làm Số 3	KX	xã Tân Định	H. Bắc Tân Uyên	11° 14' 13"	106° 53' 51"					C-48-22-D-b
xóm Suối Đỉa	DC	xã Tân Định	H. Bắc Tân Uyên	11° 10' 28"	106° 48' 33"					C-48-22-D-a
ấp Thiềng Liềng	DC	xã Tân Định	H. Bắc Tân Uyên	11° 11' 02"	106° 51' 41"					C-48-22-D-a
xóm Trũng Cày Sông Bé	DC	xã Tân Định	H. Bắc Tân Uyên	11° 12' 53"	106° 51' 30"					C-48-22-D-b
suối Vàm Tư	TV	xã Tân Định	H. Bắc Tân Uyên			11° 11' 32"	106° 48' 58"	11° 12' 46"	106° 50' 03"	C-48-22-D-a
ấp Vườn Ươm	DC	xã Tân Định	H. Bắc Tân Uyên	11° 13' 29"	106° 50' 42"					C-48-22-D-a
Ấp 1	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Tân Uyên	11° 08' 51"	106° 49' 13"					C-48-22-D-a
Ấp 2	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Tân Uyên	11° 09' 30"	106° 48' 44"					C-48-22-D-a
Ấp 3	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Tân Uyên	11° 08' 44"	106° 48' 28"					C-48-22-D-a
Ấp 4	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Tân Uyên	11° 08' 25"	106° 47' 50"					C-48-22-D-a
Ấp 5	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Tân Uyên	11° 08' 29"	106° 47' 22"					C-48-22-D-a
Đường ĐT.746	KX	xã Tân Lập	H. Bắc Tân Uyên			10° 59' 17"	106° 42' 23"	11° 06' 55"	106° 45' 05"	C-48-22-D-a
Suối Đỉa	TV	xã Tân Lập	H. Bắc Tân Uyên			11° 08' 57"	106° 49' 12"	11° 10' 29"	106° 48' 28"	C-48-22-D-a
nông trường Hội Nghĩa	KX	xã Tân Lập	H. Bắc Tân Uyên	11° 06' 49"	106° 46' 57"					C-48-22-D-c
Suối Ngan	TV	xã Tân Lập	H. Bắc Tân Uyên			11° 09' 42"	106° 46' 50"	11° 10' 29"	106° 48' 28"	C-48-22-D-a
Xóm Sình	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Tân Uyên	11° 08' 40"	106° 48' 41"					C-48-22-D-a
suối Tân Lợi	TV	xã Tân Lập	H. Bắc Tân Uyên			11° 08' 17"	106° 49' 03"	11° 05' 41"	106° 51' 18"	C-48-22-D-a; C-48-22-D-c
Ấp 1	DC	xã Tân Mỹ	H. Bắc Tân Uyên	11° 03' 15"	106° 51' 00"					C-48-22-D-c
Ấp 2	DC	xã Tân Mỹ	H. Bắc Tân Uyên	11° 03' 22"	106° 50' 53"					C-48-22-D-c
Ấp 3	DC	xã Tân Mỹ	H. Bắc Tân Uyên	11° 03' 17"	106° 50' 02"					C-48-22-D-c
Đường ĐH.411	KX	xã Tân Mỹ	H. Bắc Tân Uyên			11° 04' 40"	106° 48' 13"	11° 09' 04"	106° 50' 32"	C-48-22-D-a; C-48-22-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Đường ĐH.413	KX	xã Tân Mỹ	H. Bắc Tân Uyên			11° 03' 08"	106° 50' 05"	11° 04' 30"	106° 51' 56"	C-48-22-D-c
Đường ĐH.414	KX	xã Tân Mỹ	H. Bắc Tân Uyên			11° 05' 29"	106° 49' 15"	11° 03' 49"	106° 55' 36"	C-48-22-D-c; C-48-22-D-d
Đường ĐT.746	KX	xã Tân Mỹ	H. Bắc Tân Uyên			10° 59' 17"	106° 42' 23"	11° 06' 55"	106° 45' 05"	C-48-22-D-c
miếu Bà Chúa Xứ	KX	xã Tân Mỹ	H. Bắc Tân Uyên	11° 04' 07"	106° 49' 03"					C-48-22-D-c
suối Bà Đông	TV	xã Tân Mỹ	H. Bắc Tân Uyên			11° 04' 46"	106° 49' 03"	11° 04' 03"	106° 49' 25"	C-48-22-D-c
suối Bà Mãng	TV	xã Tân Mỹ	H. Bắc Tân Uyên			11° 04' 36"	106° 49' 04"	11° 04' 03"	106° 49' 14"	C-48-22-D-c
ấp Bưng Lương	DC	xã Tân Mỹ	H. Bắc Tân Uyên	11° 05' 30"	106° 49' 24"					C-48-22-D-c
lâm trường Chiến Khu Đ	KX	xã Tân Mỹ	H. Bắc Tân Uyên	11° 04' 57"	106° 50' 16"					C-48-22-D-c
di tích Dốc Chùa	KX	xã Tân Mỹ	H. Bắc Tân Uyên	11° 04' 06"	106° 49' 24"					C-48-22-D-c
sông Đồng Nai	TV	xã Tân Mỹ	H. Bắc Tân Uyên			11° 06' 34"	106° 57' 49"	10° 54' 00"	106° 50' 18"	C-48-22-D-c
mộ cổ Đức ông Trần Thượng Xuyên	KX	xã Tân Mỹ	H. Bắc Tân Uyên	11° 03' 23"	106° 50' 00"					C-48-22-D-c
ấp Giáp Lạc	DC	xã Tân Mỹ	H. Bắc Tân Uyên	11° 05' 01"	106° 54' 05"					C-48-22-D-d
đồi Giòng Xoài	SV	xã Tân Mỹ	H. Bắc Tân Uyên	11° 04' 35"	106° 53' 25"					C-48-22-D-d
đồi Kỳ Lân	SV	xã Tân Mỹ	H. Bắc Tân Uyên	11° 03' 19"	106° 51' 56"					C-48-22-D-c
chùa Long Sơn Cổ Tự	KX	xã Tân Mỹ	H. Bắc Tân Uyên	11° 04' 07"	106° 49' 21"					C-48-22-D-c
cầu Rạch Rớ	KX	xã Tân Mỹ	H. Bắc Tân Uyên	11° 03' 06"	106° 50' 06"					C-48-22-D-c
Suối Sâu	TV	xã Tân Mỹ	H. Bắc Tân Uyên			11° 05' 41"	106° 51' 18"	11° 05' 40"	106° 52' 28"	C-48-22-D-c
suối Tân Lợi	TV	xã Tân Mỹ	H. Bắc Tân Uyên			11° 08' 17"	106° 49' 03"	11° 05' 41"	106° 51' 18"	C-48-22-D-a; C-48-22-D-c
cụm công nghiệp Tân Mỹ	KX	xã Tân Mỹ	H. Bắc Tân Uyên	11° 04' 17"	106° 49' 03"					C-48-22-D-c
suối Vũng Gấm	TV	xã Tân Mỹ	H. Bắc Tân Uyên			11° 05' 40"	106° 52' 28"	11° 02' 39"	106° 54' 47"	C-48-22-D-c; C-48-22-D-d
ấp Vườn Vũ	DC	xã Tân Mỹ	H. Bắc Tân Uyên	11° 04' 03"	106° 49' 38"					C-48-22-D-c
ấp Xóm Đèn	DC	xã Tân Mỹ	H. Bắc Tân Uyên	11° 04' 05"	106° 49' 06"					C-48-22-D-c
Ấp 1	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Tân Uyên	11° 08' 48"	106° 50' 01"					C-48-22-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Ấp 2	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Tân Uyên	11° 09' 05"	106° 50' 28"					C-48-22-D-a
Ấp 3	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Tân Uyên	11° 08' 45"	106° 50' 32"					C-48-22-D-a
Ấp 4	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Tân Uyên	11° 09' 21"	106° 50' 34"					C-48-22-D-a
Ấp 5	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Tân Uyên	11° 07' 53"	106° 50' 29"					C-48-22-D-a
Ấp 6	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Tân Uyên	11° 08' 59"	106° 52' 04"					C-48-22-D-a
Đường ĐH.411	KX	xã Tân Thành	H. Bắc Tân Uyên			11° 04' 40"	106° 48' 13"	11° 09' 04"	106° 50' 32"	C-48-22-D-a
Đường ĐH.415	KX	xã Tân Thành	H. Bắc Tân Uyên			11° 07' 26"	106° 52' 17"	11° 10' 01"	106° 54' 48"	C-48-22-D-a
Đường ĐT.746	KX	xã Tân Thành	H. Bắc Tân Uyên			10° 59' 17"	106° 42' 23"	11° 06' 55"	106° 45' 05"	C-48-22-D-a
Trung tâm hành chính huyện Bắc Tân Uyên	KX	xã Tân Thành	H. Bắc Tân Uyên	11° 07' 41"	106° 50' 34"					C-48-22-D-a
Suối Cầu	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Tân Uyên			11° 10' 23"	106° 52' 08"	11° 06' 35"	106° 55' 22"	C-48-22-D-b
đập Đá Bàn	KX	xã Tân Thành	H. Bắc Tân Uyên	11° 06' 52"	106° 51' 18"					C-48-22-D-c
hồ Đá Bàn	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Tân Uyên	11° 07' 18"	106° 51' 21"					C-48-22-D-c
Trường Trung học phổ thông Lê Lợi	KX	xã Tân Thành	H. Bắc Tân Uyên	11° 07' 49"	106° 50' 25"					C-48-22-D-a
nông trường Nhà Nai	KX	xã Tân Thành	H. Bắc Tân Uyên	11° 09' 26"	106° 51' 16"					C-48-22-D-a
Suối Voi	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Tân Uyên			11° 08' 51"	106° 51' 45"	11° 08' 47"	106° 53' 39"	C-48-22-D-a; C-48-22-D-b
Ấp 1	DC	xã Thường Tân	H. Bắc Tân Uyên	11° 01' 46"	106° 54' 29"					C-48-22-D-d
Ấp 2	DC	xã Thường Tân	H. Bắc Tân Uyên	11° 01' 48"	106° 53' 22"					C-48-22-D-d
Ấp 3	DC	xã Thường Tân	H. Bắc Tân Uyên	11° 01' 25"	106° 52' 07"					C-48-22-D-c
Ấp 4	DC	xã Thường Tân	H. Bắc Tân Uyên	11° 01' 54"	106° 51' 41"					C-48-22-D-c
Ấp 5	DC	xã Thường Tân	H. Bắc Tân Uyên	11° 02' 27"	106° 50' 34"					C-48-22-D-c
Ấp 6	DC	xã Thường Tân	H. Bắc Tân Uyên	11° 02' 34"	106° 51' 00"					C-48-22-D-c
Đường ĐT.746	KX	xã Thường Tân	H. Bắc Tân Uyên			10° 59' 17"	106° 42' 23"	11° 06' 55"	106° 45' 05"	C-48-22-D-c; C-48-22-D-d
sông Đồng Nai	TV	xã Thường Tân	H. Bắc Tân Uyên			11° 06' 34"	106° 57' 49"	10° 54' 00"	106° 50' 18"	C-48-22-D-c; C-48-22-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
đồi Lồ Ô	SV	xã Thường Tân	H. Bắc Tân Uyên	11° 02' 21"	106° 52' 41"					C-48-22-D-c
suối Vũng Gấm	TV	xã Thường Tân	H. Bắc Tân Uyên			11° 05' 40"	106° 52' 28"	11° 02' 39"	106° 54' 47"	C-48-22-D-d
Đường ĐH.614	KX	xã Cây Trường II	H. Bàu Bàng			11° 20' 31"	106° 33' 47"	11° 16' 14"	106° 33' 01"	C-48-22-A-c
Đường ĐT.750	KX	xã Cây Trường II	H. Bàu Bàng			11° 14' 10"	106° 44' 00"	11° 16' 49"	106° 21' 14"	C-48-22-A-c; C-48-22-A-d
suối Bà Tứ	TV	xã Cây Trường II	H. Bàu Bàng			11° 17' 40"	106° 35' 52"	11° 19' 01"	106° 32' 06"	C-48-22-A-c
ấp Bà Tứ	DC	xã Cây Trường II	H. Bàu Bàng	11° 19' 03"	106° 33' 42"					C-48-22-A-c
Công ty TNHHMTV Cao su Bình Dương	KX	xã Cây Trường II	H. Bàu Bàng	11° 21' 25"	106° 33' 18"					C-48-22-A-c
suối Cây Trâm	TV	xã Cây Trường II	H. Bàu Bàng			11° 19' 21"	106° 34' 52"	11° 18' 43"	106° 32' 37"	C-48-22-A-c
ấp Ông Chài	DC	xã Cây Trường II	H. Bàu Bàng	11° 20' 49"	106° 34' 41"					C-48-22-A-c
suối Ông Chài	TV	xã Cây Trường II	H. Bàu Bàng			11° 21' 25"	106° 35' 49"	11° 19' 01"	106° 32' 06"	C-48-22-A-c
suối Ông Thanh	TV	xã Cây Trường II	H. Bàu Bàng			11° 22' 38"	106° 34' 15"	11° 23' 20"	106° 32' 15"	C-48-22-A-a
ấp Ông Thanh	DC	xã Cây Trường II	H. Bàu Bàng	11° 20' 32"	106° 33' 49"					C-48-22-A-c
Công ty Cao su Sài Gòn 1	KX	xã Cây Trường II	H. Bàu Bàng	11° 18' 35"	106° 33' 49"					C-48-22-A-c
Công ty Cao su Sài Gòn 2	KX	xã Cây Trường II	H. Bàu Bàng	11° 20' 19"	106° 35' 27"					C-48-22-A-c
ấp Suối Cạn	DC	xã Cây Trường II	H. Bàu Bàng	11° 20' 14"	106° 32' 47"					C-48-22-A-c
xí nghiệp Phát triển Công nghiệp và Đô thị Thới Hòa - Bàu Bàng	KX	xã Cây Trường II	H. Bàu Bàng	11° 18' 40"	106° 33' 02"					C-48-22-A-c
Ấp 1	DC	xã Hưng Hòa	H. Bàu Bàng	11° 13' 06"	106° 42' 01"					C-48-22-C-b
Ấp 2	DC	xã Hưng Hòa	H. Bàu Bàng	11° 13' 16"	106° 42' 03"					C-48-22-C-b
Ấp 3	DC	xã Hưng Hòa	H. Bàu Bàng	11° 13' 30"	106° 41' 43"					C-48-22-C-b
Ấp 4	DC	xã Hưng Hòa	H. Bàu Bàng	11° 13' 43"	106° 41' 25"					C-48-22-C-b
Ấp 5	DC	xã Hưng Hòa	H. Bàu Bàng	11° 13' 40"	106° 41' 18"					C-48-22-C-b
Ấp 6	DC	xã Hưng Hòa	H. Bàu Bàng	11° 13' 59"	106° 40' 56"					C-48-22-C-b
Đường ĐT.741B	KX	xã Hưng Hòa	H. Bàu Bàng			11° 16' 24"	106° 37' 58"	11° 12' 16"	106° 43' 12"	C-48-22-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
suối Bàu Cỏ	TV	xã Hưng Hòa	H. Bàu Bàng			11° 14' 09"	106° 42' 10"	11° 15' 39"	106° 43' 38"	C-48-22-C-b
nông trường Hưng Hòa	KX	xã Hưng Hòa	H. Bàu Bàng	11° 12' 12"	106° 41' 11"					C-48-22-C-b
suối Lồ Ô	TV	xã Hưng Hòa	H. Bàu Bàng			11° 15' 00"	106° 42' 00"	11° 15' 39"	106° 43' 38"	C-48-22-A-d
suối Ông Tề	TV	xã Hưng Hòa	H. Bàu Bàng			11° 14' 34"	106° 40' 42"	11° 09' 20"	106° 35' 09"	C-48-22-C-a; C-48-22-C-b
hồ Pa Ri	TV	xã Hưng Hòa	H. Bàu Bàng	11° 11' 02"	106° 40' 57"					C-48-22-C-b
Đường ĐH.603	KX	xã Lai Hưng	H. Bàu Bàng			11° 10' 48"	106° 36' 00"	11° 09' 39"	106° 38' 37"	C-48-22-C-a; C-48-22-C-b
Đường ĐH.615	KX	xã Lai Hưng	H. Bàu Bàng			11° 11' 02"	106° 36' 09"	11° 15' 21"	106° 30' 47"	C-48-22-C-a
di tích Ấp chiến lược kiểu mẫu Bến Tượng	KX	xã Lai Hưng	H. Bàu Bàng	11° 00' 56"	106° 37' 43"					C-48-22-C-b
suối Bà Lăng	TV	xã Lai Hưng	H. Bàu Bàng			11° 12' 16"	106° 36' 07"	11° 09' 12"	106° 35' 02"	C-48-22-C-a
ấp Bến Tượng	DC	xã Lai Hưng	H. Bàu Bàng	11° 11' 19"	106° 37' 39"					C-48-22-C-a; C-48-22-C-b
suối Bến Ván	TV	xã Lai Hưng	H. Bàu Bàng			11° 17' 29"	106° 37' 10"	11° 13' 54"	106° 35' 47"	C-48-22-C-a
Đại lộ Bình Dương	KX	xã Lai Hưng	H. Bàu Bàng			10° 52' 10"	106° 42' 49"	11° 21' 37"	106° 37' 44"	C-48-22-C-a; C-48-22-C-b
ấp Cầu Đôi	DC	xã Lai Hưng	H. Bàu Bàng	11° 11' 06"	106° 35' 36"					C-48-22-C-a
ấp Cầu Sắt	DC	xã Lai Hưng	H. Bàu Bàng	11° 13' 42"	106° 36' 48"					C-48-22-C-a
suối Đòn Gánh	TV	xã Lai Hưng	H. Bàu Bàng			11° 16' 18"	106° 34' 08"	11° 13' 54"	106° 35' 47"	C-48-22-C-a
suối Đồng Cò	TV	xã Lai Hưng	H. Bàu Bàng			11° 13' 54"	106° 35' 47"	11° 12' 16"	106° 36' 07"	C-48-22-C-a
cầu Đồng Sổ	KX	xã Lai Hưng	H. Bàu Bàng	11° 12' 49"	106° 37' 44"					C-48-22-C-b
suối Đồng Sổ	TV	xã Lai Hưng	H. Bàu Bàng			11° 17' 09"	106° 38' 15"	11° 12' 16"	106° 36' 07"	C-48-22-C-a; C-48-22-C-b
ấp Lai Khê	DC	xã Lai Hưng	H. Bàu Bàng	11° 12' 05"	106° 36' 41"					C-48-22-C-a
suối Ông Tề	TV	xã Lai Hưng	H. Bàu Bàng			11° 14' 34"	106° 40' 42"	11° 09' 20"	106° 35' 09"	C-48-22-C-a; C-48-22-C-b
Đường ĐH.610	KX	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng			11° 14' 30"	106° 33' 49"	11° 15' 18"	106° 38' 10"	C-48-22-A-c; C-48-22-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Đường ĐH.613	KX	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng			11° 16' 24"	106° 38' 01"	11° 19' 43"	106° 40' 25"	C-48-22-A-d
Đường ĐT.741B	KX	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng			11° 16' 24"	106° 37' 58"	11° 12' 16"	106° 43' 12"	C-48-22-A-d
Đường ĐT.750	KX	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng			11° 14' 10"	106° 44' 00"	11° 16' 49"	106° 21' 14"	C-48-22-A-d
suối Bà Tứ	TV	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng			11° 17' 40"	106° 35' 52"	11° 19' 01"	106° 32' 06"	C-48-22-A-c
ấp Bàu Bàng	DC	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng	11° 15' 58"	106° 37' 13"					C-48-22-A-c; C-48-22-A-d
khu công nghiệp và đô thị Bàu Bàng	KX	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng	11° 15' 09"	106° 37' 48"					C-48-22-A-d
trạm thí nghiệm Lâm nghiệp Bàu Bàng	KX	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng	11° 16' 52"	106° 37' 49"					C-48-22-A-d
ấp Bàu Hốt	DC	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng	11° 19' 18"	106° 37' 45"					C-48-22-A-d
ấp Bàu Lòng	DC	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng	11° 20' 28"	106° 38' 15"					C-48-22-A-d
ấp Bến Lớn	DC	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng	11° 18' 21"	106° 38' 43"					C-48-22-A-d
suối Bến Ván	TV	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng			11° 17' 29"	106° 37' 10"	11° 13' 54"	106° 35' 47"	C-48-22-C-a
Đại lộ Bình Dương	KX	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng			10° 52' 10"	106° 42' 49"	11° 21' 37"	106° 37' 44"	C-48-22-A-d; C-48-22-C-b
ấp Cây Sắn	DC	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng	11° 18' 19"	106° 37' 46"					C-48-22-A-d
tượng đài Chiến thắng Bàu Bàng	KX	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng	11° 16' 27"	106° 38' 01"					C-48-22-A-d
Suối Dầu	TV	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng			11° 19' 58"	106° 38' 11"	11° 21' 25"	106° 39' 25"	C-48-22-A-d
suối Đòn Gánh	TV	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng			11° 16' 18"	106° 34' 08"	11° 13' 54"	106° 35' 47"	C-48-22-A-c
ấp Đồng Chèo	DC	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng	11° 18' 04"	106° 40' 08"					C-48-22-A-d
cầu Đồng Chèo	KX	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng	11° 18' 21"	106° 40' 10"					C-48-22-A-d
ấp Đồng Sổ	DC	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng	11° 15' 19"	106° 38' 08"					C-48-22-A-d
cầu Đồng Sổ	KX	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng	11° 12' 49"	106° 37' 44"					C-48-22-C-b
suối Đồng Sổ	TV	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng			11° 17' 09"	106° 38' 15"	11° 12' 16"	106° 36' 07"	C-48-22-A-d; C-48-22-C-d
giáo xứ Lai Uyên	KX	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng	11° 19' 34"	106° 37' 58"					C-48-22-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
nông trường Cao su Lai Uyên	KX	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng	11° 18' 22"	106° 40' 54"					C-48-22-A-d
nông trường Cao su Long Nguyên	KX	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng	11° 17' 11"	106° 34' 35"					C-48-22-A-c
suối Ông Bằng	TV	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng			11° 17' 46"	106° 38' 55"	11° 18' 48"	106° 41' 46"	C-48-22-A-d
chùa Phước Hội	KX	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng	11° 20' 20"	106° 38' 12"					C-48-22-A-d
ấp Xà Mách	DC	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng	11° 19' 42"	106° 38' 10"					C-48-22-A-d
cầu Xà Mách	KX	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng	11° 18' 34"	106° 38' 58"					C-48-22-A-d
suối Xà Mách	TV	xã Lai Uyên	H. Bàu Bàng			11° 18' 48"	106° 37' 46"	11° 18' 28"	106° 39' 22"	C-48-22-A-d
Đường ĐH.610	KX	xã Long Nguyên	H. Bàu Bàng			11° 14' 30"	106° 33' 49"	11° 15' 18"	106° 38' 10"	C-48-22-C-a; C-48-22-C-b
Đường ĐH.611	KX	xã Long Nguyên	H. Bàu Bàng			11° 13' 19"	106° 33' 39"	11° 13' 45"	106° 35' 47"	C-48-22-C-a
Đường ĐH.615	KX	xã Long Nguyên	H. Bàu Bàng			11° 11' 02"	106° 36' 09"	11° 15' 21"	106° 30' 47"	C-48-22-C-a
Đường ĐH.619	KX	xã Long Nguyên	H. Bàu Bàng			11° 11' 22"	106° 34' 12"	11° 13' 23"	106° 33' 27"	C-48-22-C-a
Đường ĐT.749A	KX	xã Long Nguyên	H. Bàu Bàng			11° 25' 42"	106° 30' 20"	11° 23' 22"	106° 32' 15"	C-48-22-A-c; C-48-22-C-a
Đường ĐT.749C	KX	xã Long Nguyên	H. Bàu Bàng			11° 16' 06"	106° 38' 01"	11° 14' 30"	106° 33' 49"	C-48-22-A-c; C-48-22-A-d
ấp Bà Phái	DC	xã Long Nguyên	H. Bàu Bàng	11° 12' 05"	106° 34' 11"					C-48-22-C-a
ấp Bến Sắn	DC	xã Long Nguyên	H. Bàu Bàng	11° 10' 49"	106° 33' 01"					C-48-22-C-a
ấp Bưng Thuốc	DC	xã Long Nguyên	H. Bàu Bàng	11° 11' 31"	106° 34' 05"					C-48-22-C-a
suối Cầu Trệt	TV	xã Long Nguyên	H. Bàu Bàng			11° 14' 35"	106° 33' 38"	11° 12' 36"	106° 31' 10"	C-48-22-C-a
suối Đòn Gánh	TV	xã Long Nguyên	H. Bàu Bàng			11° 16' 18"	106° 34' 08"	11° 13' 54"	106° 35' 47"	C-48-22-C-a
ấp Hố Muôn	DC	xã Long Nguyên	H. Bàu Bàng	11° 14' 37"	106° 34' 53"					C-48-22-C-a
ấp Long Bình	DC	xã Long Nguyên	H. Bàu Bàng	11° 14' 04"	106° 33' 37"					C-48-22-C-a
ấp Long Hưng	DC	xã Long Nguyên	H. Bàu Bàng	11° 10' 48"	106° 34' 24"					C-48-22-C-a
nông trường Long Nguyên	KX	xã Long Nguyên	H. Bàu Bàng	11° 14' 18"	106° 33' 12"					C-48-22-A-c; C-48-22-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
ấp Long Thành	DC	xã Long Nguyên	H. Bàu Bàng	11° 15' 02"	106° 33' 26"					C-48-22-C-c
ấp Mương Đào	DC	xã Long Nguyên	H. Bàu Bàng	11° 10' 17"	106° 34' 04"					C-48-22-C-a
suối Nhà Mát	TV	xã Long Nguyên	H. Bàu Bàng			11° 16' 03"	106° 32' 54"	11° 13' 43"	106° 32' 02"	C-48-22-C-a
ấp Nhà Mát	DC	xã Long Nguyên	H. Bàu Bàng	11° 14' 43"	106° 32' 21"					C-48-22-C-a
ấp Sa Thêm	DC	xã Long Nguyên	H. Bàu Bàng	11° 13' 34"	106° 32' 18"					C-48-22-C-a
ấp Suối Tre	DC	xã Long Nguyên	H. Bàu Bàng	11° 12' 56"	106° 32' 58"					C-48-22-C-a
sông Thị Tính	TV	xã Long Nguyên	H. Bàu Bàng			11° 18' 17"	106° 28' 08"	11° 02' 27"	106° 36' 06"	C-48-22-A-c; C-48-22-C-a
ấp Trảng Lớn	DC	xã Long Nguyên	H. Bàu Bàng	11° 14' 09"	106° 34' 57"					C-48-22-C-a
Ấp 1	DC	xã Tân Hưng	H. Bàu Bàng	11° 14' 47"	106° 39' 59"					C-48-22-C-b
Ấp 2	DC	xã Tân Hưng	H. Bàu Bàng	11° 14' 44"	106° 40' 13"					C-48-22-C-b
Ấp 3	DC	xã Tân Hưng	H. Bàu Bàng	11° 15' 31"	106° 39' 15"					C-48-22-A-d
Ấp 4	DC	xã Tân Hưng	H. Bàu Bàng	11° 16' 40"	106° 38' 23"					C-48-22-A-d
Ấp 5	DC	xã Tân Hưng	H. Bàu Bàng	11° 15' 48"	106° 38' 46"					C-48-22-A-d
Đường ĐT.741B	KX	xã Tân Hưng	H. Bàu Bàng			11° 16' 24"	106° 37' 58"	11° 12' 16"	106° 43' 12"	C-48-22-A-d; C-48-22-C-b
suối Bà Tảo	TV	xã Tân Hưng	H. Bàu Bàng			11° 16' 18"	106° 39' 08"	11° 16' 41"	106° 42' 30"	C-48-22-A-d
suối Đồng Sổ	TV	xã Tân Hưng	H. Bàu Bàng			11° 17' 09"	106° 38' 15"	11° 12' 16"	106° 36' 07"	C-48-22-C-b
suối Ông Tề	TV	xã Tân Hưng	H. Bàu Bàng			11° 14' 34"	106° 40' 42"	11° 09' 20"	106° 35' 09"	C-48-22-C-a; C-48-22-C-b
nông trường Cao su Tân Hưng	KX	xã Tân Hưng	H. Bàu Bàng	11° 15' 19"	106° 40' 04"					C-48-22-A-d
Ấp 1	DC	xã Trừ Văn Thố	H. Bàu Bàng	11° 21' 10"	106° 38' 14"					C-48-22-A-d
Ấp 2	DC	xã Trừ Văn Thố	H. Bàu Bàng	11° 20' 52"	106° 37' 23"					C-48-22-A-d
Ấp 3	DC	xã Trừ Văn Thố	H. Bàu Bàng	11° 20' 44"	106° 36' 34"					C-48-22-A-c
Ấp 4	DC	xã Trừ Văn Thố	H. Bàu Bàng	11° 21' 23"	106° 37' 15"					C-48-22-A-c
Đường ĐT.750	KX	xã Trừ Văn Thố	H. Bàu Bàng			11° 14' 10"	106° 44' 00"	11° 16' 49"	106° 21' 14"	C-48-22-A-c; C-48-22-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Đại lộ Bình Dương	KX	xã Trừ Văn Thố	H. Bàu Bàng			10° 52' 10"	106° 42' 49"	11° 21' 37"	106° 37' 44"	C-48-22-A-d
Suối Dầu	TV	xã Trừ Văn Thố	H. Bàu Bàng			11° 19' 58"	106° 38' 11"	11° 21' 25"	106° 39' 25"	C-48-22-A-c
suối Hố Đá	TV	xã Trừ Văn Thố	H. Bàu Bàng			11° 22' 57"	106° 35' 24"	11° 22' 38"	106° 34' 15"	C-48-22-A-c
suối Ông Chài	TV	xã Trừ Văn Thố	H. Bàu Bàng			11° 21' 25"	106° 35' 49"	11° 19' 01"	106° 32' 06"	C-48-22-A-c
Công ty Cao su Sài Gòn 2	KX	xã Trừ Văn Thố	H. Bàu Bàng	11° 20' 19"	106° 35' 27"					C-48-22-A-c
cầu Tham Rớt	KX	xã Trừ Văn Thố	H. Bàu Bàng	11° 21' 38"	106° 37' 44"					C-48-22-A-d
Suối Thôn	TV	xã Trừ Văn Thố	H. Bàu Bàng			11° 22' 10"	106° 36' 10"	11° 21' 20"	106° 40' 20"	C-48-22-A-c
Khu phố 1	DC	TT. Dầu Tiếng	H. Dầu Tiếng	11° 16' 02"	106° 21' 27"					C-48-21-B-c
Khu phố 2	DC	TT. Dầu Tiếng	H. Dầu Tiếng	11° 16' 38"	106° 21' 59"					C-48-21-B-c
Khu phố 3	DC	TT. Dầu Tiếng	H. Dầu Tiếng	11° 16' 38"	106° 21' 21"					C-48-21-B-c
khu phố 4A	DC	TT. Dầu Tiếng	H. Dầu Tiếng	11° 17' 05"	106° 21' 44"					C-48-21-B-c
khu phố 4B	DC	TT. Dầu Tiếng	H. Dầu Tiếng	11° 17' 39"	106° 22' 00"					C-48-21-B-c
Khu phố 5	DC	TT. Dầu Tiếng	H. Dầu Tiếng	11° 17' 20"	106° 22' 14"					C-48-21-B-c
Khu phố 6	DC	TT. Dầu Tiếng	H. Dầu Tiếng	11° 15' 04"	106° 21' 44"					C-48-21-B-c
Khu phố 7	DC	TT. Dầu Tiếng	H. Dầu Tiếng	11° 16' 38"	106° 22' 22"					C-48-21-B-c
đường 13-3	KX	TT. Dầu Tiếng	H. Dầu Tiếng			11° 16' 49"	106° 21' 12"	11° 17' 04"	106° 22' 40"	C-48-21-B-c
đường 20-8	KX	TT. Dầu Tiếng	H. Dầu Tiếng			11° 16' 29"	106° 21' 18"	11° 15' 21"	106° 22' 14 "	C-48-21-B-c
Đường ĐH. 701	KX	TT. Dầu Tiếng	H. Dầu Tiếng			11° 17' 04"	106° 22' 40"	11° 22' 15"	106° 25' 34"	C-48-21-B-d
Đường ĐH. 709	KX	TT. Dầu Tiếng	H. Dầu Tiếng			11° 14' 49"	106° 22' 37"	11° 15' 11"	106° 22' 22"	C-48-21-B-c
Đường ĐT. 744	KX	TT. Dầu Tiếng	H. Dầu Tiếng			11° 02' 58"	106° 36' 34"	11° 26' 22"	106° 24' 50"	C-48-21-B-b
văn phòng Công ty TNHH MTV Cao su Dầu tiếng	KX	TT. Dầu Tiếng	H. Dầu Tiếng	11° 16' 47"	106° 21' 39"					C-48-21-B-c
Suối Cát	TV	TT. Dầu Tiếng	H. Dầu Tiếng			11° 21' 12"	106° 23' 14"	11° 15' 46"	106° 21' 44"	C-48-21-B-c; C-48-21-B-d
đình Dầu Tiếng	KX	TT. Dầu Tiếng	H. Dầu Tiếng	11° 16' 29"	106° 21' 14"					C-48-21-B-c
Suối Dứa	TV	TT. Dầu Tiếng	H. Dầu Tiếng			11° 16' 59"	106° 24' 39"	11° 14' 44"	106° 22' 05"	C-48-21-B-c; C-48-21-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
chùa Hoa Nghiêm	KX	TT. Dầu Tiếng	H. Dầu Tiếng	11° 16' 58"	106° 21' 22"					C-48-21-B-c
Đường Hùng Vương	KX	TT. Dầu Tiếng	H. Dầu Tiếng			11° 18' 03"	106° 22' 03"	11° 16' 53"	106° 21' 42"	C-48-21-B-c
Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	KX	TT. Dầu Tiếng	H. Dầu Tiếng			11° 17' 04"	106° 22' 40"	11° 17' 15"	106° 23' 26"	C-48-21-B-d
Suối Sam	TV	TT. Dầu Tiếng	H. Dầu Tiếng			11° 19' 21"	106° 23' 20"	11° 17' 16"	106° 22' 49"	C-48-21-B-d
sông Sài Gòn	TV	TT. Dầu Tiếng	H. Dầu Tiếng			11° 19' 34"	106° 20' 48"	10° 52' 00"	106° 42' 41"	C-48-21-B-c; C-48-21-D-a
cầu Suối Dứa	KX	TT. Dầu Tiếng	H. Dầu Tiếng	11° 15' 21"	106° 22' 14"					C-48-21-B-c
Đường huyện Trần Văn Lắc	KX	TT. Dầu Tiếng	H. Dầu Tiếng			11° 18' 01"	106° 22' 03"	11° 18' 47"	106° 20' 50"	C-48-21-B-c
Đường ĐT.748	KX	xã An Lập	H. Dầu Tiếng			11° 03' 35"	106° 35' 35"	11° 18' 28"	106° 27' 10"	C-48-21-B-d; C-48-21-D-b
nông trường Cao su An Lập	KX	xã An Lập	H. Dầu Tiếng	11° 13' 47"	106° 28' 34"					C-48-21-D-b
ấp Bàu Khai	DC	xã An Lập	H. Dầu Tiếng	11° 14' 18"	106° 29' 06"					C-48-21-D-b
Đường ĐT. Bố Lá - Bến Súc	KX	xã An Lập	H. Dầu Tiếng			11° 09' 51"	106° 27' 05"	11° 12' 56"	106° 28' 45"	C-48-21-D-b
ấp Chót Đồng	DC	xã An Lập	H. Dầu Tiếng	11° 15' 18"	106° 29' 03"					C-48-21-B-d
ấp Đất Đỏ	DC	xã An Lập	H. Dầu Tiếng	11° 16' 13"	106° 27' 28"					C-48-21-B-d
ấp Hàng Nù	DC	xã An Lập	H. Dầu Tiếng	11° 16' 50"	106° 27' 57"					C-48-21-B-d
đập Hàng Nù	KX	xã An Lập	H. Dầu Tiếng	11° 18' 08"	106° 28' 03"					C-48-21-B-d
suối Hàng Nù	TV	xã An Lập	H. Dầu Tiếng			11° 17' 53"	106° 25' 01"	11° 16' 08"	106° 28' 52"	C-48-21-B-d
ấp Hố Cạn	DC	xã An Lập	H. Dầu Tiếng	11° 12' 36"	106° 30' 38"					C-48-22-C-a
ấp Kiến An	DC	xã An Lập	H. Dầu Tiếng	11° 11' 08"	106° 31' 12"					C-48-22-C-a
di tích Căn cứ Cách mạng rừng Kiến An	KX	xã An Lập	H. Dầu Tiếng	11° 14' 01"	106° 28' 57"					C-48-21-D-b
ấp Phú Bình	DC	xã An Lập	H. Dầu Tiếng	11° 14' 18"	106° 28' 54"					C-48-21-D-b
sông Thị Tính	TV	xã An Lập	H. Dầu Tiếng			11° 18' 17"	106° 28' 08"	11° 02' 27"	106° 36' 06"	C-48-21-B-d; C-48-21-D-b
Đường ĐH.701	KX	xã Định An	H. Dầu Tiếng			11° 17' 04"	106° 22' 40"	11° 22' 15"	106° 25' 34"	C-48-21-B-d
Đường ĐH.704	KX	xã Định An	H. Dầu Tiếng			11° 22' 15"	106° 25' 34"	11° 26' 50"	106° 28' 56"	C-48-21-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Đường ĐH.715	KX	xã Định An	H. Dầu Tiếng			11° 19' 19"	106° 27' 59"	11° 22' 23"	106° 26' 07"	C-48-21-B-d
Đường ĐT.744	KX	xã Định An	H. Dầu Tiếng			11° 02' 58"	106° 36' 34"	11° 26' 22"	106° 24' 50"	C-48-21-B-b
ấp An Lộc	DC	xã Định An	H. Dầu Tiếng	11° 20' 32"	106° 27' 15"					C-48-21-B-d
ấp An Phước	DC	xã Định An	H. Dầu Tiếng	11° 20' 32"	106° 25' 01"					C-48-21-B-d
ấp An Thọ	DC	xã Định An	H. Dầu Tiếng	11° 21' 54"	106° 26' 43"					C-48-21-B-d
ấp An Thới	DC	xã Định An	H. Dầu Tiếng	11° 22' 58"	106° 25' 57"					C-48-21-B-b
ấp Bàu Dầu	DC	xã Định An	H. Dầu Tiếng	11° 23' 48"	106° 25' 53"					C-48-21-B-b
Suối Cát	TV	xã Định An	H. Dầu Tiếng			11° 21' 12"	106° 23' 14"	11° 15' 46"	106° 21' 44"	C-48-21-B-d
suối Cầu Trắc	TV	xã Định An	H. Dầu Tiếng			11° 22' 36"	106° 24' 11"	11° 19' 44"	106° 26' 48"	C-48-21-B-d
ấp Chiến Thắng	DC	xã Định An	H. Dầu Tiếng	11° 20' 35"	106° 24' 50"					C-48-21-B-d
hồ Dầu Tiếng	TV	xã Định An	H. Dầu Tiếng	11° 25' 26"	106° 18' 55"					C-48-21-B-a; C-48-21-B-b
ấp Định Thới	DC	xã Định An	H. Dầu Tiếng	11° 22' 15"	106° 25' 56"					C-48-21-B-d
Suối Đôn	TV	xã Định An	H. Dầu Tiếng			11° 20' 31"	106° 23' 48"	11° 16' 59"	106° 24' 39"	C-48-21-B-d
ấp Đồng Sầm	DC	xã Định An	H. Dầu Tiếng	11° 20' 27"	106° 23' 18"					C-48-21-B-d
ấp Đồng Sến	DC	xã Định An	H. Dầu Tiếng	11° 24' 15"	106° 24' 20"					C-48-21-B-b
nông trường Trần Văn Lưu	KX	xã Định An	H. Dầu Tiếng	11° 20' 37"	106° 24' 58"					C-48-21-B-d
suối Ván Tám	TV	xã Định An	H. Dầu Tiếng			11° 22' 49"	106° 26' 17"	11° 19' 32"	106° 28' 20"	C-48-21-B-d
Đường ĐH.701	KX	xã Định Hiệp	H. Dầu Tiếng			11° 17' 04"	106° 22' 40"	11° 22' 15"	106° 25' 34"	C-48-21-B-d
Đường ĐH.704	KX	xã Định Hiệp	H. Dầu Tiếng			11° 22' 15"	106° 25' 34"	11° 26' 50"	106° 28' 56"	C-48-21-B-d
Đường ĐH.708	KX	xã Định Hiệp	H. Dầu Tiếng			11° 14' 49"	106° 22' 36"	11° 17' 30"	106° 23' 56"	C-48-21-B-d
Đường ĐH.715	KX	xã Định Hiệp	H. Dầu Tiếng			11° 19' 19"	106° 27' 59"	11° 22' 23"	106° 26' 07"	C-48-21-B-d
Đường ĐT.744	KX	xã Định Hiệp	H. Dầu Tiếng			11° 02' 58"	106° 36' 34"	11° 26' 22"	106° 24' 50"	C-48-21-B-c
Đường ĐT.748	KX	xã Định Hiệp	H. Dầu Tiếng			11° 03' 35"	106° 35' 35"	11° 18' 28"	106° 27' 10"	C-48-21-B-d
Đường ĐT.750	KX	xã Định Hiệp	H. Dầu Tiếng			11° 14' 10"	106° 44' 00"	11° 16' 49"	106° 21' 14"	C-48-21-B-d
Suối Cát	TV	xã Định Hiệp	H. Dầu Tiếng			11° 21' 12"	106° 23' 14"	11° 15' 46"	106° 21' 44"	C-48-21-B-d
suối Cầu Trắc	TV	xã Định Hiệp	H. Dầu Tiếng			11° 22' 36"	106° 24' 11"	11° 19' 44"	106° 26' 48"	C-48-21-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
ấp Dáng Hương	DC	xã Định Hiệp	H. Dầu Tiếng	11° 18' 06"	106° 27' 14"					C-48-21-B-d
Suối Dứa	TV	xã Định Hiệp	H. Dầu Tiếng			11° 16' 59"	106° 24' 39"	11° 14' 44"	106° 22' 05"	C-48-21-B-d
ấp Định Lộc	DC	xã Định Hiệp	H. Dầu Tiếng	11° 19' 24"	106° 23' 12"					C-48-21-B-d
ấp Định Phước	DC	xã Định Hiệp	H. Dầu Tiếng	11° 16' 49"	106° 24' 31"					C-48-21-B-d
ấp Định Thọ	DC	xã Định Hiệp	H. Dầu Tiếng	11° 18' 27"	106° 26' 00"					C-48-21-B-d
nông trường Cao su Đoàn Văn Tiến	KX	xã Định Hiệp	H. Dầu Tiếng	11° 18' 38"	106° 25' 43"					C-48-21-B-d
Suối Đôn	TV	xã Định Hiệp	H. Dầu Tiếng			11° 20' 31"	106° 23' 48"	11° 16' 59"	106° 24' 39"	C-48-21-B-d
ấp Đồng Trai	DC	xã Định Hiệp	H. Dầu Tiếng	11° 18' 24"	106° 25' 32"					C-48-21-B-d
đập Hàng Nù	KX	xã Định Hiệp	H. Dầu Tiếng	11° 18' 08"	106° 28' 03"					C-48-21-B-d
hồ Hàng Nù	TV	xã Định Hiệp	H. Dầu Tiếng	11° 18' 21"	106° 27' 56"					C-48-21-B-d
suối Hàng Nù	TV	xã Định Hiệp	H. Dầu Tiếng			11° 17' 53"	106° 25' 01"	11° 16' 08"	106° 28' 52"	C-48-21-B-d
ấp Hiệp Lộc	DC	xã Định Hiệp	H. Dầu Tiếng	11° 19' 48"	106° 25' 43"					C-48-21-B-d
ấp Hiệp Phước	DC	xã Định Hiệp	H. Dầu Tiếng	11° 18' 33"	106° 25' 32"					C-48-21-B-d
ấp Hiệp Thọ	DC	xã Định Hiệp	H. Dầu Tiếng	11° 18' 41"	106° 25' 53"					C-48-21-B-d
suối Làng 21	TV	xã Định Hiệp	H. Dầu Tiếng			11° 19' 44"	106° 26' 48"	11° 19' 10"	106° 28' 05"	C-48-21-B-d
Suối Sam	TV	xã Định Hiệp	H. Dầu Tiếng			11° 19' 21"	106° 23' 20"	11° 17' 16"	106° 22' 49"	C-48-21-B-d
di tích Vườn cao su thời Pháp thuộc	KX	xã Định Hiệp	H. Dầu Tiếng	11° 19' 33"	106° 25' 25"					C-48-21-B-d
Đường ĐH.702	KX	xã Định Thành	H. Dầu Tiếng			11° 18' 33"	106° 20' 18"	11° 20' 49"	106° 21' 20"	C-48-21-B-c
Đường ĐH.703	KX	xã Định Thành	H. Dầu Tiếng			11° 17' 16"	106° 21' 14"	11° 18' 31"	106° 20' 25"	C-48-21-B-c
Đường ĐH.710	KX	xã Định Thành	H. Dầu Tiếng			11° 19' 34"	106° 22' 24"	11° 19' 25"	106° 21' 03"	C-48-21-B-c
Đường ĐT.744	KX	xã Định Thành	H. Dầu Tiếng			11° 02' 58"	106° 36' 34"	11° 26' 22"	106° 24' 50"	C-48-21-B-c; C-48-21-B-d
suối Bàu Đồng	TV	xã Định Thành	H. Dầu Tiếng			11° 18' 42"	106° 22' 11"	11° 17' 16"	106° 21' 13"	C-48-21-B-c
Núi Cậu	SV	xã Định Thành	H. Dầu Tiếng	11° 20' 49"	106° 21' 36"					C-48-21-B-c
suối Cầu Trắc	TV	xã Định Thành	H. Dầu Tiếng			11° 22' 36"	106° 24' 11"	11° 19' 44"	106° 26' 48"	C-48-21-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
núi Cửa Ông	SV	xã Định Thành	H. Dầu Tiếng	11° 21' 54"	106° 22' 11"					C-48-21-B-c
đập thủy lợi Dầu Tiếng	KX	xã Định Thành	H. Dầu Tiếng	11° 19' 34"	106° 20' 48"					C-48-21-B-c
hồ Dầu Tiếng	TV	xã Định Thành	H. Dầu Tiếng	11° 25' 26"	106° 18' 55"					C-48-21-B-a; C-48-21-B-c
Núi Đất	SV	xã Định Thành	H. Dầu Tiếng	11° 18' 25"	106° 20' 45"					C-48-21-B-c
Cầu Mới	KX	xã Định Thành	H. Dầu Tiếng	11° 18' 33"	106° 20' 17"					C-48-21-B-c
di tích Núi Cậu - Lòng hồ Dầu Tiếng	KX	xã Định Thành	H. Dầu Tiếng	11° 21' 27"	106° 21' 42"					C-48-21-B-c
ấp Núi Đất	DC	xã Định Thành	H. Dầu Tiếng	11° 18' 16"	106° 20' 30"					C-48-21-B-c
Núi Ông	SV	xã Định Thành	H. Dầu Tiếng	11° 23' 18"	106° 23' 25"					C-48-21-B-b
ấp Rạch Đá	DC	xã Định Thành	H. Dầu Tiếng	11° 19' 10"	106° 22' 17"					C-48-21-B-c
sông Sài Gòn	TV	xã Định Thành	H. Dầu Tiếng			11° 19' 34"	106° 20' 48"	10° 52' 00"	106° 42' 41"	C-48-21-B-c
ấp Suối Sâu	DC	xã Định Thành	H. Dầu Tiếng	11° 21' 22"	106° 23' 14"					C-48-21-B-d
ấp Tha La	DC	xã Định Thành	H. Dầu Tiếng	11° 20' 32"	106° 21' 12"					C-48-21-B-c
chùa Thái Sơn - Núi Cậu	KX	xã Định Thành	H. Dầu Tiếng	11° 20' 47"	106° 21' 21"					C-48-21-B-c
Đường ĐH. Trần Văn Lắc	KX	xã Định Thành	H. Dầu Tiếng			11° 18' 01"	106° 22' 03"	11° 18' 47"	106° 20' 50"	C-48-21-B-c
ấp Yên Ngựa	DC	xã Định Thành	H. Dầu Tiếng	11° 21' 36"	106° 23' 18"					C-48-21-B-d
Đường ĐH.717	KX	xã Long Hòa	H. Dầu Tiếng			11° 17' 50"	106° 29' 52"	11° 18' 43"	106° 29' 40"	C-48-22-A-a
Đường ĐH.721	KX	xã Long Hòa	H. Dầu Tiếng			11° 18' 18"	106° 30' 20"	11° 19' 59"	106° 31' 04"	C-48-22-A-a
Đường ĐT.749A	KX	xã Long Hòa	H. Dầu Tiếng			11° 25' 42"	106° 30' 20"	11° 23' 22"	106° 32' 15"	C-48-22-A-a; C-48-22-A-c; C-48-21-B-d
Đường ĐT.750	KX	xã Long Hòa	H. Dầu Tiếng			11° 14' 10"	106° 44' 00"	11° 16' 49"	106° 21' 14"	C-48-21-B-d; C-48-22-A-c
ấp Đồng Bà Ba	DC	xã Long Hòa	H. Dầu Tiếng	11° 20' 01"	106° 31' 58"					C-48-22-A-c
đập Hàng Nù	KX	xã Long Hòa	H. Dầu Tiếng	11° 18' 08"	106° 28' 03"					C-48-21-B-d
hồ Hàng Nù	TV	xã Long Hòa	H. Dầu Tiếng	11° 18' 21"	106° 27' 56"					C-48-21-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
suối Hố Đá	TV	xã Long Hòa	H. Dầu Tiếng			11° 19' 01"	106° 32' 06"	11° 17' 01"	106° 28' 35"	C-48-22-A-c
di tích Khu căn cứ cách mạng Vườn Trầu	KX	xã Long Hòa	H. Dầu Tiếng	11° 19' 24"	106° 31' 35"					C-48-22-A-c
ấp Long Điền	DC	xã Long Hòa	H. Dầu Tiếng	11° 18' 52"	106° 29' 29"					C-48-21-B-d
nhà máy Chế biến mủ cao su Long Hòa	KX	xã Long Hòa	H. Dầu Tiếng	11° 19' 09"	106° 28' 24"					C-48-21-B-d
nông trường Cao su Long Hòa	KX	xã Long Hòa	H. Dầu Tiếng	11° 20' 58"	106° 31' 32"					C-48-22-A-c
ấp Long Nguyên	DC	xã Long Hòa	H. Dầu Tiếng	11° 17' 58"	106° 29' 11"					C-48-21-B-d
ấp Long Thọ	DC	xã Long Hòa	H. Dầu Tiếng	11° 18' 43"	106° 29' 37"					C-48-21-B-d
suối Lồ Ồ	TV	xã Long Hòa	H. Dầu Tiếng			11° 26' 44"	106° 31' 02"	11° 22' 33"	106° 30' 58"	C-48-22-A-a
nông trường Cao su Minh Tân	KX	xã Long Hòa	H. Dầu Tiếng	11° 23' 16"	106° 29' 02"					C-48-21-B-d; C-48-22-A-c
suối Ông Hai	TV	xã Long Hòa	H. Dầu Tiếng			11° 21' 25"	106° 35' 49"	11° 19' 01"	106° 32' 06"	C-48-22-A-c
ấp Tân Hòa	DC	xã Long Hòa	H. Dầu Tiếng	11° 20' 44"	106° 29' 05"					C-48-21-B-d
ấp Thị Tính	DC	xã Long Hòa	H. Dầu Tiếng	11° 19' 19"	106° 28' 47"					C-48-21-B-d
sông Thị Tính	TV	xã Long Hòa	H. Dầu Tiếng			11° 18' 17"	106° 28' 08"	11° 02' 27"	106° 36' 06"	C-48-21-B-d; C-48-21-D-b
ấp Tiên Phong	DC	xã Long Hòa	H. Dầu Tiếng	11° 19' 00"	106° 29' 06"					C-48-21-B-d
suối Ván Tám	TV	xã Long Hòa	H. Dầu Tiếng			11° 22' 49"	106° 26' 17"	11° 19' 32"	106° 28' 20"	C-48-21-B-b; C-48-21-B-d
Đường ĐT. 749A	KX	xã Long Tân	H. Dầu Tiếng			11° 25' 42"	106° 30' 20"	11° 23' 22"	106° 32' 15"	C-48-22-A-c
suối Bà Tứ	TV	xã Long Tân	H. Dầu Tiếng			11° 17' 40"	106° 35' 52"	11° 19' 01"	106° 32' 06"	C-48-22-A-c
ấp Bờ Cảng	DC	xã Long Tân	H. Dầu Tiếng	11° 16' 00"	106° 30' 30"					C-48-22-A-c
Đường ĐT. Bố Lá - Bến Súc	KX	xã Long Tân	H. Dầu Tiếng			11° 09' 51"	106° 27' 05"	11° 12' 56"	106° 28' 45"	C-48-22-A-c
ấp Cống Quẹo	DC	xã Long Tân	H. Dầu Tiếng	11° 17' 21"	106° 32' 22"					C-48-22-A-c
di tích Địa điểm lần đầu tiên Mỹ rải bom B52 tại Việt Nam	KX	xã Long Tân	H. Dầu Tiếng	11° 15' 33"	106° 31' 12"					C-48-22-A-c
ấp Đòn Gánh	DC	xã Long Tân	H. Dầu Tiếng	11° 15' 37"	106° 33' 19"					C-48-22-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
suối Đòn Gánh	TV	xã Long Tân	H. Dầu Tiếng			11° 16' 18"	106° 34' 08"	11° 13' 54"	106° 35' 47"	C-48-22-A-c
suối Hàng Nù	TV	xã Long Tân	H. Dầu Tiếng			11° 17' 53"	106° 25' 01"	11° 16' 08"	106° 28' 52"	C-48-21-B-d
ấp Hố Đá	DC	xã Long Tân	H. Dầu Tiếng	11° 17' 54"	106° 30' 55"					C-48-22-A-c
suối Hố Đá	TV	xã Long Tân	H. Dầu Tiếng			11° 19' 01"	106° 32' 06"	11° 17' 01"	106° 28' 35"	C-48-22-A-c
ấp Hố Muồng	DC	xã Long Tân	H. Dầu Tiếng	11° 16' 59"	106° 31' 39"					C-48-22-A-c
suối Hố Muồng	TV	xã Long Tân	H. Dầu Tiếng			11° 17' 05"	106° 32' 16"	11° 15' 23"	106° 29' 26"	C-48-21-B-d; C-48-22-A-c
ấp Hốc Măng	DC	xã Long Tân	H. Dầu Tiếng	11° 15' 12"	106° 30' 32"					C-48-22-A-c
ấp Long Chiểu	DC	xã Long Tân	H. Dầu Tiếng	11° 16' 17"	106° 33' 01"					C-48-22-A-c
nông trường Cao su Long Tân	KX	xã Long Tân	H. Dầu Tiếng	11° 16' 30"	106° 32' 46"					C-48-22-A-c
suối Nhà Mát	TV	xã Long Tân	H. Dầu Tiếng			11° 16' 03"	106° 32' 54"	11° 13' 43"	106° 32' 02"	C-48-22-A-c
sông Thị Tính	TV	xã Long Tân	H. Dầu Tiếng			11° 18' 17"	106° 28' 08"	11° 02' 27"	106° 36' 06"	C-48-21-B-d; C-48-21-D-b
di tích Vòng thành đất Họ Võ	KX	xã Long Tân	H. Dầu Tiếng	11° 16' 59"	106° 29' 09"					C-48-21-B-d
ấp Vũng Tây	DC	xã Long Tân	H. Dầu Tiếng	11° 15' 48"	106° 31' 59"					C-48-22-A-c
Đường ĐH.704	KX	xã Minh Hòa	H. Dầu Tiếng			11° 22' 15"	106° 25' 34"	11° 26' 50"	106° 28' 56"	C-48-21-B-b
Đường ĐT.744	KX	xã Minh Hòa	H. Dầu Tiếng			11° 02' 58"	106° 36' 34"	11° 26' 22"	106° 24' 50"	C-48-21-B-b
Đường ĐT.749B	KX	xã Minh Hòa	H. Dầu Tiếng			11° 26' 50"	106° 28' 56"	11° 25' 57"	106° 22' 36"	C-48-21-B-b
suối Ba Thà	TV	xã Minh Hòa	H. Dầu Tiếng			11° 27' 28"	106° 27' 26"	11° 27' 45"	106° 26' 34"	C-48-21-B-b
suối Bùng Giang	TV	xã Minh Hòa	H. Dầu Tiếng			11° 27' 55"	106° 29' 50"	11° 29' 00"	106° 30' 52"	C-48-22-A-a; C-48-21-B-b
Suối Cá	TV	xã Minh Hòa	H. Dầu Tiếng			11° 29' 02"	106° 29' 13"	11° 29' 41"	106° 28' 44"	C-48-21-B-b
suối Cây Liễu	TV	xã Minh Hòa	H. Dầu Tiếng			11° 27' 09"	106° 28' 51"	11° 25' 38"	106° 30' 15"	C-48-22-A-a
suối Cống Còm	TV	xã Minh Hòa	H. Dầu Tiếng			11° 26' 49"	106° 26' 59"	11° 25' 25"	106° 26' 47"	C-48-21-B-b
hồ Dầu Tiếng	TV	xã Minh Hòa	H. Dầu Tiếng	11° 25' 26"	106° 18' 55"					C-48-21-B-b
suối Đông Cang	TV	xã Minh Hòa	H. Dầu Tiếng			11° 27' 45"	106° 26' 34"	11° 27' 57"	106° 27' 14"	C-48-21-B-b
suối Đông Cùng	TV	xã Minh Hòa	H. Dầu Tiếng			11° 28' 23"	106° 27' 25"	11° 28' 45"	106° 27' 04"	C-48-21-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
cầu Giáp Minh	KX	xã Minh Hòa	H. Dầu Tiếng	11° 26' 59"	106° 28' 45"					C-48-21-B-b
ấp Hòa Cường	DC	xã Minh Hòa	H. Dầu Tiếng	11° 26' 55"	106° 27' 32"					C-48-21-B-b
ấp Hòa Hiệp	DC	xã Minh Hòa	H. Dầu Tiếng	11° 28' 04"	106° 29' 33"					C-48-21-B-b
ấp Hòa Lộc	DC	xã Minh Hòa	H. Dầu Tiếng	11° 26' 03"	106° 23' 03"					C-48-21-B-b
ấp Hòa Phú	DC	xã Minh Hòa	H. Dầu Tiếng	11° 28' 03"	106° 27' 05"					C-48-21-B-b
ấp Hòa Thành	DC	xã Minh Hòa	H. Dầu Tiếng	11° 26' 32"	106° 25' 37"					C-48-21-B-b
suối Láng Lôi	TV	xã Minh Hòa	H. Dầu Tiếng			11° 26' 38"	106° 27' 40"	11° 25' 22"	106° 26' 12"	C-48-21-B-b
núi đất Minh Hòa	SV	xã Minh Hòa	H. Dầu Tiếng	11° 27' 46"	106° 27' 16"					C-48-21-B-b
nông trường Minh Thạnh	KX	xã Minh Hòa	H. Dầu Tiếng	11° 28' 54"	106° 29' 38"					C-48-21-B-b
thánh đường Hồi giáo Muttaqin	KX	xã Minh Hòa	H. Dầu Tiếng	11° 26' 29"	106° 22' 51"					C-48-21-B-b
suối Nhà máy	TV	xã Minh Hòa	H. Dầu Tiếng			11° 27' 49"	106° 28' 46"	11° 29' 06"	106° 28' 14"	C-48-21-B-b
Trường Trung học phổ thông Phan Bội Châu	KX	xã Minh Hòa	H. Dầu Tiếng	11° 26' 21"	106° 28' 40"					C-48-21-B-b
suối Tà Mông	TV	xã Minh Hòa	H. Dầu Tiếng			11° 29' 00"	106° 30' 52"	11° 29' 56"	106° 29' 27"	C-48-9-D-d; C-48-21-B-b; C-48-22-A-a
Suối Tre	TV	xã Minh Hòa	H. Dầu Tiếng			11° 26' 57"	106° 26' 33"	11° 25' 39"	106° 25' 52"	C-48-21-B-b
Đường ĐH.704	KX	xã Minh Tân	H. Dầu Tiếng			11° 22' 15"	106° 25' 34"	11° 26' 50"	106° 28' 56"	C-48-21-B-b
suối Cua Đinh	TV	xã Minh Tân	H. Dầu Tiếng			11° 25' 55"	106° 28' 22"	11° 20' 58"	106° 27' 37"	C-48-21-B-b; C-48-21-B-d
di tích Địa điểm sở chỉ huy tiền phương Chiến dịch Hồ Chí Minh	KX	xã Minh Tân	H. Dầu Tiếng	11° 23' 46"	106° 30' 11"					C-48-22-A-a
suối Láng Lôi	TV	xã Minh Tân	H. Dầu Tiếng			11° 26' 38"	106° 27' 40"	11° 25' 22"	106° 26' 12"	C-48-21-B-b
suối Lồ Ồ	TV	xã Minh Tân	H. Dầu Tiếng			11° 26' 44"	106° 31' 02"	11° 22' 33"	106° 30' 58"	C-48-22-A-a
nông trường Cao su Minh Tân	KX	xã Minh Tân	H. Dầu Tiếng	11° 23' 16"	106° 29' 02"					C-48-21-B-b
ấp Tân Bình	DC	xã Minh Tân	H. Dầu Tiếng	11° 25' 31"	106° 28' 02"					C-48-21-B-b
ấp Tân Định	DC	xã Minh Tân	H. Dầu Tiếng	11° 23' 42"	106° 28' 38"					C-48-21-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
ấp Tân Đức	DC	xã Minh Tân	H. Dầu Tiếng	11° 24' 28"	106° 26' 48"					C-48-21-B-b
ấp Tân Phú	DC	xã Minh Tân	H. Dầu Tiếng	11° 24' 37"	106° 27' 05"					C-48-21-B-b
ấp Tân Thanh	DC	xã Minh Tân	H. Dầu Tiếng	11° 24' 58"	106° 27' 25"					C-48-21-B-b
ấp Tân Tiến	DC	xã Minh Tân	H. Dầu Tiếng	11° 23' 50"	106° 26' 24"					C-48-21-B-b
suối Thơ Dương	TV	xã Minh Tân	H. Dầu Tiếng			11° 23' 50"	106° 26' 55"	11° 21' 22"	106° 27' 48"	C-48-21-B-d
suối Trại Bí	TV	xã Minh Tân	H. Dầu Tiếng			11° 25' 35"	106° 28' 57"	11° 23' 49"	106° 30' 15"	C-48-21-B-b; C-48-22-A-a
suối Ván Tám	TV	xã Minh Tân	H. Dầu Tiếng			11° 22' 49"	106° 26' 17"	11° 19' 32"	106° 28' 20"	C-48-21-B-d
Đường ĐH.707	KX	xã Minh Thạnh	H. Dầu Tiếng			11° 25' 53"	106° 30' 10"	11° 28' 23"	106° 33' 31"	C-48-22-A-a
Đường ĐH.722	KX	xã Minh Thạnh	H. Dầu Tiếng			11° 22' 44"	106° 30' 52"	11° 25' 51"	106° 32' 17"	C-48-22-A-a
Đường ĐT.749A	KX	xã Minh Thạnh	H. Dầu Tiếng			11° 25' 42"	106° 30' 20"	11° 23' 22"	106° 32' 15"	C-48-22-A-a
Đường ĐT.749B	KX	xã Minh Thạnh	H. Dầu Tiếng			11° 26' 50"	106° 28' 56"	11° 25' 57"	106° 22' 36"	C-48-21-B-b; C-48-22-A-a
suối Bà Và	TV	xã Minh Thạnh	H. Dầu Tiếng			11° 27' 27"	106° 34' 17"	11° 22' 32"	106° 30' 58"	C-48-22-A-a
Suối Bích	TV	xã Minh Thạnh	H. Dầu Tiếng			11° 25' 24"	106° 30' 46"	11° 25' 06"	106° 30' 04"	C-48-22-A-a
ấp Căm Xe	DC	xã Minh Thạnh	H. Dầu Tiếng	11° 24' 49"	106° 30' 24"					C-48-22-A-a
suối Cây Da	TV	xã Minh Thạnh	H. Dầu Tiếng			11° 29' 08"	106° 33' 18"	11° 28' 08"	106° 32' 19"	C-48-22-A-a
ấp Cây Liễu	DC	xã Minh Thạnh	H. Dầu Tiếng	11° 26' 12"	106° 30' 44"					C-48-22-A-a
suối Cây Liễu	TV	xã Minh Thạnh	H. Dầu Tiếng			11° 27' 09"	106° 28' 51"	11° 25' 38"	106° 30' 15"	C-48-22-A-a
ấp Cần Đôn	DC	xã Minh Thạnh	H. Dầu Tiếng	11° 25' 42"	106° 31' 07"					C-48-22-A-a
ấp Đồng Bé	DC	xã Minh Thạnh	H. Dầu Tiếng	11° 24' 05"	106° 32' 34"					C-48-22-A-a
ấp Đồng Sơn	DC	xã Minh Thạnh	H. Dầu Tiếng	11° 25' 17"	106° 32' 21"					C-48-22-A-a
Suối Giữa	TV	xã Minh Thạnh	H. Dầu Tiếng			11° 25' 14"	106° 31' 44"	11° 22' 59"	106° 31' 26"	C-48-22-A-a
Suối Lấp	TV	xã Minh Thạnh	H. Dầu Tiếng			11° 28' 08"	106° 32' 19"	11° 29' 00"	106° 30' 52"	C-48-22-A-a
ấp Lò Gạch	DC	xã Minh Thạnh	H. Dầu Tiếng	11° 26' 02"	106° 32' 02"					C-48-22-A-a
suối Lồ Ô	TV	xã Minh Thạnh	H. Dầu Tiếng			11° 26' 44"	106° 31' 02"	11° 22' 33"	106° 30' 58"	C-48-22-A-a
chùa Minh Thạnh	KX	xã Minh Thạnh	H. Dầu Tiếng	11° 25' 45"	106° 31' 16"					C-48-22-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
giáo xứ Minh Thạnh	KX	xã Minh Thạnh	H. Dầu Tiếng	11° 25' 53"	106° 31' 45"					C-48-22-A-a
Trường Trung học cơ sở Minh Thạnh	KX	xã Minh Thạnh	H. Dầu Tiếng	11° 25' 37"	106° 31' 25"					C-48-22-A-a
ấp Tân Minh	DC	xã Minh Thạnh	H. Dầu Tiếng	11° 26' 11"	106° 29' 45"					C-48-21-B-b
chùa Thiên Hưng	KX	xã Minh Thạnh	H. Dầu Tiếng	11° 25' 34"	106° 30' 39"					C-48-22-A-a
Đường ĐH.708	KX	xã Thanh An	H. Dầu Tiếng			11° 14' 49"	106° 22' 36"	11° 17' 30"	106° 23' 56"	C-48-21-D-b
Đường ĐH.711	KX	xã Thanh An	H. Dầu Tiếng			11° 09' 42"	106° 26' 35"	11° 12' 52"	106° 23' 42"	C-48-21-D-b
Đường ĐH.718	KX	xã Thanh An	H. Dầu Tiếng			11° 11' 34"	106° 24' 32"	11° 12' 17"	106° 25' 28"	C-48-21-D-b
Đường ĐH.719	KX	xã Thanh An	H. Dầu Tiếng			11° 11' 42"	106° 24' 22"	11° 12' 13"	106° 24' 40"	C-48-21-D-b
Đường ĐH.720	KX	xã Thanh An	H. Dầu Tiếng			11° 12' 03"	106° 23' 54"	11° 12' 13"	106° 24' 40"	C-48-21-D-b
Đường ĐT.744	KX	xã Thanh An	H. Dầu Tiếng			11° 02' 58"	106° 36' 34"	11° 26' 22"	106° 24' 50"	C-48-21-B-d; C-48-21-D-b
ấp Bàu Cây Cám	DC	xã Thanh An	H. Dầu Tiếng	11° 15' 32"	106° 24' 46"					C-48-21-B-d
ấp Bến Chùa	DC	xã Thanh An	H. Dầu Tiếng	11° 10' 53"	106° 25' 17"					C-48-21-D-b
ấp Bến Tranh	DC	xã Thanh An	H. Dầu Tiếng	11° 13' 47"	106° 23' 21"					C-48-21-D-b
ấp Cà Tong	DC	xã Thanh An	H. Dầu Tiếng	11° 14' 05"	106° 26' 00"					C-48-21-D-b
ấp Cần Giăng	DC	xã Thanh An	H. Dầu Tiếng	11° 11' 55"	106° 23' 41"					C-48-21-D-b
cầu Cần Nôm	KX	xã Thanh An	H. Dầu Tiếng	11° 13' 29"	106° 23' 26"					C-48-21-D-b
đập Cần Nôm	KX	xã Thanh An	H. Dầu Tiếng	11° 13' 58"	106° 24' 21"					C-48-21-D-b
hồ Cần Nôm	TV	xã Thanh An	H. Dầu Tiếng	11° 14' 08"	106° 24' 34"					C-48-21-D-b
ấp Cỏ Trách	DC	xã Thanh An	H. Dầu Tiếng	11° 12' 42"	106° 24' 38"					C-48-21-D-b
Khu an dưỡng Hồ Cần Nôm	KX	xã Thanh An	H. Dầu Tiếng	11° 14' 27"	106° 24' 51"					C-48-21-D-b
sông Sài Gòn	TV	xã Thanh An	H. Dầu Tiếng			11° 19' 34"	106° 20' 48"	10° 52' 00"	106° 42' 41"	C-48-21-D-a; C-48-21-D-b
nông trường Cao su Thanh An	KX	xã Thanh An	H. Dầu Tiếng	11° 13' 47"	106° 24' 38"					C-48-21-D-b
ấp Thanh Tân	DC	xã Thanh An	H. Dầu Tiếng	11° 13' 59"	106° 25' 13"					C-48-21-D-b
ấp Xóm Mới	DC	xã Thanh An	H. Dầu Tiếng	11° 11' 25"	106° 24' 37"					C-48-21-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Đường ĐT. 744	KX	xã Thanh Tuyền	H. Dầu Tiếng			11° 02' 58"	106° 36' 34"	11° 26' 22"	106° 24' 50"	C-48-21-D-b; C-48-22-C-a
cầu Bến Súc	KX	xã Thanh Tuyền	H. Dầu Tiếng	11° 09' 21"	106° 26' 59"					C-48-21-D-b
nhà máy Cao su Bến Súc	KX	xã Thanh Tuyền	H. Dầu Tiếng	11° 10' 14"	106° 26' 18"					C-48-21-D-b
nông trường Cao su Bến Súc	KX	xã Thanh Tuyền	H. Dầu Tiếng	11° 10' 10"	106° 26' 09"					C-48-21-D-b
Đường tỉnh Bố Lá - Bến Súc	KX	xã Thanh Tuyền	H. Dầu Tiếng			11° 09' 51"	106° 27' 05"	11° 12' 56"	106° 28' 45"	C-48-21-D-b
ấp Bưng Còng	DC	xã Thanh Tuyền	H. Dầu Tiếng	11° 08' 55"	106° 30' 11"					C-48-21-C-a
rạch Cây Siêu	TV	xã Thanh Tuyền	H. Dầu Tiếng			11° 08' 47"	106° 26' 38"	11° 08' 40"	106° 27' 19"	C-48-21-D-b
Ấp Chợ	DC	xã Thanh Tuyền	H. Dầu Tiếng	11° 09' 59"	106° 26' 37"					C-48-21-D-b
ấp Đường Long	DC	xã Thanh Tuyền	H. Dầu Tiếng	11° 12' 41"	106° 27' 45"					C-48-21-D-b
ấp Gò Mối	DC	xã Thanh Tuyền	H. Dầu Tiếng	11° 10' 14"	106° 26' 03"					C-48-21-D-b
ấp Lâm Vồ	DC	xã Thanh Tuyền	H. Dầu Tiếng	11° 09' 42"	106° 26' 22"					C-48-21-D-b
ấp Lê Danh Cát	DC	xã Thanh Tuyền	H. Dầu Tiếng	11° 11' 12"	106° 27' 49"					C-48-21-D-b
Rạch Lớn	TV	xã Thanh Tuyền	H. Dầu Tiếng			11° 08' 53"	106° 26' 30"	11° 09' 04"	106° 25' 50"	C-48-21-D-b
nông trường Cao su Phan Văn Tiến	KX	xã Thanh Tuyền	H. Dầu Tiếng	11° 08' 39"	106° 30' 49"					C-48-21-D-b
ấp Rạch Kiến	DC	xã Thanh Tuyền	H. Dầu Tiếng	11° 09' 14"	106° 28' 39"					C-48-21-D-b
sông Sài Gòn	TV	xã Thanh Tuyền	H. Dầu Tiếng			11° 19' 34"	106° 20' 48"	10° 52' 00"	106° 42' 41"	C-48-21-D-a; C-48-21-D-b
ấp Suối Cát	DC	xã Thanh Tuyền	H. Dầu Tiếng	11° 09' 55"	106° 28' 18"					C-48-21-D-b
ấp Xóm Bến	DC	xã Thanh Tuyền	H. Dầu Tiếng	11° 09' 43"	106° 26' 56"					C-48-21-D-b
ấp Xóm Bưng	DC	xã Thanh Tuyền	H. Dầu Tiếng	11° 10' 08"	106° 27' 28"					C-48-21-D-b
ấp Xóm Lẫm	DC	xã Thanh Tuyền	H. Dầu Tiếng	11° 09' 28"	106° 26' 48"					C-48-21-D-b
cầu Xuy Nô	KX	xã Thanh Tuyền	H. Dầu Tiếng	11° 10' 12"	106° 27' 56"					C-48-21-D-b
suối Xuy Nô	TV	xã Thanh Tuyền	H. Dầu Tiếng			11° 14' 10"	106° 26' 36"	11° 09' 39"	106° 27' 38"	C-48-21-D-b
Khu phố 1	DC	TT. Phước Vĩnh	H. Phú Giáo	11° 17' 45"	106° 47' 11"					C-48-22-B-c
Khu phố 2	DC	TT. Phước Vĩnh	H. Phú Giáo	11° 17' 34"	106° 47' 40"					C-48-22-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Khu phố 3	DC	TT. Phước Vĩnh	H. Phú Giáo	11° 17' 15"	106° 47' 48"					C-48-22-B-c
Khu phố 4	DC	TT. Phước Vĩnh	H. Phú Giáo	11° 19' 04"	106° 47' 20"					C-48-22-B-c
Khu phố 5	DC	TT. Phước Vĩnh	H. Phú Giáo	11° 18' 34"	106° 48' 30"					C-48-22-B-c
Khu phố 6	DC	TT. Phước Vĩnh	H. Phú Giáo	11° 18' 57"	106° 48' 39"					C-48-22-B-c
Khu phố 7	DC	TT. Phước Vĩnh	H. Phú Giáo	11° 17' 54"	106° 47' 22"					C-48-22-B-c
Khu phố 8	DC	TT. Phước Vĩnh	H. Phú Giáo	11° 17' 27"	106° 48' 45"					C-48-22-B-c
Khu phố 9	DC	TT. Phước Vĩnh	H. Phú Giáo	11° 17' 57"	106° 48' 08"					C-48-22-B-c
Đường ĐH.501	KX	TT. Phước Vĩnh	H. Phú Giáo			11° 17' 28"	106° 48' 44"	11° 16' 32"	106° 53' 31"	C-48-22-B-c; C-48-22-B-d
Đường ĐT.741	KX	TT. Phước Vĩnh	H. Phú Giáo			11° 02' 06"	106° 38' 18"	11° 23' 06"	106° 49' 23"	C-48-22-B-c
giáo xứ Bàu Ao	KX	TT. Phước Vĩnh	H. Phú Giáo	11° 19' 04"	106° 47' 16"					C-48-22-B-c
Suối Giai	TV	TT. Phước Vĩnh	H. Phú Giáo			11° 23' 01"	106° 47' 55"	11° 15' 23"	106° 50' 07"	C-48-22-B-c
cầu Nước Vàng	KX	TT. Phước Vĩnh	H. Phú Giáo	11° 18' 56"	106° 49' 04"					C-48-22-B-c
suối Nước Vàng	TV	TT. Phước Vĩnh	H. Phú Giáo			11° 19' 59"	106° 48' 20"	11° 15' 23"	106° 50' 07"	C-48-22-B-c
bệnh viện Đa khoa Phú Giáo	KX	TT. Phước Vĩnh	H. Phú Giáo	11° 17' 25"	106° 47' 43"					C-48-22-B-c
giáo xứ Phước Vĩnh	KX	TT. Phước Vĩnh	H. Phú Giáo	11° 17' 41"	106° 47' 18"					C-48-22-B-c
Trường Trung học phổ thông Phước Vĩnh	KX	TT. Phước Vĩnh	H. Phú Giáo	11° 17' 19"	106° 47' 30"					C-48-22-B-c
xí nghiệp Khai thác và Chế biến đá Phước Vĩnh	KX	TT. Phước Vĩnh	H. Phú Giáo	11° 16' 42"	106° 49' 31"					C-48-22-B-c
chùa Thiên Ân	KX	TT. Phước Vĩnh	H. Phú Giáo	11° 17' 25"	106° 47' 38"					C-48-22-B-c
dinh Tỉnh trưởng tỉnh Phước Thành	KX	TT. Phước Vĩnh	H. Phú Giáo	11° 17' 50"	106° 47' 36"					C-48-22-B-c
cầu Vàm Vá	KX	TT. Phước Vĩnh	H. Phú Giáo	11° 17' 15"	106° 47' 22"					C-48-22-B-c
Đường ĐH.502	KX	xã An Bình	H. Phú Giáo			11° 19' 18"	106° 49' 16"	11° 16' 32"	106° 46' 57"	C-48-22-B-c
Đường ĐH.503	KX	xã An Bình	H. Phú Giáo			11° 20' 29"	106° 49' 20"	11° 19' 52"	106° 51' 15"	C-48-22-B-c
Đường ĐH.504	KX	xã An Bình	H. Phú Giáo			11° 22' 46"	106° 43' 33"	11° 21' 43"	106° 49' 50"	C-48-22-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Đường ĐT.741	KX	xã An Bình	H. Phú Giáo			11° 02' 06"	106° 38' 18"	11° 23' 06"	106° 49' 23"	C-48-22-B-a; C-48-22-B-c
nông trường Cao su An Bình	KX	xã An Bình	H. Phú Giáo	11° 20' 21"	106° 49' 24"					C-48-22-B-c
ấp Bàu Trư	DC	xã An Bình	H. Phú Giáo	11° 22' 52"	106° 49' 30"					C-48-22-B-a
suối Bàu Trư	TV	xã An Bình	H. Phú Giáo			11° 23' 06"	106° 49' 24"	11° 22' 50"	106° 47' 51"	C-48-22-B-a
Công ty CP Khai thác khoáng sản Becamex	KX	xã An Bình	H. Phú Giáo	11° 18' 35"	106° 51' 51"					C-48-22-B-c
ấp Bình An	DC	xã An Bình	H. Phú Giáo	11° 21' 23"	106° 49' 18"					C-48-22-B-c
ấp Bình Hòa	DC	xã An Bình	H. Phú Giáo	11° 21' 42"	106° 49' 47"					C-48-22-B-c
ấp Bình Thắng	DC	xã An Bình	H. Phú Giáo	11° 20' 09"	106° 48' 59"					C-48-22-B-c
ấp Bình Tiến	DC	xã An Bình	H. Phú Giáo	11° 20' 43"	106° 49' 09"					C-48-22-B-c
ấp Cà Na	DC	xã An Bình	H. Phú Giáo	11° 21' 40"	106° 48' 48"					C-48-22-B-c
ấp Cây Cam	DC	xã An Bình	H. Phú Giáo	11° 22' 15"	106° 49' 51"					C-48-22-B-c
nhà thờ Cây Cam	KX	xã An Bình	H. Phú Giáo	11° 22' 19"	106° 49' 44"					C-48-22-B-c
suối Cựa Gà	TV	xã An Bình	H. Phú Giáo			11° 17' 48"	106° 50' 32"	11° 17' 28"	106° 49' 39"	C-48-22-B-c
ấp Đồng Sen	DC	xã An Bình	H. Phú Giáo	11° 20' 28"	106° 49' 54"					C-48-22-B-c
nông trường Cao su Đồng Sen	KX	xã An Bình	H. Phú Giáo	11° 20' 31"	106° 50' 20"					C-48-22-B-c
ấp Đồng Tâm	DC	xã An Bình	H. Phú Giáo	11° 21' 34"	106° 50' 49"					C-48-22-B-c
Suối Giai	TV	xã An Bình	H. Phú Giáo			11° 23' 01"	106° 47' 55"	11° 15' 23"	106° 50' 07"	C-48-22-B-a; C-48-22-B-c
Công ty TNHH Hải Việt	KX	xã An Bình	H. Phú Giáo	11° 19' 04"	106° 49' 50"					C-48-22-B-c
Suối Mía	TV	xã An Bình	H. Phú Giáo			11° 21' 18"	106° 50' 09"	11° 18' 57"	106° 51' 19"	C-48-22-B-c
ấp Nước Vàng	DC	xã An Bình	H. Phú Giáo	11° 19' 16"	106° 49' 24"					C-48-22-B-c
giáo xứ Nước Vàng	KX	xã An Bình	H. Phú Giáo	11° 19' 20"	106° 49' 14"					C-48-22-B-c
suối Nước Vàng	TV	xã An Bình	H. Phú Giáo			11° 19' 59"	106° 48' 20"	11° 15' 23"	106° 50' 07"	C-48-22-B-c
nhà máy Chế biến hạt điều xuất khẩu Phú An	KX	xã An Bình	H. Phú Giáo	11° 22' 09"	106° 50' 01"					C-48-22-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
chùa Phước Huệ	KX	xã An Bình	H. Phú Giáo	11° 21' 20"	106° 49' 34"					C-48-22-B-c
Suối Rạc	TV	xã An Bình	H. Phú Giáo			11° 22' 25"	106° 51' 20"	11° 14' 54"	106° 52' 30"	C-48-22-B-c
ấp Rạch Chàm	DC	xã An Bình	H. Phú Giáo	11° 21' 09"	106° 47' 57"					C-48-22-B-c
suối Rạch Chàm	TV	xã An Bình	H. Phú Giáo			11° 22' 16"	106° 48' 42"	11° 21' 32"	106° 47' 02"	C-48-22-B-c
ấp Tân Thịnh	DC	xã An Bình	H. Phú Giáo	11° 19' 32"	106° 49' 25"					C-48-22-B-c
chùa Thanh Lâm	KX	xã An Bình	H. Phú Giáo	11° 20' 09"	106° 49' 01"					C-48-22-B-c
Ấp 6	DC	xã An Linh	H. Phú Giáo	11° 20' 13"	106° 43' 31"					C-48-22A-d
Ấp 7	DC	xã An Linh	H. Phú Giáo	11° 19' 26"	106° 42' 18"					C-48-22A-d
Ấp 9	DC	xã An Linh	H. Phú Giáo	11° 22' 13"	106° 43' 25"					C-48-22A-d
ấp 30-4	DC	xã An Linh	H. Phú Giáo	11° 21' 21"	106° 43' 28"					C-48-22A-d
Đường ĐH.504	KX	xã An Linh	H. Phú Giáo			11° 22' 46"	106° 43' 33"	11° 21' 43"	106° 49' 50"	C-48-22A-b; C-48-22-A-d
Đường ĐH.507	KX	xã An Linh	H. Phú Giáo			11° 16' 04"	106° 46' 12"	11° 28' 22"	106° 48' 06"	C-48-22A-b; C-48-22-A-d
Đường ĐH.509	KX	xã An Linh	H. Phú Giáo			11° 19' 09"	106° 44' 51"	11° 20' 35"	106° 43' 39"	C-48-22A-d
Đường ĐH.510	KX	xã An Linh	H. Phú Giáo			11° 21' 13"	106° 43' 29"	11° 21' 21"	106° 41' 14"	C-48-22A-d
chợ An Linh	KX	xã An Linh	H. Phú Giáo	11° 21' 30"	106° 43' 29"					C-48-22A-d
nhà thờ An Linh	KX	xã An Linh	H. Phú Giáo	11° 22' 23"	106° 43' 31"					C-48-22A-d
Sông Bé	TV	xã An Linh	H. Phú Giáo			11° 28' 55"	106° 45' 57"	11° 06' 34"	106° 57' 49"	C-48-22-A-b; C-48-22-A-d
suối Nước Trong	TV	xã An Linh	H. Phú Giáo			11° 27' 42"	106° 48' 23"	11° 15' 38"	106° 45' 16"	C-48-22-A-d
ấp Phú Bằng	DC	xã An Linh	H. Phú Giáo	11° 22' 21"	106° 43' 08"					C-48-22A-d
chùa Phước Linh	KX	xã An Linh	H. Phú Giáo	11° 20' 36"	106° 43' 30"					C-48-22A-d
Đường ĐH.510	KX	xã An Long	H. Phú Giáo			11° 21' 13"	106° 43' 29"	11° 21' 21"	106° 41' 14"	C-48-22-A-d
Đường ĐH.516	KX	xã An Long	H. Phú Giáo			11° 16' 24"	106° 37' 58"	11° 23' 47"	106° 41' 04"	C-48-22-A-b; C-48-22-A-d
cầu An Linh - An Long	KX	xã An Long	H. Phú Giáo	11° 21' 13"	106° 43' 02"					C-48-22-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
ấp Bàu Càm	DC	xã An Long	H. Phú Giáo	11° 23' 05"	106° 41' 55"					C-48-22-A-b
ấp Bàu Cừ	DC	xã An Long	H. Phú Giáo	11° 21' 20"	106° 41' 26"					C-48-22-A-d
kênh Phước Hòa	TV	xã An Long	H. Phú Giáo			11° 25' 23"	106° 26' 48"	11° 25' 19"	106° 43' 07"	C-48-22-A-b
cầu Suối Thôn	KX	xã An Long	H. Phú Giáo	11° 20' 15"	106° 41' 10"					C-48-22-A-d
Suối Thôn	TV	xã An Long	H. Phú Giáo			11° 23' 01"	106° 40' 26"	11° 19' 55"	106° 41' 19"	C-48-22-A-b; C-48-22-A-d
ấp Xóm Quạt	DC	xã An Long	H. Phú Giáo	11° 21' 06"	106° 41' 07"					C-48-22-A-d
Ấp 4	DC	xã An Thái	H. Phú Giáo	11° 24' 25"	106° 43' 47"					C-48-22-A-b
Ấp 5	DC	xã An Thái	H. Phú Giáo	11° 24' 36"	106° 44' 45"					C-48-22-A-b
Đường ĐH.504	KX	xã An Thái	H. Phú Giáo			11° 22' 46"	106° 43' 33"	11° 21' 43"	106° 49' 50"	C-48-22-A-b
Đường ĐH.507	KX	xã An Thái	H. Phú Giáo			11° 16' 04"	106° 46' 12"	11° 28' 22"	106° 48' 06"	C-48-22A-b; C-48-22-B-a
trại giam An Phước	KX	xã An Thái	H. Phú Giáo	11° 27' 08"	106° 46' 42"					C-48-22-B-a
Sông Bé	TV	xã An Thái	H. Phú Giáo			11° 28' 55"	106° 45' 57"	11° 06' 34"	106° 57' 49"	C-48-22-A-b; C-48-22-B-a
Suối Chu	TV	xã An Thái	H. Phú Giáo			11° 27' 00"	106° 46' 43"	11° 26' 32"	106° 44' 32"	C-48-22-A-b; C-48-22-B-a
suối Hố Đá	TV	xã An Thái	H. Phú Giáo			11° 28' 10"	106° 46' 38"	11° 27' 18"	106° 45' 16"	C-48-22-B-a
suối Nước Trong	TV	xã An Thái	H. Phú Giáo			11° 27' 42"	106° 48' 23"	11° 15' 38"	106° 45' 16"	C-48-22-A-b; C-48-22-B-a
ấp Phú Thịnh 1	DC	xã An Thái	H. Phú Giáo	11° 23' 10"	106° 43' 46"					C-48-22-A-b
ấp Phú Thịnh 2	DC	xã An Thái	H. Phú Giáo	11° 22' 59"	106° 43' 54"					C-48-22-A-b
Trường Giáo dục Đào tạo và Giải quyết việc làm Số 3	KX	xã An Thái	H. Phú Giáo	11° 28' 51"	106° 46' 06"					C-48-22-B-a
suối Song Rinh	TV	xã An Thái	H. Phú Giáo			11° 29' 32"	106° 47' 43"	11° 28' 57"	106° 45' 58"	C-48-22-B-a
ấp Tân Bình	DC	xã An Thái	H. Phú Giáo	11° 23' 45"	106° 43' 36"					C-48-22-A-b
nông trường Cao su Tân Lập	KX	xã An Thái	H. Phú Giáo	11° 24' 56"	106° 45' 53"					C-48-22-B-a
ấp Tân Thái	DC	xã An Thái	H. Phú Giáo	11° 23' 41"	106° 43' 44"					C-48-22-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
nông trường Thanh niên xung phong tỉnh Bình Dương	KX	xã An Thái	H. Phú Giáo	11° 27' 54"	106° 45' 56"					C-48-22-B-a
Công ty CP Nông nghiệp U&I	KX	xã An Thái	H. Phú Giáo	11° 25' 21"	106° 43' 57"					C-48-22-A-b
suối Xà Mách	TV	xã An Thái	H. Phú Giáo			11° 24' 17"	106° 46' 04"	11° 22' 31"	106° 43' 56"	C-48-22-A-b; C-48-22-B-a
ấp 1A	DC	xã Phước Hòa	H. Phú Giáo	11° 14' 31"	106° 44' 47"					C-48-22-C-b
ấp 1B	DC	xã Phước Hòa	H. Phú Giáo	11° 14' 14"	106° 44' 03"					C-48-22-C-b
ấp 2A	DC	xã Phước Hòa	H. Phú Giáo	11° 14' 20"	106° 45' 14"					C-48-22-D-a
Đường ĐH.514	KX	xã Phước Hòa	H. Phú Giáo			11° 13' 47"	106° 43' 43"	11° 13' 15"	106° 46' 09"	C-48-22-C-b; C-48-22-D-a
Đường ĐH.515	KX	xã Phước Hòa	H. Phú Giáo			11° 12' 55"	106° 43' 07"	11° 15' 41"	106° 43' 51"	C-48-22-C-b; C-48-22-D-a
Đường ĐT.741	KX	xã Phước Hòa	H. Phú Giáo			11° 02' 06"	106° 38' 18"	11° 23' 06"	106° 49' 23"	C-48-22-B-c; C-48-22-D-a; C-48-22-C-b
ấp Bàu Cỏ	DC	xã Phước Hòa	H. Phú Giáo	11° 14' 38"	106° 43' 08"					C-48-22-C-b
suối Bàu Cỏ	TV	xã Phước Hòa	H. Phú Giáo			11° 14' 09"	106° 42' 10"	11° 15' 39"	106° 43' 38"	C-48-22-A-d; C-48-22-C-b
suối Bàu Gốc	TV	xã Phước Hòa	H. Phú Giáo			11° 11' 17"	106° 45' 32"	11° 12' 46"	106° 45' 59"	C-48-22-D-a
suối Bảy Giới	TV	xã Phước Hòa	H. Phú Giáo			11° 16' 41"	106° 42' 30"	11° 16' 23"	106° 44' 09"	C-48-22-A-d
Sông Bé	TV	xã Phước Hòa	H. Phú Giáo			11° 28' 55"	106° 45' 57"	11° 06' 34"	106° 57' 49"	C-48-22-A-d; C-48-22-C-b; C-48-22-C-b; C-48-22-C-d
ấp Bố Lá	DC	xã Phước Hòa	H. Phú Giáo	11° 12' 34"	106° 43' 12"					C-48-22-C-b
nông trường Cao su Bố Lá	KX	xã Phước Hòa	H. Phú Giáo	11° 13' 42"	106° 44' 51"					C-48-22-C-b; C-48-22-D-a
chùa Bửu Phước	KX	xã Phước Hòa	H. Phú Giáo	11° 14' 41"	106° 45' 24"					C-48-22-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Suối Cái	TV	xã Phước Hòa	H. Phú Giáo			11° 12' 46"	106° 45' 59"	11° 13' 30"	106° 47' 19"	C-48-22-D-a
suối Cảnh Chinh	TV	xã Phước Hòa	H. Phú Giáo			11° 12' 19"	106° 43' 11"	11° 12' 34"	106° 45' 02"	C-48-22-C-b; C-48-22-D-a
di tích Cầu Sông Bé	KX	xã Phước Hòa	H. Phú Giáo	11° 15' 14"	106° 45' 30"					C-48-22-B-c
ấp Đồng Chinh	DC	xã Phước Hòa	H. Phú Giáo	11° 11' 50"	106° 43' 23"					C-48-22-C-b
suối Lồ Ô	TV	xã Phước Hòa	H. Phú Giáo			11° 15' 00"	106° 42' 00"	11° 15' 39"	106° 43' 38"	C-48-22-A-d
xóm Nhà Bò	DC	xã Phước Hòa	H. Phú Giáo	11° 14' 16"	106° 46' 15"					C-48-22-D-a
cầu Phước Hòa	KX	xã Phước Hòa	H. Phú Giáo	11° 15' 12"	106° 45' 24"					C-48-22-B-c
Trường Trung học phổ thông Phước Hòa	KX	xã Phước Hòa	H. Phú Giáo	11° 13' 42"	106° 43' 36"					C-48-22-C-b
suối Rạch Ngan	TV	xã Phước Hòa	H. Phú Giáo			11° 15' 39"	106° 43' 38"	11° 15' 46"	106° 44' 35"	C-48-22-A-d
Suối Sen	TV	xã Phước Hòa	H. Phú Giáo			11° 13' 30"	106° 43' 11"	11° 12' 05"	106° 44' 22"	C-48-22-C-b
ấp Suối Con	DC	xã Phước Hòa	H. Phú Giáo	11° 12' 47"	106° 45' 47"					C-48-22-D-a
đập Suối Con	KX	xã Phước Hòa	H. Phú Giáo	11° 12' 44"	106° 45' 41"					C-48-22-D-a
Suối Xè	TV	xã Phước Hòa	H. Phú Giáo			11° 14' 25"	106° 43' 08"	11° 15' 07"	106° 44' 39"	C-48-22-A-d; C-48-22-C-b
Đường ĐH.504	KX	xã Phước Sang	H. Phú Giáo			11° 22' 46"	106° 43' 33"	11° 21' 43"	106° 49' 50"	C-48-22-B-c
Đường ĐH.506	KX	xã Phước Sang	H. Phú Giáo			11° 17' 07"	106° 47' 20"	11° 21' 04"	106° 45' 44"	C-48-22-B-c
Đường ĐH.508	KX	xã Phước Sang	H. Phú Giáo			11° 20' 02"	106° 44' 43"	11° 22' 54"	106° 47' 02"	C-48-22-B-c
ấp Bến Cát	DC	xã Phước Sang	H. Phú Giáo	11° 21' 42"	106° 46' 30"					C-48-22-B-c
ấp Đồng Thông	DC	xã Phước Sang	H. Phú Giáo	11° 23' 22"	106° 46' 13"					C-48-22-B-a
ấp Đồng Trâm	DC	xã Phước Sang	H. Phú Giáo	11° 21' 10"	106° 45' 59"					C-48-22-B-c
Cầu Đúc	KX	xã Phước Sang	H. Phú Giáo	11° 21' 04"	106° 45' 44"					C-48-22-B-c
Suối Giai	TV	xã Phước Sang	H. Phú Giáo			11° 23' 01"	106° 47' 55"	11° 15' 23"	106° 50' 07"	C-48-22-B-a; C-48-22-B-c
suối Hóc Bà Già	TV	xã Phước Sang	H. Phú Giáo			11° 23' 22"	106° 46' 29"	11° 22' 39"	106° 45' 54"	C-48-22-B-a
suối Nước Trong	TV	xã Phước Sang	H. Phú Giáo			11° 27' 42"	106° 48' 23"	11° 15' 38"	106° 45' 16"	C-48-22-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
ấp Sa Dụp	DC	xã Phước Sang	H. Phú Giáo	11° 22' 10"	106° 45' 17"					C-48-22-B-a
suối Sa Dụp	TV	xã Phước Sang	H. Phú Giáo			11° 23' 12"	106° 47' 01"	11° 22' 45"	106° 44' 46"	C-48-22- A-b; C-48-22- B-a
kênh Suối Giai	TV	xã Phước Sang	H. Phú Giáo			11° 23' 01"	106° 47' 48"	11° 16' 33"	106° 45' 53"	C-48-22-B-a; C-48-22-B-c
ấp Tân Tiến	DC	xã Phước Sang	H. Phú Giáo	11° 20' 40"	106° 46' 12"					C-48-22-B-c
suối Xà Mách	TV	xã Phước Sang	H. Phú Giáo			11° 24' 17"	106° 46' 04"	11° 22' 31"	106° 43' 56"	C-48-22- A-b; C-48-22- A-d; C-48-22- B-a
Đường ĐH.501	KX	xã Tam Lập	H. Phú Giáo			11° 17' 28"	106° 48' 44"	11° 16' 32"	106° 53' 31"	C-48-22-B-d; C-48-22-D-a
Đường ĐH.502	KX	xã Tam Lập	H. Phú Giáo			11° 19' 18"	106° 49' 16"	11° 16' 32"	106° 46' 57"	C-48-22-B-d; C-48-22-D-a
Đường ĐH.503	KX	xã Tam Lập	H. Phú Giáo			11° 20' 29"	106° 49' 20"	11° 19' 52"	106° 51' 15"	C-48-22-B-d; C-48-22-D-a
Sông Bé	TV	xã Tam Lập	H. Phú Giáo			11° 28' 55"	106° 45' 57"	11° 06' 34"	106° 57' 49"	C-48-22-D-a; C-48-22-D-b; C-48-22-B-a; C-48-22-B-c
miếu Cẩm Sơn	KX	xã Tam Lập	H. Phú Giáo	11° 17' 06"	106° 49' 37"					C-48-22-B-c
ấp Cây Khô	DC	xã Tam Lập	H. Phú Giáo	11° 14' 32"	106° 50' 40"					C-48-22-D-a
suối Cây Khô	TV	xã Tam Lập	H. Phú Giáo			11° 14' 27"	106° 49' 17"	11° 14' 36"	106° 50' 54"	C-48-22-D-a
bàu Cây Trâm	TV	xã Tam Lập	H. Phú Giáo	11° 19' 41"	106° 54' 27"					C-48-22-B-d
suối Cựa Gà	TV	xã Tam Lập	H. Phú Giáo			11° 17' 48"	106° 50' 32"	11° 17' 28"	106° 49' 39"	C-48-22-B-c
Suối Dây	TV	xã Tam Lập	H. Phú Giáo			11° 20' 38"	106° 55' 25"	11° 18' 39"	106° 54' 32"	C-48-22-B-d
Suối Đá	TV	xã Tam Lập	H. Phú Giáo			11° 18' 39"	106° 54' 32"	11° 16' 52"	106° 53' 45"	C-48-22-B-d
Suối Đôi	TV	xã Tam Lập	H. Phú Giáo			11° 21' 18"	106° 56' 35"	11° 18' 33"	106° 56' 11"	C-48-22-B-d
ấp Đồng Tâm	DC	xã Tam Lập	H. Phú Giáo	11° 17' 11"	106° 50' 07"					C-48-22-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
ấp Đuôi Chuột	DC	xã Tam Lập	H. Phú Giáo	11° 14' 23"	106° 48' 04"					C-48-22-D-a
ấp Gia Biện	DC	xã Tam Lập	H. Phú Giáo	11° 16' 38"	106° 53' 37"					C-48-22-B-d
cầu Gia Biện	KX	xã Tam Lập	H. Phú Giáo	11° 16' 32"	106° 53' 31"					C-48-22-B-d
Trung tâm Giáo dục lao động Tạo việc làm tỉnh Bình Dương	KX	xã Tam Lập	H. Phú Giáo	11° 15' 25"	106° 54' 18"					C-48-22-B-d
suối Mã Đà	TV	xã Tam Lập	H. Phú Giáo			11° 18' 33"	106° 56' 11"	11° 13' 53"	106° 54' 42"	C-48-22-B-d; C-48-22-D-b
suối Nước Vàng	TV	xã Tam Lập	H. Phú Giáo			11° 19' 56"	106° 48' 21"	11° 15' 23"	106° 50' 07"	C-48-22-B-c
Suối Rạc	TV	xã Tam Lập	H. Phú Giáo			11° 22' 25"	106° 51' 20"	11° 14' 54"	106° 52' 30"	C-48-22-B-c; C-48-22-B-d
cầu Rạch Bé	KX	xã Tam Lập	H. Phú Giáo	11° 20' 05"	106° 54' 08"					C-48-22-B-d
suối Rạch Bé	TV	xã Tam Lập	H. Phú Giáo			11° 20' 35"	106° 54' 3"	11° 17' 34"	106° 53' 14"	C-48-22-B-d
Suối Sai	TV	xã Tam Lập	H. Phú Giáo			11° 22' 50"	106° 47' 51"	11° 15' 23"	106° 50' 07"	C-48-22-B-c
cầu Tam Lập	KX	xã Tam Lập	H. Phú Giáo	11° 14' 30"	106° 51' 09"					C-48-22-D-a
Thiền viện Trúc lâm Thanh Nguyên	KX	xã Tam Lập	H. Phú Giáo	11° 14' 32"	106° 49' 00"					C-48-22-D-a
suối Vàm Vá	TV	xã Tam Lập	H. Phú Giáo			11° 15' 23"	106° 50' 07"	11° 15' 10"	106° 50' 52"	C-48-22-B-c; C-48-22-D-a
cầu Vàm Vá 2	KX	xã Tam Lập	H. Phú Giáo	11° 14' 12"	106° 50' 37"					C-48-22-D-a
cụm công nghiệp Xã Tam Lập	KX	xã Tam Lập	H. Phú Giáo	11° 16' 50"	106° 50' 49"					C-48-22-B-c
suối Ya Hu	TV	xã Tam Lập	H. Phú Giáo			11° 16' 22"	106° 50' 50"	11° 16' 03"	106° 52' 48"	C-48-22-B-c; C-48-22-B-d
Ấp 1	DC	xã Tân Hiệp	H. Phú Giáo	11° 18' 18"	106° 45' 00"					C-48-22-B-c
Ấp 2	DC	xã Tân Hiệp	H. Phú Giáo	11° 18' 45"	106° 44' 57"					C-48-22-A-d
Ấp 3	DC	xã Tân Hiệp	H. Phú Giáo	11° 19' 01"	106° 44' 54"					C-48-22-A-d
Ấp 4	DC	xã Tân Hiệp	H. Phú Giáo	11° 19' 44"	106° 44' 42"					C-48-22-A-d
Ấp 5	DC	xã Tân Hiệp	H. Phú Giáo	11° 20' 16"	106° 45' 20"					C-48-22-B-c
Ấp 6	DC	xã Tân Hiệp	H. Phú Giáo	11° 20' 06"	106° 44' 49"					C-48-22-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Đường ĐH.504	KX	xã Tân Hiệp	H. Phú Giáo			11° 22' 46"	106° 43' 33"	11° 21' 43"	106° 49' 50"	C-48-22-B-c
Đường ĐH.507	KX	xã Tân Hiệp	H. Phú Giáo			11° 16' 04"	106° 46' 12"	11° 28' 22"	106° 48' 06"	C-48-22-B-c
Đường ĐH.508	KX	xã Tân Hiệp	H. Phú Giáo			11° 20' 02"	106° 44' 43"	11° 22' 54"	106° 47' 02"	C-48-22-A-d; C-48-22-B-c
Đường ĐH.509	KX	xã Tân Hiệp	H. Phú Giáo			11° 19' 09"	106° 44' 51"	11° 20' 35"	106° 43' 39"	C-48-22-A-d
Đường ĐH.511	KX	xã Tân Hiệp	H. Phú Giáo			11° 18' 55"	106° 44' 53"	11° 19' 00"	106° 46' 34"	C-48-22-A-d; C-48-22-B-c
Đường ĐH.512	KX	xã Tân Hiệp	H. Phú Giáo			11° 15' 32"	106° 45' 30"	11° 18' 59"	106° 44' 05"	C-48-22-A-d
Sông Bé	TV	xã Tân Hiệp	H. Phú Giáo			11° 28' 55"	106° 45' 57"	11° 06' 34"	106° 57' 49"	C-48-22-A-d
Cầu Đôi	KX	xã Tân Hiệp	H. Phú Giáo	11° 20' 23"	106° 44' 02"					C-48-22-B-c
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ	KX	xã Tân Hiệp	H. Phú Giáo	11° 20' 02"	106° 44' 46"					C-48-22-A-d
suối Nước Trong	TV	xã Tân Hiệp	H. Phú Giáo			11° 27' 42"	106° 48' 23"	11° 15' 38"	106° 45' 16"	C-48-22-A-d
kênh Suối Giai	TV	xã Tân Hiệp	H. Phú Giáo			11° 23' 01"	106° 47' 48"	11° 16' 33"	106° 45' 53"	C-48-22-B-c
giáo xứ Tân Hiệp	KX	xã Tân Hiệp	H. Phú Giáo	11° 19' 25"	106° 44' 47"					C-48-22-A-d
Ấp 1	DC	xã Tân Long	H. Phú Giáo	11° 19' 25"	106° 40' 32"					C-48-22-A-d
Ấp 2	DC	xã Tân Long	H. Phú Giáo	11° 19' 36"	106° 40' 20"					C-48-22-A-d
Ấp 3	DC	xã Tân Long	H. Phú Giáo	11° 20' 03"	106° 40' 02"					C-48-22-A-d
Ấp 4	DC	xã Tân Long	H. Phú Giáo	11° 16' 29"	106° 42' 24"					C-48-22-A-d
Ấp 5	DC	xã Tân Long	H. Phú Giáo	11° 19' 55"	106° 40' 50"					C-48-22-A-d
Ấp 6	DC	xã Tân Long	H. Phú Giáo	11° 20' 40"	106° 39' 06"					C-48-22-A-d
Ấp 7	DC	xã Tân Long	H. Phú Giáo	11° 17' 00"	106° 43' 02"					C-48-22-A-d
Đường ĐH.516	KX	xã Tân Long	H. Phú Giáo			11° 16' 24"	106° 37' 58"	11° 23' 47"	106° 41' 04"	C-48-22-A-d
Đường ĐH.517	KX	xã Tân Long	H. Phú Giáo			11° 14' 10"	106° 44' 00"	11° 16' 49"	106° 21' 14"	C-48-22-A-d
Đường ĐH.519	KX	xã Tân Long	H. Phú Giáo			11° 18' 18"	106° 40' 55"	11° 15' 01"	106° 40' 48"	C-48-22-A-d
Đường ĐT.750	KX	xã Tân Long	H. Phú Giáo			11° 14' 10"	106° 44' 00"	11° 16' 49"	106° 21' 14"	C-48-22-A-d
suối Bà Tảo	TV	xã Tân Long	H. Phú Giáo			11° 16' 18"	106° 39' 08"	11° 16' 41"	106° 42' 30"	C-48-22-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
suối Bảy Giới	TV	xã Tân Long	H. Phú Giáo			11° 16' 41"	106° 42' 30"	11° 16' 23"	106° 44' 09"	C-48-22-A-d
Sông Bé	TV	xã Tân Long	H. Phú Giáo			11° 28' 55"	106° 45' 57"	11° 06' 34"	106° 57' 49"	C-48-22-A-d
Suối Dầu	TV	xã Tân Long	H. Phú Giáo			11° 19' 58"	106° 38' 11"	11° 21' 25"	106° 39' 25"	C-48-22-A-d
Suối Độn 1	TV	xã Tân Long	H. Phú Giáo			11° 16' 52"	106° 41' 04"	11° 16' 41"	106° 42' 30"	C-48-22-A-d
Suối Độn 2	TV	xã Tân Long	H. Phú Giáo			11° 22' 10"	106° 36' 10"	11° 21' 20"	106° 40' 20"	C-48-22-A-d
suối Lồ Ô	TV	xã Tân Long	H. Phú Giáo			11° 15' 00"	106° 42' 00"	11° 15' 39"	106° 43' 38"	C-48-22-A-d
suối Ông Bằng	TV	xã Tân Long	H. Phú Giáo			11° 17' 46"	106° 38' 55"	11° 18' 48"	106° 41' 46"	C-48-22-A-d
cầu Suối Thôn	KX	xã Tân Long	H. Phú Giáo	11° 20' 15"	106° 41' 10"					C-48-22-A-d
Trường Trung học phổ thông Tây Sơn	KX	xã Tân Long	H. Phú Giáo	11° 19' 47"	106° 40' 28"					C-48-22-A-d
Suối Thôn	TV	xã Tân Long	H. Phú Giáo			11° 23' 01"	106° 40' 26"	11° 19' 55"	106° 41' 19"	C-48-22-A-d
Đường ĐH.502	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Phú Giáo			11° 19' 18"	106° 49' 16"	11° 16' 32"	106° 46' 57"	C-48-22-B-c
Đường ĐH.505	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Phú Giáo			11° 18' 14"	106° 46' 54"	11° 18' 06"	106° 45' 35"	C-48-22-B-c
Đường ĐH.506	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Phú Giáo			11° 17' 07"	106° 47' 20"	11° 21' 04"	106° 45' 44"	C-48-22-B-c
Đường ĐH.507	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Phú Giáo			11° 16' 04"	106° 46' 12"	11° 28' 22"	106° 48' 06"	C-48-22-A-d; C-48-22-B-c
Đường ĐH.512	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Phú Giáo			11° 15' 32"	106° 45' 30"	11° 18' 59"	106° 44' 05"	C-48-22-A-d; C-48-22-B-c
Đường ĐH.513	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Phú Giáo			11° 15' 50"	106° 45' 53"	11° 14' 54"	106° 48' 08"	C-48-22-A-d; C-48-22-B-c
Đường ĐT.741	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Phú Giáo			11° 02' 06"	106° 38' 18"	11° 23' 06"	106° 49' 23"	C-48-22-B-c
Sông Bé	TV	xã Vĩnh Hòa	H. Phú Giáo			11° 28' 55"	106° 45' 57"	11° 06' 34"	106° 57' 49"	C-48-22-A-d; C-48-22-B-c; C-48-22-C-b; C-48-22-C-d
ấp Bưng Riềng	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Phú Giáo	11° 15' 49"	106° 45' 56"					C-48-22-B-c
di tích Cầu Sông Bé	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Phú Giáo	11° 15' 14"	106° 45' 30"					C-48-22-B-c
suối Đuôi Chuột	TV	xã Vĩnh Hòa	H. Phú Giáo			11° 14' 07"	106° 47' 17"	11° 14' 00"	106° 47' 52"	C-48-22-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	Độ, phút, giây	
Suối Giai	TV	xã Vĩnh Hòa	H. Phú Giáo			11° 23' 01"	106° 47' 55"	11° 15' 23"	106° 50' 07"	C-48-22-B-c
chùa Huệ Minh	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Phú Giáo	11° 16' 13"	106° 46' 25"					C-48-22-B-c
ấp Kỉnh Nhượng	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Phú Giáo	11° 16' 09"	106° 45' 41"					C-48-22-B-c
giáo xứ Kỉnh Nhượng	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Phú Giáo	11° 16' 29"	106° 46' 08"					C-48-22-B-c
ấp Lễ Trang	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Phú Giáo	11° 18' 21"	106° 46' 45"					C-48-22-B-c
giáo xứ Lễ Trang	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Phú Giáo	11° 18' 16"	106° 46' 45"					C-48-22-B-c
chùa Ngọc Hòa	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Phú Giáo	11° 16' 55"	106° 47' 17"					C-48-22-B-c
suối Nước Trong	TV	xã Vĩnh Hòa	H. Phú Giáo			11° 27' 42"	106° 48' 23"	11° 15' 38"	106° 45' 16"	C-48-22-A-d; C-48-22-B-c
chùa Phổ An Hòa	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Phú Giáo	11° 16' 17"	106° 46' 25"					C-48-22-B-c
cầu Phước Hòa	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Phú Giáo	11° 15' 12"	106° 45' 24"					C-48-22-B-c
kênh Suối Giai	TV	xã Vĩnh Hòa	H. Phú Giáo			11° 23' 01"	106° 47' 48"	11° 16' 33"	106° 45' 53"	C-48-22-B-c
ấp Trảng Sắn	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Phú Giáo	11° 16' 25"	106° 46' 38"					C-48-22-B-c
cầu Vàm Vá	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Phú Giáo	11° 17' 15"	106° 47' 22"					C-48-22-B-c
ấp Vĩnh An	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Phú Giáo	11° 16' 50"	106° 47' 29"					C-48-22-B-c
giáo xứ Vĩnh Hòa	KX	xã Vĩnh Hòa	H. Phú Giáo	11° 17' 09"	106° 47' 18"					C-48-22-B-c
ấp Vĩnh Tiến	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Phú Giáo	11° 16' 32"	106° 47' 00"					C-48-22-B-c

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa